

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MỘT BẠC VĨ-NHÂN TRONG KHOA-HỌC ĐỜI NAY :

ÔNG PASTEUR

Người Âu-Tây có lẽ kỷ-niệm, khác nào như người Đông-phương ta có lẽ giỗ vậy. Duy người mình làm giỗ thời cổ-bản linh - đình, phần nhiều là cuộc vui cho người sống hơn là dịp nhớ đến người chết. Người Tây thời gặp ngày kỷ-niệm tất tìm cách nhắc đến công việc người xưa cho người nay nhớ lấy; thế mới là hợp nghĩa hai chữ *kỷ-niệm*.

Ta đọc báo thường không thấy mấy tháng là không có lễ kỷ-niệm: khi thời kỷ-niệm người, khi thời kỷ-niệm việc, khi thời kỷ-niệm một cái công-trình lớn, khi thời kỷ-niệm một cái kiến-thiết to; lại có kỷ-niệm hai-mươi-lăm năm, kỷ-niệm ba-mươi năm, kỷ-niệm năm-mươi năm, kỷ-niệm một trăm năm, kỷ-niệm hai ba trăm năm, v. v. Tóm-hạt-chỉ có người đã nói rằng ngày nay cái tục kỷ-niệm đã lưu-hành thành một « vấy » vậy! Cũng có nhiều sự kỷ-niệm chánh - đáng, cũng có nhiều sự kỷ-niệm không được chánh-đáng lắm, như kỷ-niệm những người cùng việc tuy có tiếng nhất-thời mà không có ảnh-hưởng vĩnh-viễn đến hậu-thế tương-lai vậy.

Ngày 27 tháng chạp tây năm 1922 cũng là một ngày kỷ-niệm, mà sự kỷ-niệm này chắc không ai dám cho là không chánh-đáng. Ngày ấy là kỷ-niệm ai? Chính là kỷ-niệm một bậc vĩ-nhân

trong Khoa-học, một bậc ân-nhân của nhân-loại đời nay; chính là kỷ-niệm một trăm năm ngày sinh-nhật ông PASTEUR nước Pháp vậy.

Ngày ấy suốt các trường học ở nước Pháp, không những một nước Pháp, suốt các trường học trong khắp cả thế-giới văn - minh, đều làm lễ ghi nhớ công-đức một người đã có công to với nhân-quần xã-hội. Đến các trường học ở nước Nam ta, cũng có lệnh sở Học-chánh ngày ấy các thầy giáo phải giảng-thuyết về công-nghiệp ông PASTEUR cho học-trò nghe.

Ông PASTEUR là người thế nào? Sự-nghiệp ông những gì? Bởi công-đức gì mà ông được tiếng là ân-nhân của xã-hội và được cả vạn-quốc tôn-sùng? Nhân ngày lễ kỷ-niệm này, quốc-dân ta cũng phải nên biết, vì ở thời-đại văn-minh, không thể chỉ khu-khu biết những thần-thánh một phương mình mà không rộng trông đến các vĩ-nhân của thiên-hạ. Vả lại những bậc người phi-thường không phải là của riêng một nước nào, thật là của chung cả nhân-quần, làm người ai cũng phải kính, phải trọng. Ông PASTEUR chính là vào bậc những người phi - thường đó. Không phải ông có làm nên những sự-nghiệp kinh-thiên động-địa gì, như các bậc anh-hùng hào-kiệt đời xưa đời nay. Ông chỉ là một người học-giá,

cặm-cụi trong viện sách phòng nghiệm, mà phát-minh được những phép đủ cứu-khở cứu-nạn cho loài người, canh-cải biến-hoán cả cuộc đời; ấy sự-nghiệp ông là đó, công-đức ông là đó.

Ông bình-sinh chuyên-trị về hóa-chất-học và vi-trùng-học. Ông sinh ở thành *Dôle*, hạt *Jura* nước Pháp, ngày 27 tháng 12 năm 1822, đến năm nay vừa một trăm năm. Ông mất ở nơi *Villeneuve - l'Etang*, xã *Garches*, hạt *Seine-et-Oise*, ngày 28 tháng 9 năm 1895, thọ 73 tuổi.

I

Nói về lịch-sử ông Pasteur

Ông thuở nhỏ sinh - trưởng ở đất *Arbois*, trên bờ sông *Cuisance*. Cụ thân-sinh vốn làm suất-đội, đã đi tòng-quân với vua *Nã-phá-luân* đại-đế, được vua ban khen và gả «mê-đây» giữa chiến-trường; năm 1825 đã về hưu, bèn đến đây mở một cái xưởng thuộc da nhỏ. Ông vào học trường trung-học ở làng, mãi cho đến lớp ba, chỉ thấy thích vẽ hơn là thích học, bài vở chưa xong đã thấy tay cầm cái bút chì vẽ hình các anh em trong lớp. Nhưng nhờ có cụ thân sinh thẳng-thúc, — vì chủ-ý cụ là muốn cho ông làm được ông giáo trường trung-học, — chợt thấy đổi tính và thành ra hăng-hái chăm học lắm, đến lớp triết - học thời sang học ở trường trung-học thành *Besançon*; năm 1840 thi đỗ Văn-khoa-Tú-tài, được bổ làm trợ - giáo ngay trường ấy, lại đồng-thời vừa theo học lớp « đặc-biệt số-học » (*mathématiques spéciales*) ở đây. Năm 1842, thi vào trường Cao-đẳng-Sư-phạm lần đầu, vào ban Cách-trị, được đỗ thứ 14. Ông có ý lấy thể làm thấp, không mãn-nguyện, bèn ra Paris, ở trọ *Barbet* được đặc-cách chỉ phải trả một phần ba tiền trọ, và lại theo học ở trường trung - học *Saint-Louis*, học tập trong một năm nữa, lại ra ứng-thí thi lần này được đỗ thứ tư.

Tự khi ở *Besançon*, ông đã ham về hóa-học lắm. Bấy giờ ông bèn chú-ý theo lớp học của hai ông giáo *DUMAS* và *BALARD*. Học ba năm tốt-nghiệp (1843 đến 1846), ông được ông giáo *BALARD* giữ lại ở trường để làm trợ-biên trong việc thí-nghiệm (*préparateur*). Bấy giờ ông mới bắt đầu nghiên - cứu về kết-tinh-học (*crystallographie*) và dần-dần phát-minh ra cái thuyết rất khéo về các phân-tử của vật-chất không có đối-xứng nhau (*théorie de la dissymétrie moléculaire*). Năm 1848, ông được bổ làm giáo - học về lý - hóa - học ở trường trung - học thành *Dijon*, rồi cách ba tháng sau được làm phụ-giáo về khoa hóa-học ở ban Cách-trị trường Đại-học thành *Strasbourg*, đến năm 1852 thì được làm giáo-sư chính-chức. Năm 1854, lại bổ ra dạy hóa-học và kiêm chức ban-trưởng ở ban Cách-trị mới lập tại trường Đại-học thành *Lille*, ban ấy chính ông ra tay tổ-chức. Rồi tự năm 1857 đến năm 1867, làm đốc-học các khoa cách-trị ở trường Cao-đẳng-Sư-phạm. Lại từ năm 1863 dạy khoa vật-lý-địa-chất-học (*géologie physique*) và hóa-học ở trường Mĩ-thuật (*Ecole des Beaux Arts*). Sau ông bỏ hai nơi ấy mà chuyên dạy khoa Hóa - học ở trường Đại-học Paris trong tám năm, tự 1867 đến 1875. Năm 1868 lại được kiêm bổ làm trưởng phòng Thí-nghiệm về sinh-lý-hóa-học (*Chimie physiologique*) ở Cao-đẳng-Nghiên-cứu-viện (*Ecole des Hautes Etudes*). Hồi bấy giờ ông đã nổi tiếng khắp hoàn-cầu về những sự phát-minh của ông về men-mốc, về thuyết tự-sinh (*la génération spontanée*), về bệnh nho và bệnh tả. Năm 1862, Hội « Khoa-học-bác-sĩ » (*Académie des Sciences*) bầu ông làm hội-viên vào ban Khoáng - vật - học (*minéralogie*) thay chân cho ông *SÉNARMONT*. Bấy giờ những huy-chương, những phần thưởng kế-tiếp nhau mà đưa đến cho ông. Năm 1867, hội-đồng sát-hạch của Hội

Đầu-xảo Vạn-quốc thành Paris quyết-nghị ban một cái phần thưởng lớn cho ông về những sự phát-minh của ông về cách giữ rượu vang. Năm 1868, quan Nông-bộ Thượng-thư nước Áo (Autriche) tặng ông một phần thưởng một vạn quan về công ông đã giúp cho nghề tằm - tơ. Cùng năm ấy ban Y-học trường Đại-học thành Bonn (nước Đức) tặng ông cái bằng danh-dự-tiểu-sĩ (*Docteur honoraire*), nhưng ba năm sau nhân nước Pháp giao-chiến với nước Đức, người Đức xâm-nhập thành Paris, ông đem bằng ấy trả lại người Đức, có kèm một cái thơ công-bổ cho thiên - hạ biết. Năm 1869 Hội Bác-sĩ thành Londres, hồi năm 1856 đã từng tặng ông « mè-đay » *Rumford*, bấy giờ mời ông vào chân hội-viên. Vua Nã-phá-luân thứ 3 vốn trọng-dãi ông lắm, thường năm năm mời ông về chơi ở cung *Compiègne*, ngày 27 tháng 7 năm 1870, cử ông vào ngôi « Nguyên-lão » (*sénateur*), nhưng bấy giờ đã gần lúc khai-chiến với Đức, nên cái dụ của vua không kịp đem ra tuyên-bố. Tuy ông không có bằng y-khoa-tiểu-sĩ mà năm 1873 cũng được Hội Y-khoa-Bác-sĩ bầu làm « trợ-do hội-viên » (*associé libre*). Hội « Trường-lệ về khoa-học » (*Société d'Encouragement*) thời ban cho ông cái thưởng lớn 12.000 quan. Năm 1874, Quốc - Hội chiếu theo lời báo-cáo của ông PAUL BERT, quyết-nghị tặng ông tiền ân-cấp chung-thân mỗi năm là 12.000 quan, sau đến năm 1883 thời hai Nghị-viện tăng lên 25.000 quan và định rằng khi ông tử-hậu tiền ấy sẽ qui về vợ con. Tháng bảy năm 1881, mấy tháng sau khi ông báo cho Hội Khoa-học-Bác-sĩ về sự ông mới phát-minh ra phép tiêm trị bệnh « ung » (*vaccination charbonneuse*), ông được thăng đệ-nhất-hạng Bắc - đầu - hội - tinh. Cuối năm ấy thì ông được bầu vào Hội « Văn-học-Bác-sĩ » (tức là Hội Hàn-lâm nước

Pháp) thay chân ông LITTRÉ. Năm 1887, Hội Khoa-học-Bác-sĩ cử ông làm vĩnh-viên-thư-ký (vào ban lý-học) thay ông VULPIAN. Nhưng mà bấy giờ sức khỏe ông đã kém đi nhiều lắm, vì năm 1868 hồi ông nghiên-cứu về bệnh tằm, ông đã phải bệnh bán-thân-bất-toại (*hémiplegie*), sau vẫn còn tay chân bên tả hơi cứng đờ. Chức vĩnh-viên-thư-ký Hội Bác-sĩ là một chức nặng-nhọc, ông không thể kiêm được lâu, ngay tự năm 1889 bèn xin từ-chức. Năm 1892, ông vừa bảy-mươi tuổi. Nhà - nước làm lễ trọng-thọ mừng ông ở đại-diễn-đàn *Sorbonne*, quan Giám-quốc đứng chủ-lễ, cả năm hội Bác-sĩ và đại-biêu các Hội học các nước đến dự lễ đông lắm. Vả gần khắp các Hội học lớn trong thế-giới ông đều có chân cả, hoặc có chân hội-viên, hoặc có chân thông-tin, và hầu hết các huy-chương của các nước ông đều được thưởng hết cả (chỉ trừ có « Huân-công-Bội-tinh » của nước Phổ hồi mở hội thành *Kiel* muốn tặng ông, ông không lấy mà thôi). Mãi đến năm 1894 ông vẫn giữ chức viện-trưởng Viện chữa bệnh chó dại ở đường phố *Dutot*, viện này rồi sau đặt tên ông gọi là « Viện Pasteur », và vẫn thường đến nghiên-cứu ở sở thí-nghiệm viện ấy. Nhưng bệnh ông mỗi ngày một nặng. ngày 28 tháng 9 năm 1895, ông phải chứng « si - độc » (尿毒 *urémie*) tắt nghỉ ở sở *Villeneuve-l'Etang* là nơi nhà công của Chính-phủ đề riêng đề ông làm sở thí - nghiệm về bệnh chó dại và ông dùng một phần sữa-sang lại để làm nhà ở. Ngày mồng 5 tháng 10, Nhà-nước làm quốc-táng, đặt lễ tại Đại - giáo - đường *Notre - Dame*. Xác còn quản - táng ở trong hầm nhà thờ, đến ngày 26 tháng 12 năm 1896, mới chuyển sang « Viện Pasteur », chôn và đặt thành nhà mồ ở đấy. Các nhà danh - họa BONNAT (Đầu-xảo Mi-thuật năm 1886), CAROLUS DURAN và EDELFFELT đều có vẽ hình ông; nhà

chạm trượng có tiếng PAUL DUBOIS (Đấu-xảo Mỹ-thuật năm 1880) có chạm một pho tượng bán-thân của ông; lại tay thợ khắc giỏi là ROTY có khắc hình mặt ông vào cái « mề-day » vàng kỷ-niệm lễ thượng-thọ.

Hồi ông làm phụ-giáo ở trường Đại-học thành *Strasbourg*, ông có kết-hôn với cô MARIE-ANNE LAURENT, là con gái ông hiệu-trưởng trường Đại-học. Sinh được hai người con: người con gái lấy ông văn-sĩ VALLERY-RADOT; người con trai JEAN BAPTISTE PASTEUR làm quan về ngạch ngoại-giao. Ông đã gây dựng được nhiều học-trò lắm, có nhiều tay giúp việc ông có công và sau này nổi tiếng danh-sư một thời: như bọn ông DUCLAUX, ROUX, GRANCHER, CHAMBERLAND, METCHNIKOFF, CHANTEMESSE, v. v.

II

Nói về sự-nghiệp ông Pasteur

Một nhà hóa-học trứ-danh đã có câu nói rằng: « PASTEUR, RENAN, VICTOR HUGO, là ba người về đường tri-thức đã hiển-hách nhất trong thời-đại ta. Ba người ấy như đã in dấu-vết vào cái thế-kỷ vừa qua đây: dấu-vết của ông PASTEUR là những tư-tưởng cùng công-nghiệp người đời bao giờ cũng còn nhớ đến mãi, vì nó rõ-ràng hiển-nhiên ai cũng thấu-hiểu được ». — Lời nói ấy thật là đích-dáng lắm, vì những sự phát-minh của ông PASTEUR có cái đặc-sắc này, là không phải chỉ ở trong vòng lý-tưởng thuần-túy mà thôi. Ông đã từng nghiên-cứu cũng lắm cái vấn-đề khó-khăn về khoa-học, mà hầu hết bao giờ cũng tới được những sự kết-quả có ích-lợi ngay cho người đời, và lại rất là hợp với đạo từ-thiện ở đời. Cho nên nước Pháp kể cũng nhiều những tay bác-học làm sáng-sủa cho nước, mà chưa từng được ai ngay thừa sinh-thời được tiếng-tấm vẻ-vang và lừng-lẫy hoàn-cầu như thế; chưa

từng có ai được công-chúng mến yêu như thế. Cái sự-nghiệp học-vấn của ông thật là thủy-chung duy-nhất, khác nào như một cái tư-tưởng dần-dần phát-siễn ra một cách điều-hòa tuần-tự, từ hồi đầu mới nghiên-cứu về các chất kết-tinh (*cristaux*) cho đến khi phát-minh ra phép trị bệnh chó dại. Sự-nghiệp ấy có thể chia ra làm ba thời-kỳ: thời-kỳ nghiên-cứu về kết-tinh-học; thời-kỳ nghiên-cứu về men-mốc và về tự-sinh-thuyết; thời-kỳ nghiên-cứu về các nọc độc (*virus*) và thuốc tiêm (*vaccins*).

A. — Nghiên-cứu về kết-tinh-học. — Hai nhà bác-học MITSCHERLICH và BIOT đã nghiệm rằng phàm chất « muối toan », những chất thuộc về giòng *tartrates* thời có cái sức xoay thẳng, mà những chất thuộc về giòng *paratartrates*, tuy tính-chất lý-hóa cũng thế, hình-thể kết-tinh cũng thế, mà không có vận-động gì cả. Ông PASTEUR hồi bấy giờ còn học-trò trường Sư-phạm, lấy sự trái lẽ đó làm lạ; đến khi ông được làm chức trợ-biện việc thí-nghiệm ở nhà trường, thời ông đem hết cả các hạt « muối toan » thuộc về loài *tartrates* và *paratartrates* mà thử-nghiệm lại. Ông thấy rằng những hạt toan và hạt muối *tartrates* thời nó không đối-xứng nhau, hình nó bán-diện (*hémiédriques*), nghiêng về một bên, và khi xoay lệch đi thì xoay về bên hữu; những hạt toan và hạt muối *paratartrates* thì lại trái lại, và có hai thứ hạt tinh 晶 (*cristaux*): một thứ cũng giống thứ trên, hình bán-diện, xoay lệch đường sáng (*plan de polarisation*) về bên hữu; một thứ thời giống như hình chiếu vào trong gương, nghĩa là bán-diện về bên tả và xoay lệch về bên tả. Đem pha hai thứ « tinh » ấy đều nhau thời làm thành chất toan gọi là *acide paratartrique*, hay là *racémique*, chất này lại trái lại không vận-động gì cả. Năm 1848, khi

ra dạy học ở thành *Strasbourg* ông PASTEUR lại thí-nghiệm bằng mấy thứ chất khác kết-tinh được, như chất *aspartates* và *malates*, kẻ cũng khó-khăn lắm mới tìm thấy được rằng phạm chất nào có sức xoay-động cũng thấy cạnh không đối-xúng nhau và nghiêng về phía xoay lệch. Bấy giờ (là năm 1852) ông mới xướng lên cái luật chung rằng phạm trong các thể kết-tinh, sự không đối-xúng trong các phân-tử (*molécules*) với cái sức xoay-động có liên-hệ với nhau, nhờ sự phát-minh đó mà hai-mươi năm về sau hai ông LE BEL và VAN T'HOFF dựng ra khoa « lập-phương-thể hóa-học » (*stéréochimie*), nghĩa là hóa-học về các hình đứng. Ông lại xướng ra cái thuyết rằng trong các chất do giống sinh-vật tạo ra thời hình-thể các phân-tử bao giờ cũng không đối-xúng, mà trong các chất do người ta thí-nghiệm tạo-tác ra, cùng các chất thuộc về khoáng-vật thời hình-thể các phân-tử bao giờ cũng đối-xúng. Cái thuyết ấy hồi bấy giờ ai chứng-nghiệm cũng cho làm phải, nhưng sau khoa tổng-hợp-hóa-học (*chimie de synthèse*) mỗi ngày một tấn-tới, và thứ nhất là nhờ sự nghiên-cứu của ông JUNG-FLEISCH, mới rõ rằng thuyết ấy không được đúng. Nhưng cũng được một sự hay, là nhân đây mà đương nghiên-cứu về kết-tinh, khiến cho ông chuyên sang nghiên-cứu về men-mốc. Ông nghiệm rằng khi đem rắc thứ rêu xanh gọi là *penicilium glaucum* lên trên chất *paratartrate d'ammoniaque*, thời phần « hữu-toan » (*acide droit*) tiêu trước, hết cả rồi mới đến phần « tả-toan » (*acide gauche*) bị tiêu nốt. Thế thời ra khi giống sinh-vật ăn các chất toan mà hình-thể phân-tử không đối-xúng, thời có giống ưa ăn mặt bên nọ hơn là mặt bên kia. Thuộc về kết-tinh-học, ông PASTEUR còn phát-minh được nhiều điều hay về sự « hàn lại các tinh » (*cicatrization des cristaux*) và sự « đa-bình-kết-tinh » (*polymorphisme*).

B. — Nghiên-cứu về men-mốc và thuyết tự-sinh. Bệnh rượu vang, bệnh tằm và bệnh rượu bia. — Sự ông PASTEUR ra dạy học ở thành *Lille* rất có quan-hệ cho cái đường nghiên-cứu của ông. Ở quận Bắc (*département du Nord*), những nhà nấu rượu nhiều lắm, và vấn-đề men-mốc là một vấn-đề quan-trọng lắm. Năm 1856, khi ông bắt đầu nghiên-cứu thời người ta còn tưởng như ông LIEBIG rằng men là những đạm-chất (*substances azotées*) ra khí trời gặp dưỡng-khi mà hư đi, và sự lên men chính là một sự phân-liệt. Nhưng mà nếu cắt nghĩa như thế thì có nhiều sự lạ trái với cái thuyết phạm các chất tinh hể hình lệch thời xoay tròn như trên kia đã nói. Bấy giờ ông PASTEUR mới phục lại cái ý-kiến của ông CAGNIARD DE LA TOUR đã xướng ra từ năm 1835, cho men rượu không phải là một sự hóa-hợp các chất, chính là một sự sinh-hoạt; ông bèn thí-nghiệm như thế này: phạm sữa phát-du thời trên mặt có một thứ mốc samsám, ông lấy cái mốc ấy, cấy vào một nơi, thời sáng mai lại thấy phát-du lên nữa, mà nhận ra trong có những con vật nho-nhỏ, hình-thể hần-hoi, sinh-sản mau lắm, và giống nhau như hệt: gọi là con men sữa (*ferments lactiques*). Ông lại thí-nghiệm như thế vào thứ « nước cấy » (*bouillons de culture*) khác; thứ nào cũng sinh ra con men như thế và thành ra « toan sữa » (*acide lactique*). Trong bài « Thuật về sự phát men sữa » (*Mémoire sur la fermentation lactique*) xuất-bản năm 1857, ông kết-luận rằng: « Sự phát men sữa là bởi những con vật nhỏ nó sinh-sản ra trong chất phát-men, ăn vào chất ấy mà làm biến-hóa chất ấy đi. » Sau ông lại nghiệm về men rượu thời cũng thấy thế. Ông lại nhận ra có một thứ con men nữa, là « con men toan sữa » (*vibron butyrique*) khác với con « men sữa » (*vibron lactique*), không cần phải có khí trời cũng sống

được, ông bèn chia các giống vật nhỏ ấy ra làm hai loài : là loài vi-sinh ở không-khí (*aérobies*), và loài vi-sinh không ở không-khí (*anaérobies*).

Vấn-đề men-mốc có mật-thiết quan-hệ với cái thuyết tự-sinh ; giữa lúc ông PASTEUR phát-minh ra một cách không thể đối-địch được rằng men-mốc là có di-truyền không phải tự-sinh, thì cái thuyết ấy đương thịnh-hành lắm, trong học-giới, trong dư-luận, ai cũng nói đến. Các nhà bác-vật theo thuyết ấy nhiều lắm ; trong số có ông POUCHET dám quả-quyết rằng chính mắt trông thấy những giống vật tự-nhiên sinh ra, không có mầm-mống gì cả. Ông PASTEUR mới phát-minh được những sự lạ như trên kia, vẫn đã sẵn lòng ngờ cái thuyết ấy, bèn thí-nghiệm lại những lời quả-quyết của các nhà bác-vật kia, dù khó-khăn đến đâu cũng cố thử cho được (bấy giờ là vào khoảng năm 1860). Tự đó là khởi đầu ra đối-địch trước còn với ông POUCHET, sau với bọn ông JOLY, MUSSET, FRÉMY, và về sau cùng với ông BASTIAN; cuộc tranh-biện ấy đã lừng-lẫy một thời. Trong khi tranh-biện, về phần ông cũng có phạm một vài điều lầm-lỗi; nhưng mà sau hễ ai chỉ rõ điều nào, ông sửa ngay điều ấy ; cứ gồm mà nói tóm cả lại thì những lẽ ông phản-đối với bọn kia để phá cái thuyết tự-sinh thật là đích-đáng lắm, không còn ai bẻ được : cứ hiện-tình khoa-học ngày nay thì không có lẽ gì quyết được rằng có giống vi-trùng tự-nhiên mà sinh ra, không có mầm-mống, không có giống tương-loại mà sinh được ; và trong một thứ nước hủ-bại sinh ra vi-trùng là bởi không-khí có rắc mầm vi-trùng ấy vào ; mà không-khí trên thượng-tầng cũng có những mầm vi-trùng như không-khí các bình-nguyên, muốn diệt nó đi thì chỉ có một cách là đem nấu nước tới một cái nhiệt-độ nào đó.

Ông LIEBIG thời cho các thứ rượu dấm chua ra, cũng như cái thứ men-mốc khác, là bởi dưỡng-khí của không-khí nó làm hư đi. Ông PASTEUR ngờ rằng đó cũng có một con vật gì nó làm cho rượu biến-tính, và một năm sau (năm 1862) ông chứng-nghiệm rằng phạm các cách làm dấm chua, từ cách ở *Schultzenbach* cho đến cách ở *Orléans*, bao giờ cũng thấy có một con vi-trùng ở không khí, đặt tên là *mycoderma aceti* (trùng dấm chua), nó hút dưỡng-khí ở không-khí mà truyền cho rượu, và hễ không có nó thì rượu không chua được. Ông bèn chỉ cho bọn làm dấm ở *Orléans* một cách chế dấm mới, vừa giảm được tiền phí giữ « nước cái » (*les « mères »*), mà lại vừa trừ được giống vi-trùng khác, gọi là *anguillula aceti*, giống này thời lại có tính ngăn-trở sự dấm chua. Rồi ông nghiên-cứu rộng ra các cách khác làm cho rượu hư : chua, cay, béo, v. v. Lần nào ông cũng nghiệm thấy rằng mỗi chứng là do một giống vi-trùng riêng nó ăn vào một chất trong rượu, và năm 1867 ông chỉ ra một cái cách tối-diệu để trừ những sự hư ấy mà không làm mất tính rượu, là đem đun lên 58 độ, nóng tới ngàn ấy thời các vi-trùng trong rượu chết hết. Cách ấy gọi là « cách trị trùng theo lối ông PASTEUR » (*la pasteurisation*), trước còn dùng cho sữa, cho rượu bia, nay thành ra một cách thông-dụng hết thấy.

Cùng một khoảng bấy giờ, ông nghiên-cứu về bệnh con tằm (1865-1870). Sự nghiên-cứu ấy khác nào như giới-thiệu cho những sự nghiên-cứu về sau về các bệnh độc và các thuốc tiêm. Ông theo lời khuyên của ông DUMAS mà cùng với hai ông DUCLAUX và GERNEZ đặt một cái sở thí-nghiệm ở vùng *Alais*, ngay giữa xứ trồng dâu chăn tằm, để khảo-nghiệm cho dễ. Ông nhận

ra bệnh lăm có hai thứ : một là bệnh *pébrine*, hai là bệnh *flacherie*, hai thứ đều là do giống trùng ăn-gửi. Ông bèn dạy cho người ta dùng kính hiển-vi chiếu nhận cho kỹ, rồi theo phép vệ-sinh thường mà phòng-bị. Đồng-thời ông phát-minh ra nhiều điều quan-hệ về những bệnh bởi vi-trùng : như tùy người mạnh yếu mà tiếp-nhận vi-trùng khó hay dễ, như vi-trùng cấy nhiều lượt thì độc tăng lên, như cách truyền-nhiễm của vi-trùng, v. v. Nhưng mà bấy giờ ông chưa đủ phương-pháp mà thực-nghiệm được những điều đó, và chính là khi đương nghiên-cứu về cái khác mà ông gián-tiếp nghĩ được những cách thí-nghiệm hoàn-toàn hơn. Năm 1871 ông học về rượu bia (*bières*) ở sở thí-nghiệm ông DUCLAUX ở *clermont-Ferrand*. Học mấy năm cho mãi đến 1876. Nghiệm thấy rằng bệnh rượu bia cũng như bệnh rượu vang là do những giống vi-trùng ăn-gửi mà sinh ra. Muốn tránh khỏi những bệnh ấy thời ông nghĩ ra chế rượu bằng cách ươm men nhẹ (*fermentation basse*), lợi hơn cách ươm men nặng (*fermentation haute*). Ông lại dạy phải đun nước nho lên 100 độ, làm cho nước không hư được, và đến khi bỏ rượu bia vào chai lại phải đun lên 55 độ nữa để diệt hết các giống trùng mà không làm cho mất nhiều thán-khí đã tan trong rượu. Nhân đó, muốn kết-luận những sự thí-nghiệm ấy, ông có xướng ra một cái thuyết về sự phát men trong cơ-thể các giống vật, thuyết ấy bị ông CLAUDE BERNARD cực-lực công-kích trong một bài chuyên-luận mãi đến năm 1878, khi ông BERNARD chết rồi, mới công-bố ra, gây thành một cuộc tranh-biện kịch-liệt, một bên thì ông PASTEUR, một bên thì ông BERTHELOT chống giữ cho cái thuyết của ông CLAUDE BERNARD (1879), tranh-biện thuần về sự học,

không hề có chút cạnh-tranh riêng, rất là có ích-lợi.

C.— *Nghiên-cứu về nọc độc và thuốc tiêm. Bệnh ung, bệnh huyết-độc, bệnh tả gà, bệnh chó dại.*— Những sự phát-minh của ông PASTEUR như trên kia đã thuật đủ làm cho ông được danh-dự vẻ-vang ; những sự phát-minh sẽ thuật sau đây sẽ làm cho ông được lưu-danh thiên-cổ. Tự năm 1865, trước khi ông chuyên-chủ nghiên-cứu về các bệnh có nọc độc, thời một nhà ngoại-khoa nước Anh, ông LISTER, đã nhờ những sự phát-minh của ông mà nghĩ ra cách buộc-dịt theo lối trừ-trùng (*pansement antiseptique*). Lại cũng bằng-cứ ở sự nghiên-cứu của ông về giống vi-trùng ở chất toan sữa, và về bệnh tằm, mà năm 1863 ông DAVAINÉ, rồi đến năm 1876 ông KOCH, tìm ra được cái mầm bệnh ung. Nhưng bấy giờ cũng chưa chắc hẳn rằng bệnh ấy có phải do một thứ trùng ăn gửi mà sinh ra không. Ông PASTEUR bấy giờ đã thao cách cấy trùng, bèn cùng với ông JOUBERT chứng-nghiệm rằng quả như thế. Đó là cái bước đường thứ nhất của ông vào cái phạm-vi trị bệnh cho giống người (1877). Đương nghiên-cứu về bệnh ung mà ông xét ra một thứ bệnh nữa, là bệnh huyết-độc (*la septicémie*) do một giống trùng ăn-gửi ở chỗ không không-khí gọi là trùng huyết-độc (*vibron septique*), nó ở trong ruột các giống vật nhiều lăm mà hễ khi nó vào trong máu thì nó đâm ra các chũng làm cho chết được. Trong một bài kỹ-yếu xuất-bản năm 1878, ông khuyên các nhà ngoại-khoa nhiều cách giữ-gìn cho người bị mổ-cắt khỏi nhiễm phải con trùng ấy, những lời khuyển của ông có ảnh-hưởng vô-cùng. Kế đấy, ông xét về bệnh tả gà (*choléra des poules*), năm 1879 tìm thấy con trùng bệnh ấy, là một thứ trùng ở chỗ có không-khí. Rồi ông chỉ cho biết hai bệnh nặng, là bệnh mụn nhọt (*furunculose*) và bệnh

sốt dẻ (*fièvre puerpérale*), cũng là do vi-trùng mà ra cả. Nhân khi xét về bệnh tả gà, ông có nghiệm một điều đủ khiến cho ông làm được sự phát-minh kỳ-diệu là nơi tuyệt-dinh của sự-nghiệp ông. Ông nghiệm rằng cái trùng tả gà đem nuôi ra ngoài, để lâu lâu cho yếu sức đi, rồi đem tiêm cho gà thời gà không chết; lại đem tiêm bằng các nọc độc dương mạnh thời gà hơi có khó ở một chút, nhưng khỏi ngay. Như thế thời cái nọc để lâu yếu sức đi, mà đem tiêm vào thời giữ được khỏi mắc bệnh. Nghiệm được như thế rồi, ông lại xét lại về bệnh ung; lúc mới đầu còn do-dự, sau thành kết-quả, và ngày 28 tháng 2 năm 1881 ông báo cho Hội Khoa-học-bác-sĩ biết rằng ông đã tìm được phép tiêm về bệnh ung. Rồi đến năm 1882, đến lượt bệnh toi lợn (*rouge*), con trùng bệnh ấy do một người học-trò ông tên là THULLIER phát-minh được; ba năm sau thời đến lượt bệnh chó dại. Ông phải cùng hai người học-trò, là ông ROUX và ông CHAMBERLAND, ra công nghiên-cứu trong năm năm luôn, mới tìm được cách phòng-bị bệnh ấy. Lần thứ nhất tiêm chữa bệnh chó dại cho người ta là ở trong phòng thí-nghiệm trường Sư-phạm ngày mồng 4 tháng 7 năm 1885: lần ấy thí-nghiệm được toàn-thắng, và tuy phép chữa ấy cũng có nhiều người bài-bác, nhưng từ đấy đến nay thật đã đủ chứng là một phép linh-nghiệm vậy.

III

Nói về trước-thuật của ông Pasteur

Trước-thuật của ông PASTEUR thời thứ nhất là những bài chuyên-luận và tạp-ký kể đến hơn hai trăm bài in trong tập « Lý-hóa-học kỹ-yếu » (*Annales de Chimie et de Physique*, 1848-1860), trong tập « Kỹ-thuật của Hội Khoa-học-Bác-sĩ thành Paris » (*Comptes rendus de l'Académie des Sciences*

de Paris, 1848-89), trong tập « Kỹ-yếu của hội Hóa-học » (*Bulletin de la Société Chimique*), trong tập « Kỹ-yếu của Hội Y-học-Bác-sĩ » (*Bulletin de l'Académie de médecine*, 1879-86), trong « Khoa-học tạp-chí » (*Revue Scientifique*, 1881-83), trong tập « Kỹ-yếu của viện Pasteur » (*Annales de l'Institut Pasteur*). | Xuất bản riêng, duy có mấy bộ như sau này: « Mời chứng-nghiệm về sự phát men bởi những giống vật nhỏ có thể sống không có dưỡng-khi » (1863); — « Nghiên-cứu về các rượu vang, các bệnh rượu vang và nguyên-nhân những bệnh ấy » (1866, tái-bản năm 1872); — « Nghiên-cứu về dấm, cách chế dấm và các bệnh dấm » (1868, có dịch ra chữ Đức năm 1878); — « Nghiên-cứu về bệnh tằm » (1870, một bộ 2 cuốn); — « Mấy lời ngẫm-nghĩ về khoa-học ở nước Pháp » (1871); — « Ông PASTEUR và ông NAUMANN. Thư-trát vãng-lai của một nhà bác-học Pháp với một nhà bác-học Phổ » (1872); — « Nghiên-cứu về rượu bia, về các bệnh rượu bia và nguyên-nhân các bệnh ấy » (1876, có dịch ra tiếng Anh năm 1879); — « Khảo về các giống vi-trùng có cơ-thể » (cùng soạn với ông TYNDALL năm 1878); — « Phán-xét một bài luận của ông CLAUDE BERNARD về sự phát men » (1879); — « Phép chữa bệnh chó dại » (1886). — Trừ « Bài diễn-thuyết vào Hàn-lâm » (1882) và « Bài Trả-lời bài diễn-thuyết của ông J. BERTRAND vào Hàn-lâm » (1887), với mấy bài diễn-từ chúc-từ nho-nhỏ (sẽ phụ-dịch sau đây), ông không có trước-thuật gì về văn-chương cả.

IV

Nói về Viện Pasteur

Một năm sau khi ông PASTEUR tìm thuốc chữa bệnh chó dại lần thứ nhất, ngày mồng 1 tháng 3 năm 1886, Hội Khoa-Học-Bác-sĩ thành Paris phát lời thỉnh-cầu xin cất một cái nhà lớn để làm sở chữa bệnh chó dại, vì sở ấy

CÁC BỨC DANH - HỌA CỦA NƯỚC PHÁP

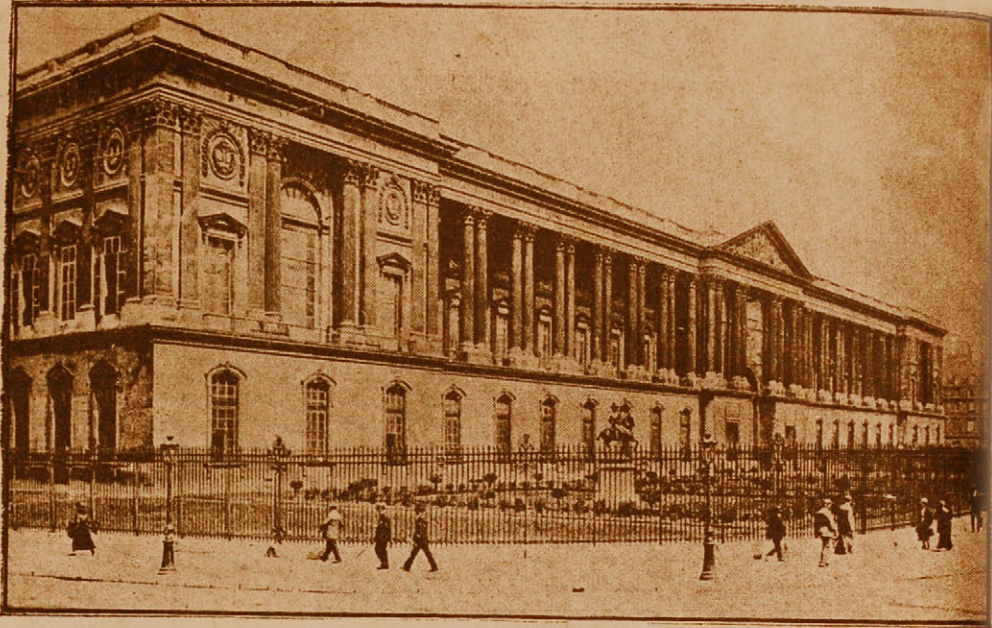


Chị hàng sữa (*La laitière*)

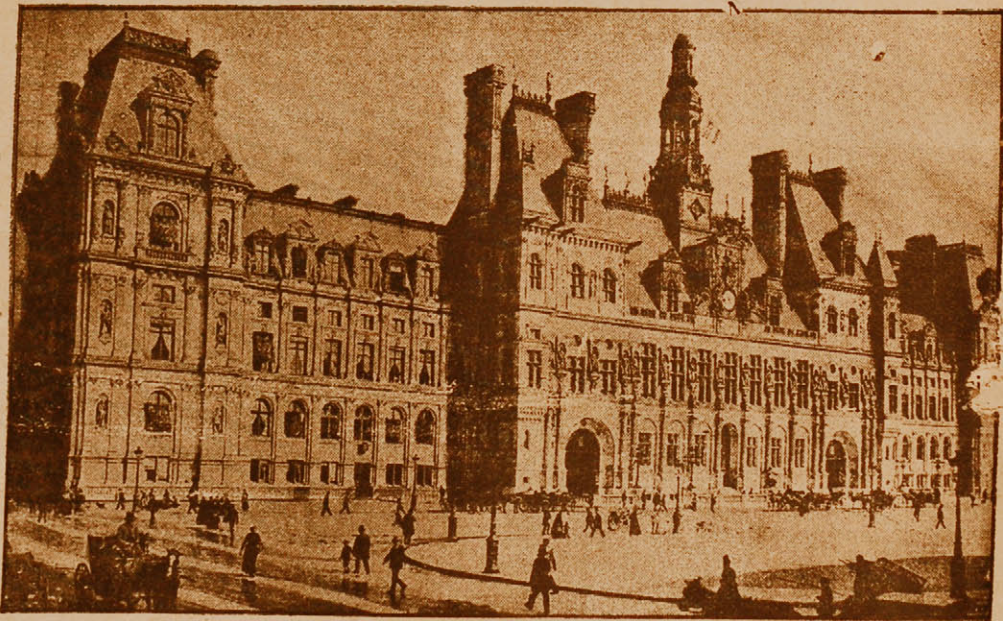
(Bức họa ở nhà bảo tàng *Le Louvre* của ông GREUZE
1725 - 1805) vẽ.

Chị hàng sữa này không có dáng con nhà hạ-lưu, thật có vẻ một người khuê-các, mà cái nét mặt lại hơi rầu-rầu. Đó là cái nét bút riêng của ông GREUZE hay tả những con gái nhà sang bị sa-sút mà làm những nghề hạ-tiện. Đời ông là đời Cách mệnh ở nước Pháp, những hạng con gái ấy nhiều lắm. Các nhà bình-phẩm nói rằng những bức tranh con gái của ông GREUZE, khiến cho người xem không thể cầm lòng cảm-động, thương cho thân liễu-yếu gặp phải cảnh khát-khe.

Các cảnh đẹp ở Paris



Cửa tiền cung Le Louvre
(Cung này dùng làm bảo-tàng-viện)



Nhà Thị-sảnh thành Paris

(Đây là chỗ Hội-đồng thành-phố Paris họp và là nơi đón tiếp cũng khách sang đến chơi, tức như tòa Đô-ly hay là nhà « xã tây » hiện tại.)

hiện đặt ở một cái gian xép trong trường Sur-phạm chật-hẹp quá. Theo lời thỉnh-cầu ấy, Nhà-nước cho phép mở ra một cuộc lạc-quyên. Không bao lâu thu được ngót ba trăm vạn quan (3 triệu), và đến ngày 14 tháng 11 năm 1888 thời « Viện Pasteur » hay nhất-danh là « Viện chữa bệnh chó dại thành Paris » (*Institut Pasteur ou Institut antirabique de Paris*) khánh-thành. Viện ấy ở đường Dutot, số 25, sau đường Pasteur (thuộc về khu thứ 15 thành Paris), diện-tích 11.000 thước vuông, có hai dãy nhà chạy ngang nhau. Dãy nhà trông ra đường Dutot thời có một tầng hầm, một tầng dưới và một tầng gác; đó là nhà ông Viện-trưởng ở, sở chế và gửi các thuốc tiêm, nhà thư-viện, và nhà ở các viên trợ-biện. Còn các lớp học, phòng làm việc, sở chữa bệnh chó dại, và các phòng thí-nghiệm về vi-trùng-học thì ở dãy nhà thứ nhì có hai tầng gác. Mộ ông Pasteur thời ở một cái hầm đặt thành nhà mồ, trên có cái mái tròn vẽ các hình-tượng và dưới lát các thứ gạch hoa, do những tay mỹ-thuật có tiếng nghĩ kiêu. Ngoài sân và ngoài vườn còn có nhiều những nhà phụ, có chuồng các giống vật dùng để thí-nghiệm. Sở nhà ấy cất lên kinh-phí tới ngót 2 triệu quan. Sau lại còn xây thêm một dãy nữa ở bên kia phố. Cách quản-lý trong viện thì có một ông Viện-trưởng (trước là ông PASTEUR sau đến ông DUCLAUX), một ông phó viện-trưởng, và cách tổ-chức thời là một hội lập theo dân-luật, Nhà - nước đã chuẩn-nhận là hội công-ích. Quyền giám-dốc thời do Bộ Nội-vụ và một hội-đồng 30 ông đã có công sáng-lập. Hội-đồng ấy khác nào như hội-đồng cổ-dòng của các công - ti buôn. Hội-đồng ấy bầu một tòa trị-sự, cử các viên-chức trong, viện duyệt các sổ kế-toán, v. v. Tài-sản thời có tiền hoa-lợi cái số lạc-quyên còn dư lại (hơn một triệu), những tiền trợ-cấp hằng năm

của Nông-bộ và Học-bộ, những tiền bán các thuốc tiêm, và tiền góp của học-trò. Về đường Khoa-học thì trong viện chia ra năm sở : sở coi bệnh chó dại là sở lớn hơn nhất, mỗi năm chữa tới mấy nghìn người; sở tổng-quát-vi-trùng - học (*microbie générale*), sở chuyên-môn-vi - trùng-học (*microbie technique*), sở vi-trùng-học ứng-dụng ra vệ-sinh, sở vi-trùng-học so-sánh về hình-thể các giống trùng. Mỗi một sở có một sở-trưởng và có các phòng thí-nghiệm, ai vào nghiên - cứu đây phải khai rõ mình định nghiên-cứu về việc gì, và mỗi tháng phải nộp 50 quan tiền phí. Trong viện có hai lớp dạy: một lớp « Sinh-vật hóa-học » (*Chimie biologique*) vốn thuộc về ban Cách-trí trường Đại-học Paris chuyển ra đây, lớp này mở rộng cho công - chúng ai vào học cũng được, không mất tiền. Một lớp dạy về « chuyên-môn vi-trùng-học », trực thuộc về viện, hạn học là sáu tuần-lễ; người vào học phải nộp 50 quan một tháng và theo lần lượt vào. Ông Bác-sĩ Roux có đặt một sở chữa bệnh bạch-hầu (*Service antidiphthérique*) phụ thuộc vào viện Pasteur. Sở này cũng như viện, thuộc quyền giám-dốc Bộ Nội-vụ và một hội-đồng. Thuốc tiêm chế ra thời phát không cho các nhà thương và bán buôn cho các hàng thuốc. Tài-sản của sở này thời có tiền bán thuốc, tiền trợ-cấp của Nhà-nước và một khoản kinh-phí mỗi năm biền vào sổ dự - toán. Viện Pasteur từ khi lập đến nay có xuất-bản một tập báo gọi là « Tập kỷ-yếu của viện Pasteur » (*Annales de l'Institut Pasteur*). Các nước đều có bắt chước cách-thức viện Paris mà lập những viện Pasteur ở khắp mọi nơi. Hiện ở Đông-dương ta có hai viện ở Sài-gòn và Nha-trang. Ông bác-sĩ YERSIN làm viện-trưởng ở Nha - trang năm xưa đã tìm được thuốc tiêm trị bệnh dịch hạch. Nghe đâu gần đây lại

có ông bác-sĩ khác tìm được thuốc tiêm bệnh tả.

V

Nói về việc Bách-niên-kỷ-niệm ông Pasteur

Khởi-xướng ra việc kỷ-niệm ông PASTEUR là do ông Bác-sĩ APPELL làm hiệu-trưởng trường Đại-học Paris. Ông bàn dựng một pho tượng ông PASTEUR ở thành *Strasbourg* là nơi khi xưa ông đương chuyên-trị về kết-tinh-học chuyển ra nghiên-cứu về vi-trùng-học. Ý ông APPELL lại muốn mở một nhà bảo-tàng và một cái trại-hội. Nhưng sự tổ-chức còn phải lâu công lắm, nên định đến ngày 1 tháng 6 năm 1923 mới mở hội. Đến ngày ấy thì sẽ công-nhiên làm lễ kỷ-niệm ở *Paris*, ở *Dôle*, ở *Arbois*, ở *Strasbourg*, ở đây sẽ khánh-thành tượng nhân thể, và đồng-thời mở nhà bảo-tàng và cuộc trại-hội. Trại-hội sẽ mở trong bốn tháng, trần-liệt những các tài-liệu dụng-cụ thuộc về các khoa-học của ông PASTEUR đã chuyên-trị hoặc sáng-lập ra, và thuộc về vệ-sinh, công-nghệ, nông-nghiệp. Lại bày tỏ những sự tiến-bộ trong khoa-học bởi công ông PASTEUR và các học-trò ông như bọn ông ROUX, METCHNIKOFF, CALMETTE. Nhân cuộc trại-hội lại có mời các ông bác-sĩ các nước đến họp thành hội-nghị đề bàn luận về khoa-học. — Lại trần-liệt về lịch-sử nữa : từng trên thì bày những các di-tích của ông PASTEUR, những đồ và những chất ông dùng để nghiên-cứu thí-nghiệm khi xưa. Từng thứ nhì thì trần-liệt những sự tiến-bộ về khoa vi-trùng-học từ ông PASTEUR đến giờ. Lại có những phòng riêng về các bệnh do vi-trùng sinh ra : bệnh bạch-hầu, bệnh dịch hạch, v. v.

Vì công việc tổ-chức to tát như thế nên không làm kịp vào ngày sinh-nhật ông PASTEUR là ngày 27 tháng 12 năm 1922, phải hoãn đến tháng 6 sang năm

mới cử đại-hội. Chính ngày sinh-nhật thì ở *Paris* sẽ làm lễ kỷ-niệm thường ở trong Viện *Pasteur* mà thôi.

VI

Phụ dịch mấy bài diễn-thuyết của ông Pasteur

I. — BÀI DIỄN-THUYẾT Ở THÀNH DÔLE

Sau đây là bài diễn-thuyết của ông PASTEUR đọc ngày 14 tháng 7 năm 1883, buổi làm lễ đóng cái biển kỷ-niệm ở trước cửa nhà ông sinh ra năm 1822; lễ này là do Thị-tỉnh-hội-nghị thành *Dôle* chủ-xướng ra để biểu lòng tôn-trọng một bậc vĩ-nhân đã sinh ở đây.

Thưa các Ngài, Thành *Dôle* cho tôi được danh-dự như thế này, tôi lấy làm cảm-dộng vô-cùng. Nhưng tôi cảm ơn các ngài, mà tôi cũng xin phép các ngài cho tôi trách một câu, là các ngài làm cho tôi vẻ-vang quá. Phàm những bậc danh-nhân đến khi tử-hậu mới được thiên-hạ tôn-sùng, nay các ngài đãi tôi như thế, thật không khỏi lạm-quyền phán-đoán của hậu-thế !

Biết rằng hậu-thế có y lời quyết-định của các ngài không ? Tôi tưởng ông Thị-trưởng giá nên khuyên Hội-nghị đừng quyết-nghị vội như thế thì phải hơn !

Nhưng tôi đã trách các ngài tổ lòng kính-mến một cách rục-rỡ quá, tôi không xứng-đáng chút nào, nay tôi xin nói các ngài biết rằng thật lòng cảm-dộng vô-cùng, không sao kể xiết. Lòng qui-hóa của các ngài đã thụ vào cái biển kỷ-niệm này hai sự lớn mà suốt một đời tôi vẫn lấy làm ham-mê, lấy làm phong-thú : là yêu-mến sự học-vấn và thờ-kính chốn gia-đình.

Ôi! Cha tôi, mẹ tôi! Cha mẹ nay đã lên tiên, thừa hàn-vi cha mẹ ăn ở trong cái nhà nhỏ này, nhờ công cha mẹ mà con mới được như bây giờ! Hỡi mẹ ơi! mẹ cần-cù can-đảm, lòng sốt-sắng của mẹ, mẹ đã truyền lại cho con. Con bình-sinh vẫn gồm cái nghĩa lớn học-

hành với cái nghĩa cả thờ nước, là nhờ được cái tâm-thuật của mẹ đã dạy cho con. Cha ơi, cha quý-báu của con ơi ! cha một đời khó-nhọc, theo nghiệp nặng-nề (1), nhờ cha mà con mới biết rằng ở đời muốn mưu việc lâu-dài, phải có lòng kiên-nhẫn. Cha đã dạy cho con biết chăm-chỉ trong việc hằng ngày. Không những cha có cái đức cần-cù làm nên người hữu-ích, mà cha lại biết tôn-sùng những kẻ vĩ-nhân, những việc đại-sự. Biết lời cho cao, biết học cho rộng, tìm đường cho mỗi ngày một tiến hơn lên, ấy cha dạy cho con được những điều đó. Ngày nay con hồi-tưởng đến, hình như còn trông thấy cha, buổi chiều làm việc xong, mở bộ sách sử đương-thời, đọc một thiên kỷ-chiến mà nhớ lại cái buổi oanh-liệt cha đã từng trải (2). Cha dạy con đọc sách mà cha đã chú-ý muốn cho con biết cái lịch-sử vẻ-vang của nước Pháp vậy.

Ôi ! Cha tôi, mẹ tôi, xin trời giáng phúc cho hai người, vì cái công-phu một đời, và xin để cho con tặng lại hai người sự vẻ-vang cho cái nhà này buổi hôm nay.

Các ngài, tôi xin cảm ơn các ngài đã cho tôi được dịp thổ-lộ cái tấm lòng đã sáu-chục năm nay. Tôi cảm ơn các ngài đã mở ra lễ này, cảm ơn các ngài đã đón tiếp tôi như thế, và cảm ơn cả hành *Dôle* không bao giờ quên các ơn cái đã sinh-trưởng ở đây mà còn ở đến tôi như thế này !

II. — DIỄN-THUYẾT CHO HỌC-SINH TRƯỜNG ĐẠI-HỌC EDIMBOURG

Tháng tư năm 1884, xứ *Ecosse* (nước Anh) làm lễ bách-niên-kỷ-niệm trường Đại-học thành *Edimbourg*, có mời các nhà bác-học trứ-danh trong thế-giới đến dự-lễ. Ông PASTEUR vốn vẫn có lòng yêu-mến bọn thanh-niên lắm, sau khi dự-lễ, đến chỗ học-trò diễn-thuyết mà khuyên học trò như sau này.

Tôi hồi-tưởng tự thừa làm người, tưởng không từng bao giờ gặp một người học-sinh mà không khuyên rằng : Phải gia-công, phải kiên-nhẫn ; cái công-phu ấy thật là sự khoái-lạc đấy, duy có công-phu mới có ích cho người, cho dân, cho nước. Huống nay tôi nói chuyện với các thầy đây, tôi lại muốn nói những lời như thế lắm. Trong một đám đông những kẻ thanh-niên, tựa-hồ như có một cái hồn chung, hồn chung ấy là gồm những cái cảm-tình rất quảng-dại, vì nó giống như cái tia sáng kia của đấng Thượng-đế đã phú cho người ta khi mới vào trong cuộc đời. Tôi nói câu ấy, các thầy vừa chứng rõ hiển-nhiên ra đấy. Trông thấy các thầy vừa rồi vỗ tay khen-ngợi những người như ông DE LESSEPS, ông HELMHOLTZ, ông VIRCHOW (3) mà tôi tự thấy trong lòng cảm-động vô-cùng. Tiếng nước các thầy đã mượn của tiếng chúng tôi một chữ hay lắm, là chữ *enthousiasme*, là cái lòng khải-nhiên hưng-khởi. Chữ ấy cũng là người Hi-lạp đời xưa truyền lại cho chúng tôi ; nguyên là chữ *en théos*, nghĩa là một vị thần-minh ở trong lòng. Mới rồi các thầy vỗ tay cảm-phục những bậc đại-trí kia, cũng là bởi trong lòng có cái cảm-tình thánh-thần siêu-việt đó.

Một nhà văn-sĩ nước chúng tôi đã có công truyền-bá cái triết-học của hai ông REID và DUGALD-STEWART của qui-quốc, trên bài tựa một quyển sách hay, có khuyên bạn thiếu-niên như sau này :

« Dù các anh theo nghiệp gì mặc lòng, các anh phải nên có cái mục-đích cao-thượng. Các anh phải biết thờ những bậc vĩ-nhân, mến những sự to-lát ».

(1) Cụ thân sinh ông PASTEUR vốn làm nghề thuộc da.

(2) Cụ thừa trước có tông-chính với vua Nã-phá-luân.

(3) Ông thứ nhất là người nước Pháp, đã đào sông vận-hà *Suez*. Hai ông kia là người bác-học Đức

Sự to-tát! Cái gương ngay trước mắt đó! Lễ bách-niên-kỷ-niệm này chẳng là cái kỷ-niệm về-vang nhất của xứ *Ecosse* dư? Bậc vĩ-nhân! Còn có xứ nào tôn-sùng những bậc vĩ-nhân bằng xứ này dư?

Nhưng dù ở đời cần phải có công-phu, làm người cần phải biết phụng thờ bậc danh-nhân, ham mẫn việc đại-sự, thế cũng chưa đủ. Phạm làm việc gì các thầy cũng nên theo cái phương-pháp của khoa-học do các bậc tiền-triết như ông GALILÉE, ông DESCARTES. Ông NEWTON đã đề-xướng ra.

Nhất là các thầy học-sinh về y-khóa ở trường Đại-học trú - danh thành *Edimbourg* này, được những tay danh-sư dạy học, có thể hi-vọng làm được những sự-nghiệp to về đường khoa-học, các thầy lại càng nên theo cái phương-pháp thực-nghiệm. Nhờ những phép-lắc ấy mà xứ *Ecosse* có những bậc danh-sư như BREUSTER, THOMSON và LISTER.

III. — DIỄN-THUYẾT KHÁNH-THÀNH VIỆN PASTEUR

Viện Pasteur ở Paris khánh-thành năm 1888. Ông PASTEUR diễn-thuyết nói về cái tư-cách của nhà bác-học phải thế nào và cái chức-vụ của khoa-học phải làm sao cho đạt được cái mục-đích cứu-nhân độ-thế.

Cái nhà lớn này, thế là đã cất xong rồi. Có thể nói rằng không có một hòn đá trong nhà này là không phải cái biểu-hiệu một chút hăng-tâm. Biết bao nhiêu bụng tốt đã gom-góp nhau lại mà dựng nên cái chốn học-hành này.

Than ôi! tôi bước chân vào đây, trong dạ rầu-rầu, như một người đã về lão-cảnh, quanh mình không còn ai là thầy, không còn ai là bạn những thuở hăng-hái tranh-đua, nào đâu là DUMAS, đâu là BOULEY, đâu là PAUL BERT, đâu là VULPIAN là người đã cùng với bác, bác GRANCHER ơi, khuyên-bảo tôi lúc đầu, và sau đã hết sức chống giữ một cách rất nhiệt-thành, rất

manh-bạo cho cái phương-pháp bọn ta đã xướng ra.

Song dẫu ngày nay tôi nghĩ đến người cũ không còn ai mà lấy làm đau lòng, nghĩ đến những anh em đã cùng tôi gánh vác một phần trong những cuộc tranh-biện không phải tự tôi gây ra nay không còn mấy người nữa đề đến đây mà nghe lời cảm ơn của tôi, trông thấy các ông ấy ngày nay vắng cả mà trong lòng cũng buồn như mới được tin các ông ấy mất; tuy vậy mà lại nghĩ đến rằng những sự mà chúng tôi cùng nhau đã hết sức đề-xướng, hết sức chống-giữ, từ nay sẽ không tiêu-diệt mất, nghĩ đến thế mà trong lòng cũng an-ủi được một vài phần. . .

Nay các anh em giúp việc qui-báu của tôi, cái lòng hưng-khởi lúc đầu, xin anh em cứ giữ lấy, nhưng phải lấy sự kiểm-điểm nghiêm-nhật làm bạn cùng, không nên đề-xướng lên cái gì là không thể chứng-nghiệm được một cách giản-dị và quả-quyết vậy.

Phải nên trọng cái triết-lý-tinh-thần (*esprit critique*). Một mình nó thôi không hoán-khởi được ý-kiến, nó không kích-động được những việc lớn. Nhưng không có nó thì không cái gì nên cả. Duy có nó mới quyết, định được mọi sự. Cái tôi yêu-cầu các ông đó, rồi đến lượt các ông lại sẽ yêu-cầu ở học-trò các ông tôi cho là một sự khó nhất cho người theo nghề phát-minh chế-tạo.

Tưởng rằng mình đã tìm được một sự-thực quan-trọng về khoa-học, nóng-nảy muốn báo ngay cho thiên-hạ biết, vậy mà hăng ngày, hăng tuần, hăng năm phải nhẫn-nhục mà tự mình phản-đối mình, tự mình gia-công để phá-hoại những sự thí-nghiệm của mình, cho đến ngày nào không còn lý gì mà đập lại mình nữa, bấy giờ mới chịu tuyên-bố sự phát-minh của mình, đó quả cũng là một sự khó-khăn thật.

Nhưng mà đã gia công gắng sức đến như thế, rồi mà thấy mình chắc nắm được sự thực trong tay, thời cái khoái-lạc bấy giờ nó thanh - cao vô-cùng, tưởng lòng người không bao giờ cảm-giác đến như thế, và lại tự nghĩ rằng mình làm được như thế là giúp thêm cho cái danh-dự của nước mình, thời cái khoái-lạc ấy hình như lại thâm-trầm hơn lên nữa.

Tuy sự học không có quê-hương, mà người học phải có tổ-quốc, dù công học-hành có được chút danh-giá trong thế-giới, cái danh-giá ấy cũng là qui về nước cả.

Trình quan Giám-quốc, bữa nay ngài chiếu-cổ đến chủ-lễ khánh-thành này, khiến cho tôi khởi ra một cái quan-niệm xin nói ra đây để làm lời kết cho bài diễn-văn này; cái quan-niệm ấy là hiện trong thế - giới bây giờ hình như có hai cái luật trái nhau đương sung-dốt nhau; một là cái luật thiết-huyết, khiến cho người ta mỗi ngày một chế ra nhiều cách chiến-đấu để tự-bị cho các dân-tộc ra đâm giết nhau ở chốn cương-trường; hai là cái luật hòa-bình, khiến cho người ta yên-ôn làm ăn, cứu cho người ta đau-đớn khổ-sở, chỉ muốn cho con người được thoát những sự tai-nạn khốn-ách quanh mình.

Một bên chỉ tìm những sự xâm-lấn bằng võ-lực, một bên chỉ tìm cứu-khỏi nạn cho loài người. Một bên thời trọng cái sinh-mệnh của người ta hơn cả mọi sự chiến-thắng; một bên thời dù phải hi-sinh mấy trăm vạn người để thỏa chí một người cũng nên. Cái luật của chúng ta theo đây, dù giữa đám sát-lục mà ta cũng muốn cứu cho khỏi những sự khốn-nạn đau-đớn của cái luật chiến-đấu kia. Theo phép trừ-độc của ta mà nhứt-buộc cho những người bị-thương có thể cứu sống được hàng nghìn quân-sĩ. Trong hai cái

luật ấy, cái nào thắng, cái nào bại? Chỉ có đứng Thượng-đế mới biết được. Nhưng có một điều ta có thể quyết được, là khoa-học của nước Pháp sẽ hết sức theo cái luật nhân-từ ấy mà mỗi ngày làm cho rộng thêm cái phạm-vi của sự sống.

IV. — DIỄN-THUYẾT NGÀY

LỄ THƯỢNG-THỌ

Ngày 27 tháng 12 năm 1892 (ba năm trước khi ông mất), Nhà-nước làm lễ mừng ông thượng-thọ bảy mươi ở nơi đại-diễn-đàn Sorbonne. Quan Giám-quốc khoác tay ông giắt lên ghế ngồi. Các tay bác-học trừ-danh trong thế-giới đến diễn-thuyết chúc mừng ông. Khi ông đứng lên để trả lời thời ông cảm-động quá không thể nói được, bưng tay lên mặt khóc. Bấy giờ con trai ông phải đọc thay cho ông lời cảm ơn như sau này.

Trình quan Giám-quốc,

Ngài hạ-cổ đến đây làm cho biến-hóa cả, một cái tiệc nhỏ thành một đại-lễ, và một ngày kỷ-niệm sinh-nhật một nhà bác-học thành một ngày kỷ-niệm cho cả Khoa-học nước Pháp.

Trình quan Thượng-thư, Thừa các ngài,

Đứng giữa nơi rục-rở này, mà tôi thấy trong lòng cảm-khái, nghĩ đến biết bao nhiêu những kẻ học-hành suốt đời chỉ gặp những sự khó-khăn. Đời xưa thời phải chống đối với những cái thiên-kiến hẹp-hòi của công-chúng. Thắng-đoạt được những cái thiên-kiến ấy thời lại gặp những sự trở-ngại, những nỗi khó-khăn đủ điều.

Cách mấy năm đây, trước khi Nhà nước và Hội-nghị Thành-phố cất nhà to-tát cho kẻ học-hành, thời có một người kia tôi yêu-mến kính-trọng biết bao, — tức ông CLAUDE BERNARD. — ở ngay gần đây, chỉ có một cái hầm âm-thấp để làm phòng thí-nghiệm. Có lẽ vì đó mà mắc bệnh đến chết. Tôi được tin các ngài hoan-ngheh tôi ở đây, mà trước nhất lòng tôi hỏi-tướng đến ông: tôi xin cúi lạy vong-linh bạc đại-tri ấy.

Thưa các ngài, các ngài nghĩ đã khéo mà đã châu-chí thật, hình như muốn bày ra trước mắt tôi cả cái cuộc đời tôi đã qua. Một người đồng-quận tôi ở xứ *Jura* là ông thị-trưởng thành *Dôle*, đến đem cho tôi tấm ảnh cái nhà nhỏ-hẹp là chỗ cha mẹ tôi đã ở ở thửa hàn-vi. Tất cả học-sinh trường *Su-pham* đến đây là khiến cho tôi nhớ đến những hồi tôi mới bẵng-hái về sự khảo-nghiệm. Các ông đại-biểu trường Đại-học thành *Lille* đứng đây là để nhắc cho tôi hồi tôi mới nghiên-cứu về kết-tinh và men-mốc như mới mở rộng cho tôi một cái thế-giới mới. Khi tôi xét những cái hiện-tượng huyền-bí ấy, ngờ rằng nó có phép-tắc mà ra sức tìm-tòi, thời trong lòng tôi hi-vọng biết đường nào ! Tôi cố theo phép thực-nghiệm, dần dần suy-diễn thế nào mà nghiên-cứu tới khoa sinh-lý-học, thời các ngài đồng-nghiệp tôi đã từng trải biết cả. Hoặc có khi tôi phải ra sức tranh-biện mà làm nao-động các nơi học-viện trong nước ta, là vì tôi nhiệt-thành chống-giữ cho sự thực vậy.

Còn các ngài đây là đại - biểu các nước ngoài, tự phương xa lại đề tỏ lòng yêu-mến nước Pháp tôi, các ngài thật là đem lại cho tôi một cái khoái-lạc vô-cùng, vì tôi vốn một lòng thâm - tin rằng sự học-vấn và sự hòa-bình tất có ngày thắng được sự ngu - dốt và sự chiến-tranh, thâm-tin rằng các dân-tộc sẽ hòa-hợp với nhau, không phải là để phá-hoại, mà là để kiến - thiết, và sau này kẻ nào cứu-khở cứu-nạn được cho người ta là kẻ ấy có công với nhân-loại hơn cả. Tôi xin chất-vấn cả các bậc danh-sư ở đây xem có phải thế không, tôi xin chất-vấn bác *LISTER* là

người bạn quý của tôi, tôi xin chất-vấn cả các ngài là những tay cự-phách trong khoa-học, trong y-học, trong thuật ngoại-khoa, xem có phải thế không ?

Còn đến các anh em học-sinh đây, anh em nên giốc lòng mà theo những phương-pháp chắc-chắn kia, mà nay bọn ta mới gọi là biết sơ-lược mà thôi. Hết thấy anh em, dù theo nghiệp gì mặc lòng, chớ nên để cho cái tinh hoài-nghi, vừa ố-nhân, vừa vô-ích, nó nhiễm vào người ; có lắm lúc như có cái luồng gió sâu-thắm nó đưa qua trong nước, anh em cũng chớ nên ngã lòng. Nên đặt mình trong cái chốn bình-tĩnh trang-nghiêm là những nơi viện sách phòng nghiệm. Trước hãy tự-vấn mình : « Ta đã làm được gì cho sự học ta ? » Sau càng tiến lên mà phải hỏi mình : « Ta đã làm được gì cho nước ta ? » cho kỳ đến lúc có lẽ được cái đại-hạnh nghĩ trong bụng rằng mình đã giúp được chút đỉnh cho sự tiến - bộ, sự lợi-ích của nhân - loại. Nhưng dù công-phu mình gặp cảnh ngộ may hay chẳng may, đến khi gần chốn cùng-tận sự đời, cũng phải có thể tự-úy một câu rằng : « Sức làm được đến đâu, ta đã hết sự tôi đó. »

Thưa các ngài, tôi xin tỏ lòng thâm cảm thâm-tạ các ngài. Sau cái lễ này, nhà đại-mĩ-thuật là ông *Rorty* khắc cái ngày tháng nặng-nề cho tôi ở dưới một chùm hồng, ý-gi muốn an-ủi cho cái tuổi già này, mà các ngài đồng-nghiệp tôi cũng muốn bày cho một cuộc vui, là đem họp lại đây để mừng tôi, cả cái bọn thanh-niên kia có tinh hoạt-bát, có dạ mến-yêu vậy.

T.-C. biên-dịch

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

VI

Marseille, thứ bảy, mồng 6 tháng 5.

Chiều hôm nay quan Giám-quốc MILLERAND đi kinh-lược ở Bắc Phi-châu về, đến Marseille, dân thành Marseille đón long-trọng lắm. Người ta thường nói nước Pháp là nước dân-chủ mà vẫn còn cái nghi-vệ di-truyền tự đời quân-chủ, thật thế! Cứ xem cách nghênh-tiếp ông quốc-trưởng như nghênh-tiếp một ông vua thì đủ biết. Song xét ra chỉ có cái nghi-vệ trang-nghiêm: để cho tráng-quan-chiêm và trọng sự-thể mà thôi, chứ trong dân-gian không có cái lòng sùng-bái ông quốc-trưởng như người Đông-phương ta mê-tin ông vua vậy. Tối hôm nay các phố-phường trưng đèn đẹp lắm, trưng đèn đón mừng ông Giám-quốc thì ít mà nhân-tiện để cáo-bạch chiếu hàng thì nhiều. Các tòa, các sở, các nhà buôn được nghỉ cả, nên người đi chơi đi em đông lắm. Mình cũng đi lẫn với họ xem cái thái-độ họ thế nào và họ bình-phẩm làm sao. Phần nhiều người thời cũng có cái tính háo-hức như người mình, thấy người ta đi xem cũng đi, mà vị-lát đã xem thấy gì, cũng qua là « người xem người » mà thôi. Mà xem thấy nữa, thì bất-quá kỳ một ông mũ cao áo dài, ngồi xe ngựa mà thôi, cũng không có gì lạ hơn là người mà nhiều người nô-nức, chen nhau cho cố xem lấy được. Cho hay cái tính « ngự-ngáo » (tiếng tây gọi là *badaud*) thật là một cái thông-tính của kẻ bình-dân, nước nào cũng vậy. Như bên mình. — mà bên này cũng thế, — có đám đánh nhau, đám to tiếng, bao nhiêu đàn ông, đàn bà, trẻ con, người lớn, chạy lại đông như kiến

cỏ ; để làm gì ? để xem ; xem cái gì ? nhiều khi không biết ! Đám đánh lộn còn vậy, huống-chi là quan Giám-quốc. Nghe những người đi xem họ nghị-luận với nhau mới biết rằng tuy có nô-nức hiếu-kỳ như thế mà người ta không có cái lòng sùng-bái kẻ quan-quyền như người mình. Thường nghe thấy người nói : « Quan Giám-quốc là gì ? Quan Giám-quốc cũng là người như mình, cũng là một kẻ công-dân như mình, chứ gì ? »

Quan Giám-quốc đi đến đâu, có quân-đội và cảnh-binh hộ-vệ đến đấy, để phòng sự bất-kỳ, vì người bên này họ tự-do lắm, không biết được sự xảy ra thế nào. Vả quan Giám-quốc chẳng qua là người một đảng, dấu đảng ấy số nhiều mà đặc-thể, còn đảng khác số ít mà thất-thể, ở một nước tự-do bình-dẳng, sự đảng-tranh nhiều khi kịch-liệt lắm. Không những ông Giám-quốc cần phải phòng-bị cẩn-mật, mà ông thủ-tướng, ông thượng-thư, cùng các yếu-nhân trong chính-giới, quân-giới, v. v. đều như thế cả. — Ở các xã-hội Tây-phương, sự mạo-hiêm cũng như sự hoạt-động, là cái tư-cách người ta ai cũng phải có.

Chủ nhật, mồng 7

Bốn giờ chiều hôm nay quan Giám-quốc vào trường Đấu-xảo xem. Bọn mình cũng phải mặc áo đẹp ra đóng vai mất ít lâu ; nhưng không khó-nhọc gì, chỉ phải đứng dưới thềm trước cái sân lớn sở *Angkor*, khi quan đến thời cúi đầu chào, thế mà thôi.

Quan Giám-quốc đi cùng với quan Thượng-thư SARRAUT. Khi đến trước

(1) Xem Nam-Phong số 58, 59, 60, 63, 65.

bọn mình thời quan Thượng-thư giới-thiệu : « Đây là các thân-hào Việt-Nam », quan Giám-quốc bắt tay vãi ba người, bọn mình cúi chào, rồi các quan tiến lên, bọn mình lui về, thế là xong chuyện. Nhưng khi về nước nhà, thuật lại với bà - con, cũng được cái hãnh-diện rằng đã được bắt tay quan Giám-quốc !

Chín giờ tối, trong trường Đấu-xảo làm hội đêm để mừng quan Giám-quốc. Trưng đèn điện thật nhiều, rất là rực-rỡ. Người đến xem có tới mấy vạn con người, trường Đấu-xảo đã rộng như thế mà chỗ nào cũng đông nghìn-nghịt.

Hội mở ở trước sở *Angkor* ; hai bên bắc đèn chiếu thật mạnh, chiếu sáng vào nơi sở chính, lộng-lẫy như một cái cung thủy-tinh. Chung-quanh những cây cao bóng tối, đèn điện lấp-lánh như sao diêm, người xem chật-ních như ném cối, tiếng người nói, tiếng kèn thổi, ồn-ào rộn-rịp, giữa đột lên một đám sáng rực như thế, thật cũng là một cảnh li-kỳ, như cái cung-điện trong mộng đem đến giữa chốn phồn-hoa vậy.

Trên cái sân lớn, hai bên có đặt ghế cho người xem ngồi, chỉ người nào có giấy mời riêng mới được vào. Đúng 9 giờ, xong tiệc ở trong « Sở máy », quan Giám-quốc, các quan văn-võ cùng các khách mời đến giải-tọa ở đây. Đèn chiếu mở sáng thêm, cảnh-tượng lại rực-rỡ hơn. Sân cao hơn mặt đất, đứng trên trông xuống, cực-mục như một cái bể người, nhấp-nhỏ như những làn sóng.

Được một lát, thấy im phăng-phắc, lặng như tờ, như ai nấy đều ngưng-thần chú-ý để đợi một sự gì lạ, mà sự lạ ấy sẽ ở đâu trong đám tối sau cái cung thủy-tinh kia mà ra. Đã nhận phàm cảnh gì xuất-hiện ra ban đêm cũng có cái vẻ li-kỳ huyền-bí ; dấu

cảnh rất tầm-thường cũng vậy. Không trách đời cổ-sơ cho đêm là cái đại-bí-mật, là cái phần thời-gian thuộc về những giống khác giống người, những giống li-vị võng-lương gì, cho nên sự gì xảy ra ban đêm cũng khiến cho người ta rùng mình chột dạ. Như tiếng gió thổi trên ngọn cây, tiếng sếu kêu giữa khoảng trời, ban ngày mấy ai để tai nghe, để ý nhận, mà đêm đến thời thành những tiếng phong-thanh hạc-lệ, làm cho người ta lạnh-lẽo trong lòng...

Chợt nghe thấy một hồi quân-nhạc, rồi đến thứ kèn thổi giục, nghe thật lạ tai, không biết là hiệu kèn gì. Hỏi ra mới biết là kèn ả-rập. Ai ai cũng ngóng trông về phía tiếng kèn, mà chưa thấy gì cả. Bấy giờ lại lặng-lẽ hơn lúc trước nữa. Được một lát thời mới thấy những đèn những đuốc tự dưng xa ngồn-ngang kéo lại, đi tự dưới chân sở *Angkor* mà tiến lên, trước còn mập-mờ chưa nhận rõ là gì, sau lên đến trên sân, trước ánh đèn chiếu, mới biết là một đám rước kiệu mới. Có lẽ người đứng đằng xa, tề bên dưới mà trông, còn đẹp hơn những đám rước này là rước các thuộc-cử diễn chào trước mặt quan Giám-quốc. Nào là da đen, da vàng, hung-huê, nhuôm-nhuôm, đủ các sắc người, đủ các giống người, người *Arabes*, người *Marocains*, người *Malgaches*, người *Sénégalais*, người *Annamites* mình sau cùng cả, giống nào có cái gì thì phô ra hết. Trông thấy họ, người ta mắt, và vào địa-vị người Giám-quốc, vào địa-vị quan Giám-quốc ngồi chủ cuộc diễn-kịch này, tưởng ngoài cái cảnh vui con mắt, lại còn có một cái tự-tưởng rất tự-hào ở trong lòng, tự-hào mình là một cường-quốc, dưới chân biết bao nhiêu dân-tộc phải thần-phục. Nhưng vào cái địa-vị mình đứng đây thời cái quan-cảm nó phiền-phức lắm, khó nói ra được. Trông người các

giống kia trầy trước mắt, quên đi cũng lấy làm vui, nhưng gần đến lượt người giống mình, thời trong lòng như có ý nơm-nớp sợ, . . . sợ không biết người mình sẽ bày cái trò gì cho người quý-quốc xem, mà sợ nhất là trông thấy những ông mặc áo rộng vái huyền-thiên, thì đến chết mất ! Bấy giờ trông ngực đánh thòm-thòm, như nghẹn đến cổ. May sao ! đến lượt người mình thời chỉ có rước một cái kiệu thần không, với mấy cái tàn quạt và trống chiêng, còn theo sau thời có. . . phường hát-bội của ông Lương Khắc-Ninh ! . . .

Thứ hai, mồng 8

Gặp ông K***, cùng với bà vợ mới ở Montpellier lại.

Ông là người Nam-kỳ, sang học luật-khoa ở bên này, lại có đem cả bà theo. Người có tư-tướng lắm, tôi quen biết từ năm xưa, hồi về chơi Nam-kỳ hơn một tháng. Trong anh em cho ông là người có chí. Bà lần này tôi mới biết, coi cũng ra người thông-tuệ lắm. Cùng ông bà ăn cơm an-nam ở « Pháp-Việt phụng-điểm » trong trường Đẩu-xảo, nói chuyện giờ lâu. Trong bọn đồng-bào mình ở bên này, ít gặp ai có thể nói chuyện được như với ông, vì ông cũng có cái tư-tướng về việc đời vậy. Không những ít gặp người đồng-chí, mà trong bọn nghe đâu lại có mấy cái rất khả-ố, là cái giống *tranh*. Thật nhiều khi riêng giận một mình mà không thể không than rằng người ở bên này mình hèn thật; chỗ nào có người An-Nam là ở trong đó, họ thuộc về cái giống đê-mạt ấy. Nhưng họ làm cái nghề ấy, mà thường dốt nát, có biết gì đâu.

Thứ ba, mồng 9

Mình ở Marseille đã lâu rồi, nóng ruột muốn lên Paris. Sau việc nghênh-tiếp quan Giám-quốc, định lên ngay, nhưng nghe nói có quan Toàn-quyền LONG ở bên Đông-dương sắp sang, nên

đình lại mấy ngày nữa, đợi cùng anh em đón ngài rồi mới đi. Nhưng ở Marseille đã thấy chán rồi. Người ở đây những kẻ tri-thức xem ra ít, phần nhiều là những hạng doanh-nghiệp cả, ít quen biết được người hay. Còn cái xã-hội An-Nam mình ở trong Đẩu-xảo, kẻ số người cũng khá đông, nhưng mà bác-tạp lắm, và tính-cách cũng như bên mình, cũng những cách vận-động, cũng những lối úp-mở như thế, dẫu đi xa, vẫn giữ cố-thái; giao-du thật không có thú gì.

Hôm nay đi chơi *Château d'If*, là một cái thành cổ, ở trên cái đảo nhỏ, ngoài bể, cách Marseille mấy dặm. Ra bến *Cannebière* đã có sà-lúp sẵn, chạy chừng nửa giờ thời đến nơi. Ra đến bể, trông vào trong bến lở-nhổ những thuyền tàu, trong phố chông-chất những nhà cửa, thật là vui mắt.

Tra trong sách, đảo *If* này có 290 thước dài, 168 thước ngang, và 850 thước quanh. Tàu đỗ trước một con đường nhỏ sỏ vào trong đá. Đường gồ-gề khúc-khuỷu, trèo lên thời tới thành, đây có mấy cái nhà trước dùng làm trại lính, sở pháo-binh và kho thuốc đạn; bây giờ có một hàng cơm cho khách du-lich nghỉ-ngơi ăn uống.

Lạ nhất là cái lâu-thành (*le donjon*), ngoài có một cái cầu cắt (*poni-levis*), có khắc chữ năm 1592, là năm dựng ra thành này. Trông đại-thể thời hình vuông, nhưng bốn góc có bốn cái tháp tròn, ba cái bằng nhau, còn một cái về phía tây vừa cao vừa tròn hơn.

Thành này dựng ra chủ-ý để dùng làm ngục giam của Nhà-nước; khác nào như thành *Bastille* (Tàu dịch là *Bati-dich*) ở phương Nam vậy. Chính tay vua FRANÇOIS thứ 1 đặt viên đá thứ nhất ngày 20 tháng 12 năm 1524, dưới viên đá ấy có đặt một lọ dầu, một lọ rượu và một hộp sắt đựng lúa mì và một mảnh da để ngày tháng khởi-công. Năm ấy vua FRANÇOIS thứ 1 ngự-du

Nam-phương đề cảm ơn dân *Marseille* đã có công giúp đánh được kẻ thù của vua là Quốc-công BOURBON. Dân mở hội mừng vua, đặt ra một cuộc hải-chiến, giả lấy quả cam làm đạn ném; vua chơi đùa vui-vẻ lắm, sau về *Paris* vẫn còn nhớ buổi hôm ấy, trong sử còn ghi chép.

Ngày nay thành *Ij* không còn dùng gì về việc quân-phòng nữa, thiên-hạ ai ai muốn vào xem cũng được, ngày thường phải một quan, chủ-nhật và ngày lễ 0f. 25. Có người lãnh-trung phát vé thu tiền ở đấy, mỗi năm phải nộp vào công-quĩ Nhà-nước 30.075 quan, như thế thì hơn bù kém số người đến xem mỗi năm trung-bình cũng được từ 5 đến 6 vạn người.

Ở trong lâu-thành coi cũng buồn rứt như các nhà ngục khác; ở giữa có một cái sân vuông cũng khá rộng, chung quanh có 14 cái ngục tối, bây giờ mở rộng ra hơi có chút khí trời và ánh sáng, chớ xưa kia thời có lẽ không khác gì cái hầm chôn người sống vậy.

Năm cái ngục ở tầng dưới, vào xem đây trước. Có hai cái tượng-truyền là EDMOND DANTÈS và cố FARIA trong bộ tiểu-thuyết trứ-danh đề là *Bá-tước Monte-Cristo* của ông ALEXANDRE DUMAS, bị giam ở đấy, một người 14 năm, một người 18 năm.

Cứ xem tường dày như thế, ngục sâu như thế, thời biết những người phải giam ở đấy khổ biết chừng nào! Những người nào đã đọc bộ tiểu-thuyết của ông DUMAS rồi mà đến xem đây, thật không khỏi rùng mình.

Người ta có kể chuyện chính ông DUMAS một hôm cao-hưng muốn đi xem lại mấy cái ngục ông đã tả trong bộ tiểu-thuyết. Bấy giờ coi ở đấy và dẫn khách đi xem có một lão già tên là lão GROSSON. Lão đưa ông đi xem khắp các ngục, đến cái ngục cố FARIA, lão chỉ cho ông xem cái lỗ hồng của cố ngục

qua tường bằng một cái xương cá đề thông với ngục *Bá-tước*, thuật y như lời trong tiểu-thuyết của ông, rồi nói rằng: « Ông cứ về mua lấy bộ tiểu-thuyết của ông DUMAS mà xem thì biết hết chuyện. » — Ông DUMAS bèn nói: — Chà! ông DUMAS ấy giỏi nhỉ! Thế lão có biết ông không? — Có, tôi biết lắm, ông là bạn thân của tôi. — Ông DUMAS nắm lấy tay lão, đưa cho hai đồng tiền vàng, cười mà rằng: — Thế thì ông ấy cảm ơn lão nhé! — Lão ngẩn người ra, không hiểu ra làm sao.

Ở cửa ra, về bên tay trái, có một quyền sở đề cho khách du-lịch ai muốn biên gì làm kỷ-niệm thì biên. Xem những lời biên trong ấy, nhiều câu lạ lắm. Có một câu như sau này của ông nghị-viên CLOVIS-HUGHES biên ngày mồng 4 tháng 9 năm 1894, tưởng đủ diễn được cái cảm-giác chung của khách du-lịch đến xem đây; lời rằng:

« Thành này từ xưa đến giờ vẫn dùng làm chốn lao-lung cho quyền áp-chế. Ước gì về sau này chỉ trông thấy cái cảnh-tượng lòng bác-ái chứa-chan trong thiên-hạ, cũng như ánh mặt trời chói-lọi mặt bề khơi! »

Ai đến xem đây, khi trở về nhà trong lòng cũng ước-ao như vậy.

Thứ tư, mồng 10.

Ăn cơm trưa ở nhà quan Cai trị X... Quan ở bên Đông-dương là một tay hách-dịch có tiếng, nay hạ-cổ một chúng mình thế này cũng đã... lắm. Nhưng cái không-khí... g ống cái không-khí bên... thuộc về ôn-đới, nên c... chịu hơn ở nhiệt-đới nhiều.

Quan đây có tiếng là người thâm lắm, nhất là đối với bọn quan-lại ta. Thấy nhiều ông quan người mình như-nhược và dè-liện quá, ông cũng tức thay, và thường làm lắm cái thủ-doạn « chơi khăm », kể cũng « điếng » cho

bọn kia, mà bọn kia vẫn không hiểu, vẫn không biết phản-chấn tự-cường lên chút nào.

Người Tây thường có tính « hiểu-thắng », nghĩa là mạnh-bạo tự-cường, muốn cho kẻ khác đối-đãi với mình cũng có cái tính ấy; nhưng người Việt-Nam ta đối lại, — nhất là trong bọn quan-liêu, — thời lại nhu-nhược dút-dát quá, nói không dám nói lời thẳng, đứng không dám trông ngay mặt, tựa-hồ như kính-sợ mà kỳ-thực là siểm-mị một cách dè-tiện; người ngoài người ta trông thấy vô-nbân-cách như thế cũng phải tức-thay, tức-mà sinh ghét, ghét-mà muốn nhục-đãi cho xấu-hổ để chữa đi, nhưng không biết rằng những kẻ ấy nhiều khi không còn biết xấu hổ là gì vậy.

Nói ra thời mất lòng người mình, nhưng tưởng trong xã-hội ta có nhiều thứ người đả-đến thế nào cũng đáng.

Thứ năm, 11.

Sáng sớm hôm nay, 6 giờ 1/2, tàu *Amboise* ở Đông-duong sang vừa đến bến. Quan Toàn-quyền LONG và quan chánh Văn-phòng CHATEL đi chuyển tàu này. Vậy cùng anh em dậy sớm ra đón. Lên tàu chào các ngài, các ngài tiếp chuyện ân-cần vui-lắm. Quan Toàn-quyền nói ngài chỉ đi *Marseille* đầu-bữa, rồi lên *Paris* ngay để thư-viết với quan Thuộc-địa nhiều việc.

Từ quan Toàn-quyền rồi, về trợ tá hành-lý để sớm ngày thứ bảy có bọn phái-viên có ba người ra bắt mình. Mấy người bàn nếu đi *Paris* luôn một ngày thì nhọc nhằn không được xem thành-phố *Lyon*, là nơi đô-hội thứ nhì của nước Pháp, vậy định hăng đi từ *Marseille* lên *Lyon*, ở đấy mấy bữa, rồi sẽ lên *Paris*.

Về phần riêng mình thì từ hôm tới *Marseille* đến giờ nhận được mấy cái giấy ở *Paris* giục lên diễn-thuyết, vậy

thề nào cuối tháng này cũng phải có ở *Paris*, và nếu ở chơi *Lyon* cũng không thể ở lâu được. Nói đến diễn-thuyết, lại càng sốt ruột quá. Mình đã chọn mấy cái đầu bài, định soạn trước từ hôm mới đến đây, vậy mà đã một tháng nay chưa viết được dòng nào cả! Song sang bên này, sao mà thấy thì giờ nó mau thế: ngày nào cũng đi ăn hai bữa, dạo chơi mấy vòng, thế là tới ngày. Tối đến cũng phải tiêu-dao phổ-phương, cho nó biết cái phong-vị bên Tây, thành ra không có mấy thì-giờ mà nghĩ mà viết cả. Nhưng mình sang đây là để quan-sát, phải đi đây đi đó, xem thấy cho nhiều, nếu đến đây mà cũng đóng cửa buồng ngồi làm văn như ở nhà thì còn có ích-lợi gì. Thôi, diễn-thuyết mặc diễn-thuyết bao giờ đến kỳ sẽ hay.

Thứ sáu, 12.

11 giờ sáng hôm nay, quan Toàn-quyền LONG vào xem Đấu-xảo. Bọn phái-viên ta cũng phải vào đón ngài ở trước sân dinh trong phố Hà-nội.

Thôi, lần nghênh-tiếp này có lẽ là lần cuối cùng, vì sớm mai mình sẽ dời thành *Marseille* mà lên *Paris*, đoạn-tuyệt quan-hệ với sở Đấu-xảo vậy. Mình ở Đấu-xảo trong bấy lâu, cũng đã cùng anh em « đấu-xảo » được nhiều lần rồi, và có lẽ hình-ảnh mấy bác « thân-hào Việt-Nam » ta cũng đã thu trong kính ảnh, in vào « phim » bóng rồi, một ngày kia sẽ được truyền đi khắp các nước. Bao giờ ảnh chúng mình đem ra chớp bóng ở mấy rạp bóng Hà-nội hay Sài-gòn, cho bà con nước nhà xem, biết mình đi Tây có công-cán như thế, bấy giờ mới thật là vẻ-vang!

Buổi chiều đi từ-biệt mọi người để sáng mai đi sớm.

(Còn nữa)

PH. Q.

ĐIỀU-TRA VỀ TỤC-NGŨ PHƯƠNG-NGÔN

Gần đây nhiều người bàn về việc làm tự-diễn tiếng ta. Việc ấy nói thì dễ mà làm thật khó. Người không xét kỹ thì cho là khó bởi những tiếng của ta mượn ở chữ nho, nếu bây giờ không ghi lấy và thích nghĩa cho rõ thì học mỗi ngày một suy, rồi có lúc không mấy người hiểu và biết dùng nữa. Nhưng thiết - tưởng sự khó ấy không bằng sự khó ở những tiếng thuần nôm của ta, vì chữ nho đã có tự-diễn chữ nho, đã có sách-vở chữ nho, bao giờ cũng có thể tra-cứu được, đến như tiếng nôm của mình thì chỉ bằng ở khẩu-truyền mà thôi, thật là « vô sự vô sách. » Nếu không kíp mà sưu-tập lấy những tiếng quốc-âm giòng ở những người già-cả trong dân-gian, thì có một ngày các cụ mất dần đi hết, không biết tra hỏi ở đâu. Hiện bây giờ có nhiều tiếng ta thường dùng mà không biết rõ gốc-tích thế nào. Thí-dụ như tiếng *phân vua*, ai cũng dùng, ai cũng hiểu nghĩa thường là « viện người làm chứng cho mình », nhưng tiếng *phân vua* ấy ở đâu ra, nguyên-do thế nào, chưa thấy ai giải được rõ. Bây giờ muốn làm một bộ « Việt-âm tự-diễn » cho xứng-đáng thì mỗi chữ mỗi tiếng, không những phải thích nghĩa thường ai cũng biết, mà lại phải cứu cho ra cái nguyên-do nghĩa ấy thế nào.

Nay xét ra những điển-cổ của tiếng nôm ta, phần nhiều là ở những câu phương-ngôn tục-ngữ cùng những câu lý-hạng-ca-dao, trong dân-gian truyền-miệng nhau mà chưa có mấy người ghi-chép lấy. Trước khi khởi-công làm một bộ tự-diễn, cần phải cốp nhặt lấy những câu tục-ngữ ca - dao để làm tài - liệu, như trước khi xây nhà phải có vôi gạch vậy. Việc này không phải một người làm được, phải là công chung của cả quốc-dân.

Hội « Khai-tri tiến-đức » muốn chủ-trương việc làm tự-diễn tiếng ta, có đặt

ra một ban Văn-học đề giao cho việc ấy. Vậy trước khi khởi-hành công-việc lớn-lao ấy, ban Văn-học chúng tôi muốn mở một cuộc Điều-tra về tục-ngữ phương-ngôn của ta, xin các ngài có bụng với quốc-âm ở khắp trong nước, bất-cứ trong Nam ngoài Bắc, ra công giúp cho thành việc.

Chúng tôi muốn nhờ các ngài mấy khoản như sau này :

1. Trừ những câu tục-ngữ ca-dao đã thông-thường lắm ai cũng biết, như : *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây . . . Con cò lặn lội bờ ao, v.v.*, không kể, các ngài có biết câu nào hoặc riêng cho vùng ngài ở, hoặc các ngài cho là lạ là hay và ít người biết, thì xin làm ơn sao gửi về cho ;

2. Những câu tục-ngữ ca-dao thường, hoặc có câu nào người ta thay dùng làm hay là hiểu sai nghĩa, mà các ngài biết gốc-tích, xin thích rõ ra cho ;

3. Những tiếng thành-ngữ, những câu nói lối, nói bóng, nói lóng, nói đố, cùng hết-thảy những cách nói thông tục, các ngài sở-biết, xin biên lấy gửi về cho (Nếu biết rõ là cách riêng của một vùng nào xứ nào thì càng hay lắm) ;

4. Những câu hát : không 10 m, hát gạo, hát cấy lúa, hát đờn, kéo gông cùng đại-đề những câu-hát của các nghiệp mà có bổ-ích cho sự nghiên cứu về nghĩa tiếng ta, xin các ngài gửi về cho.

Việc này là việc công ích, xin các ngài không quên giúp cho được thành.

Các giấy-má xin cứ gửi về cho ông PHẠM QUỲNH, Chủ-bút Nam-Phong và Tổng-Thư-ký Hội Khai-tri thân-nhận.

Ngài nào có bụng giúp, hoặc có phi-tồn về việc gửi giấy-má, Hội Khai-tri xin chịu.

Ban Văn-học Hội Khai-tri kính-cáo

NHO-GIÁO⁽¹⁾

II

Kỳ trước tôi đã nói cái đại-lược đạo Nho về đời Thương-cổ rồi đến Khổng phu-tử tổ-thuật lại và phát-minh cái đạo ấy ra thế nào, chắc các ông cũng đã hiểu rõ ít nhiều. Nay tôi xin nói qua những sách của Phu-tử truyền lại có những gì và các môn-đệ của ngài có những ai đã đem cái đạo của ngài mà truyền-bá ra trong thiên-hạ ; đạo ấy về sau biến đổi ra làm sao, sự kết-quả hay dở ở những nước chịu cái ảnh-hưởng Nho-học là thế nào.

Hôm nọ tôi đã nói rằng những sách của Khổng phu-tử soạn ra thì tất cả có sáu bộ, gọi là lục-kinh, là kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ, kinh Nhạc, kinh Dịch và kinh Xuân-thu. Nhưng trong sáu kinh ấy ngài chỉ làm có kinh Xuân-thu mà thôi, còn những kinh kia là ngài san-định lại, chứ không phải tự ngài làm ra.

Kinh Thi. — Kinh Thi là một bộ sách chép những ca-dao⁽²⁾ kể từ đời Nghiêu cho đến vua Bình-vương nhà Thương, cốt để biết những tình-tình của dân chúng ở các đời vua và các nước, cái bìa từ thuở ấy về trước. Như kinh Mãn-phong thì nói cái tục của đất Mãn ; Vệ-phong thì nói cái tục của đất Vệ ; Tân-phong thì nói cái tục của đất Tân ; nói cái thói-quả của nước cũ bìa của đời Nghiêu như là Đại-nhã, Tiểu-nhã, và cái bìa của đời vua Nghiêu nói về cái tục của đời vua Nghiêu.

Trong kinh Thi hay nhất là chữ : « Tư vô tà 思無邪 », nghĩa là sự tư-tưởng của mình phải cho chính-đính, cho nên học kinh Thi là để khảo-cứu

việc cổ và để di-dưỡng tình-tình mà cốt nhất là lấy chữ chính-tâm làm đầu.

Kinh Thư. — Kinh Thư là bộ sách tựa-hồ bộ sử chép chính-trị và cả văn-chương đời cổ, kể từ đời vua Nghiêu vua Thuấn cho đến đời Đông-Chu. Như thế thật là một bộ sách cổ nhất của nước Tàu. Kinh Thư chép những chuyện quan-hệ đến quyền-lợi và nghĩa-vụ của vua quan và của thứ-dân cả thảy là 50 thiên, khởi đầu từ thiên Nghiêu-diễn đến thiên Tân-thế thì hết. Trong những thiên ấy chép những luật-phép từ đời Nghiêu Thuấn đến đời Đông-Chu. Đời Nghiêu Thuấn thì truyền nước cho người hiền, đời Tam-đại thì truyền nước cho con. Hình-pháp của Cao Giao và của Chu-công Đán thì trước sau càng ngày càng kỹ thêm ra.

Lời chép kinh Thư thì chép nguyên cái lời của các bậc đế-vương quân-thần đời trước, để cho học-giả biết được cái chính-trị và cái lối văn-chương đời cổ. Kinh Thư lấy hai chữ « chấp trung 執中 » làm cốt.

Kinh Lễ. — Kinh Lễ là một quyển sách chép những cách xếp đặt cái trật-tự ở trong xã-hội : một là để tôn-trọng cái nhân-phẩm của mình ; hai là để thù-tiếp mọi người cho phải đạo. Phạm luân-lý, lễ-nghi đều do ở kinh Lễ mà ra, như là lễ tế trời, lễ tế đất, lễ tế tổ-tiên, lễ đám cưới, lễ đám tang, lễ ăn uống ở làng ở nước, lễ tập bản, v. v. . . , đều bày tỏ ra rõ-ràng ở trong kinh Lễ. Ngay ở thiên Khúc-lễ.

(1) Bài diễn-thuyết của ông TRẦN TRỌNG-KIM ở « Việt-Nam Thanh-niên Hội ».

(2) Ca, là bài hát có điệu, có vần dùm vào lúc tế-tự hay là vào việc hỉ việc hiếu ; dao, là lời hát khâu-truyền của dân-gian ở thôn-dã.

dầu kinh *Lễ* đã giải-thích rõ nghĩa chữ « *Lễ* » như sau này :

« *Lễ* là để phân-biệt người thân người sơ, để quyết những sự hiềm-nghi, nghĩa là để giải-quyết những điều khó nghĩ khó xử về đường giao-thiệp ăn ở ; để phân-biệt cái giống nhau cái khác nhau ; để giữ cái phẩm-giá của mình cho rõ-ràng và để dạy người ta.

« Đạo-đức nhân-nghĩa, không có lễ thì không nên được ; dạy bảo và sửa-sang phong-tục, không có lễ thì không đủ được ; xử những việc tranh-cạnh, đoán những việc kiện-tụng, không có lễ thì không quyết được ; vua tôi, trên dưới, cha mẹ, anh em, không có lễ thì không định được ; học làm quan hay thờ thầy không có lễ thì không thân được ; xếp đặt thứ-vị trong triều, giữ kỷ-luật trong quân, giữ cái chức-trách gì hay là thi-hành một cái pháp-lệnh gì, không có lễ thì không uy-nghiêm ; cầu khẩn cúng tế quỷ-thần không có lễ thì không thành không kích. Bởi thế cho nên người quân-tử phải cung-kính giữ tiết-độ, biết lui-nhường để làm sáng điều lễ. »

Bên Nho-giáo lấy cái lễ làm quan-trọng lắm, cho là người ta có lễ-nghĩa thì mới là người vậy 凡人之所以爲人者禮義也. Học kinh *Lễ* cần phải biết câu : « *Vô bất kính 無不敬* », nghĩa là việc gì cũng lấy sự kính làm chủ, mình phải kính mình và kính người ta.

Nhưng ta phải biết rằng kinh *Lễ* không chắc có phải toàn là di-văn của đời Xuân-thu truyền lại, vì rằng khi nhà Tần đốt sách thì lục-kinh mất cả, đến đời nhà Hán thì mới tìm lại các kinh. Bấy giờ kinh *Nhạc* thì mất hẳn, còn kinh *Lễ* thì có nhiều thiên lắm, cho nên có lẽ không tìm được đủ. Chắc là Hán-nho đặt thêm ra nhiều, xem như là đem thiên *Nhạc*-

ký phụ vào kinh *Lễ* thì đủ biết kinh *Lễ* không phải là nguyên-văn ngày trước. Và lại cái lời và cái ý không giống như văn đời Xuân-thu.

Kinh Dịch. — *Kinh Dịch* là bộ sách thuộc về môn lý-học, lấy cái lẽ âm-dương mà giải-thích cái hiện-tượng của trời đất và muôn vật. Thí-dụ như câu : « *Thiên cao địa hạ, vạn vật tán thù 天高地下萬物散殊* », có ý nói rằng trời đất và muôn vật đều bởi âm-dương mà sinh ra cả.

Cái vạch liền — — là dương, cái vạch đứt — — là âm, gọi là hào. Lấy những hào ấy đảo đi đảo lại như là hoạc thuận-âm, hoạc thuận-dương, hoạc hai dương một âm, hoạc hai âm một dương, đặt thành tám quẻ, gọi là « *bát quái* ». Mỗi quẻ có ba hào. Lại lấy tám quẻ ấy đảo đi đảo lại tám lần thành ra 64 quẻ, mỗi quẻ có sáu hào.

64 quẻ lại chia ra làm *thượng-kinh* và *hạ-kinh*. *Thượng-kinh* thì đề quẻ *Kiên* và quẻ *Khôn* ở đầu. *Kiên Khôn* tức là trời đất, mà trời đất tức là âm dương. *Hạ-kinh* đề quẻ *Hàm* quẻ *Hãng* ở đầu. *Hàm Hãng* là nói về vợ chồng, vợ chồng cũ

Trong 64 quẻ ấy có 10 quẻ xuất-dương tiêu-trưởng 陰陽消長. Các việc nhân đời trước xem kinh này thì đem cái lẽ âm-dương tiêu-lói cái này ví vào sự thịnh-suy, ta để làm sự khuyên-khiến. *Thái* quẻ *Bĩ* quẻ *Kiếp* này, đều là ý ấy cả, mà việc cho bởi tự người mà sinh ra là quân-tử, là sự hay, là đời thịnh. Âm là tiêu-nhân, là sự dở, là đời suy.

Nguyên lúc đầu thì chỉ có cái vạch liền và cái vạch đứt, xếp thành *tiên-thiên bát-quái* như sau này : *Kiên* 乾, *Khảm* 坎, *Cấn* 艮, *Chấn* 震, *Tốn* 巽, *Lý* 離, *Khôn* 坤, *Đoài* 兌, nói rằng của vua

Phục-Hi đặt ra, nhưng không có thích nghĩa là gì cả. Đến đời vua Văn-vương nhà Chu, khi phải giam ở ngục Dữu-lý mới xếp lại làm *hậu-thiên bát-quái* như sau này: *Kiên* 乾, *Đoài* 兌, *Ly* 離, *Chấn* 震, *Tốn* 巽, *Khảm* 坎, *Cấn* 艮, *Khôn* 坤. Văn-vương đặt ra *Thoán* (1) và tên quẻ. Sau ông Chu-công mới cắt nghĩa từng quẻ và từng hào, nhưng cái nghĩa của Chu-công cắt có lắm câu xa-xôi và lơ-lửng khó hiểu. Khổng phu-tử mới nhân lời của ông Chu-công và lấy nhân - sự thiết-thực mà cắt nghĩa thêm ra cho rõ. Ngài sợ cắt nghĩa như thế chưa đủ, lại làm thêm thiên *Hệ-tử* để giải-nghĩa cho rõ hơn nữa. Trong thiên *Hệ-tử*, Phu-tử cắt nghĩa cả mọi lẽ quan - hệ đến trời đất và nhân-vật.

Phu-tử nói rằng: « *Dịch* là để mở ra muôn vật, nên được mọi việc, trùm được cái đạo của thiên - hạ, cho nên thánh-nhân dùng cái đạo *dịch* để thông được cái chí của thiên - hạ, để định được cái công-nghiệp trong thiên-hạ, để đoán được cái ngờ trong thiên - hạ 夫易開物成務。冒天下之道。如斯而已。是故聖人以通天下之志。定天下之業。以斷天下之疑。»

Xét cho kỹ thì có lẽ kinh *Dịch* là bộ sách tuy có nói về việc trời đất và sự bốc ra nước mưa đá thì cũng chỉ lấy sự sản - cái biến và khuyên - răn làm chủ cả. Về sau nhiều người bàn từ lúc *Dịch* là để bói cỏ thi và bói cỏ bói tinh Thái-ất, lấy số Hà-cổ bói là vì thấy nói sự ra bề. « *Dịch* hữu thái-cực, thị sinh lưỡng - nghi sinh tứ-tượng, tứ-tượng sinh bát-quái, bát-quái định cát-hung, cát-hung sinh đại-nghiệp 易有太極。是生兩儀。兩儀生四象。四象生八卦。八卦定吉凶。吉凶生大業。» Để thường vì lẽ cát-hung ấy cho nên mới có cái tư-tưởng xuyên-tạc như thế.

Kinh *Dịch* tuy rằng là một bộ sách quan-trọng nhất của nho-học, nhưng vẫn là bộ sách rất khó hiểu, vì có nhiều lẽ ẩn-khuất, các danh-nho đời trước cũng không cắt nghĩa hết được.

Nhưng tóm lại: *Dịch* là biến đổi, cho nên đọc *Dịch* phải biết chữ « *thời* 時 », nghĩa là biết biến đổi cho hợp-thời.

Kinh Xuân-thu. — *Xuân-thu* là bộ sử nước Lỗ của đức Khổng-tử làm ra, chép từ Lỗ Ân-công cho đến Lỗ Ai-công. Tuy gọi là *Lỗ-sử* nhưng cũng chép việc nhà Chu và việc các nước chư-hầu thời bấy giờ.

Lối chép sách *Xuân-thu* là lối biên-niên, nghĩa là năm nào có việc gì thì chép việc ấy. Chủ-dịch thì có ý tôn nhà Chu, phân-biệt người hay người dở. Như là đầu bộ sách ngài chép ngay rằng: « *Xuân vương chính-nguyệt* 春王正月 ». Nghĩa là vì lúc ấy không ai biết có nhà Chu nữa, mà ngài để chữ *vuông* lên trên chữ *chính-nguyệt* để cho rõ cái nghĩa tôn-quân. Hoặc là người trung-ngĩa thì chép tên tự, người gian-nịnh thì chép tên thật để phân-biệt cho khác nhau.

Sự khen hay là chèn cốt ở một chữ của ngài dùng, cho nên người ta phê rằng: « *Nhất tự chi bao, vinh ư ba côn; nhất tự chi biếm, nhục ư phủ việt, 一字之褒。榮於葩衰。一字之貶。辱於斧鉞。»*, nghĩa là một chữ của ngài khen, sướng hơn được ban thưởng, một chữ của ngài chê, nhục hơn hình-phạt.

Về sau những người chép sử tàu bắt chước lối chép *Xuân-thu* mà làm ra lối *ương-mục*.

Đây là tóm-tắt cái đại-lược mấy bộ sách của Khổng phu-tử đã soạn ra là thế. Sau các môn-đệ theo cái đạo của ngài mà làm ra bốn bộ nữa gọi là *tứ*

(1) Thoán là theo cái hình quẻ mà cắt nghĩa cái toàn-ý cả quẻ là thế nào.

thư : là Đại-học, Trung-dụng, Luận-ngữ và Mạnh-tử.

Đại-học. — Đại-học là bộ sách của Tăng-tử, học trò Khổng-phu-tử, làm ra nói về sự học của người lớn 大學者大人之學. Cái đạo của những người lớn đi học, là phải làm cho sáng cái đức sáng của mình, làm cho mới cái đức của dân, lấy sự chí-thiện làm đích 大學之道。在明明德。在新民。在止於至善。

Muốn học được cái đạo ấy thì phải giữ cái ý-chí mình cho hoàn-toàn, cái bụng mình cho ngay chính, cái thân mình cho trong sạch, có được thế thì mới trị được nhà, được nước và được thiên-hạ, nghĩa là luân-lý và chính-trị đều bởi cái gốc ở thân mình mà ra hết cả. Cũng vì thế cho nên việc gì cũng phải lấy sự tu-thân làm bản 壹是皆以修身爲本. Mình có tốt có hay thì mọi việc mới tốt mới hay được.

Bộ Đại-học thì từ đầu đến cuối, một ý liên-lạc với nhau, thật là một cái lý-thuyết rất có thứ-tự và dễ hiểu. Mà ngày trước ai học đến kinh truyện thì thường hay khởi đầu học bộ sách này trước cả.

Trung-dụng. — Trung-dụng là sách của thầy Tử-tư, cháu đích-tôn Khổng-phu-tử làm ra. Trung, là ở giữa không lệch về bên nào; dụng, là lẽ thường không ai đòi đi được 不偏之謂中. 不易之謂庸。

Sách Trung-dụng nói về cái tính của người ta và cái cách người ta phải sửa mình như thế nào. Tính của người ta là trời phú cho mà mình theo được cái tính ấy là đạo của người, sửa cái đạo ấy thì có thể dạy được người 天命之謂性。率性之謂道。修道之謂教。 Cứ như cái lý-thuyết của Tử-tư thì tính của người ta là bẩm-thụ của trời; vậy cái đạo mà ta phải theo là gốc tự trên trời và nó

vốn ở trong lòng người. Bởi thế cho nên ta phải tu-thân, mà tu - thân thì phải thờ cha mẹ, thờ cha mẹ thì phải biết mọi người, biết mọi người thì phải biết trời, vì rằng trời là chủ - tể mọi việc trong thiên-hạ và gốc muôn vật.

Thiên-hạ có ba cái đạt-đức là : trí, nhân, dũng. Ai đã hiểu-học là đã gần có trí, chịu cố sức là đã gần có nhân, biết hổ thẹn là đã gần có dũng 好學近乎知。力行近乎仁。知恥近乎勇。 Biết ba điều ấy là biết được cách tu-thân. Đã biết cách tu-thân thì tất là biết cách trị người và trị thiên-hạ quốc-gia. Vậy nên cái đạo của người quân-tử cốt ở sự sửa mình cho hoàn-toàn; mà sửa mình cho được hoàn-toàn, thì phải biết phân - biệt rõ-ràng điều phải điều trái, việc hay việc dở, chứ không thì không sao mà hoàn-toàn được 不明乎善。不誠乎身矣。

Ai đã là bậc chi-thành, tức là bậc rất mực hoàn-toàn trong thiên-hạ thì biết hết được cái tính của mình và biết hết được cái tính mọi người cùng muôn vật. Bậc chi-thành ấy có thể giữ được sự hóa-dục của trời đất và sự ngang với trời đất được 贊天地之育。與天地參矣。 có thể trước đư
việc tương-lai, hiểu : 1. mong 10. xuất
điều của trời đất như ta... việc
vậy 至誠如神。 Mà duy có...
thành thì mới định được cái...
trong thiên-hạ, lập...
của thiên-hạ và biết...
dục của trời đất. 唯...
經綸天下之大經...
知天地之化育。

Sách Trung-dụng lấy chữ thành 誠 làm yếu-trọng hơn cả. Suất-tính, tu-thân đều cốt ở sự thành; mà sự thành ấy là do ở trời. Đem cái gốc đạo-lý ra ngoài cuộc nhân-sự làm thành một cái lý-thuyết rất cao-kỳ như thế, thực các sách nho khác chưa từng có vậy.

không nhỏ. Mặc thì nói *kiêm-ái*, xem người chi-thân của mình cũng như mọi người, đều lấy một lòng yêu mà ở như nhau cả. Hai đạo ấy đều không phải là cái đạo thích-trung của người quân-tử như đạo Khổng, cho nên Mạnh-tử nhất-thiết bác đi cho là đạo vô-quân, vô-phụ. Mạnh-tử thấy người đời bấy giờ chỉ xiêu về đường tài-lợi, bỏ mất cả nhân-ngĩa, cho nên bèn hết sức biện - bác để tỏ cái đạo của thánh-hiền ra. Có người hỏi Mạnh-tử rằng sao ông thích biện-bác thế. Mạnh-tử trả-lời rằng : « Tôi có thích biện-bác đâu, bất-dắc-dĩ vậy thôi 予豈好辨哉。予不得已也。 »

Mạnh-tử thật có công mở rộng thêm đạo Khổng ra, cho nên đời sau tôn là bậc Á-tấn, rất là chính - đáng lắm. Ông Trình-tử đời nhà Tống nói rằng : « Kẻ đi học nên lấy sách *Luận-ngữ* và *Mạnh-tử* làm cốt; đã biết được hai bộ sách ấy thì không cần phải trị ngũ-kinh cũng rõ được đạo thánh-hiền vậy. »

Lời văn của Khổng phu-tử thì câu nào cũng tự-nhiên mà thuần-hậu, có khí-tượng hàm - súc, thật là đáng nột bậc thánh-sư muôn đời; lời văn của Mạnh-tử thì câu nào cũng là việc đời, nói chuyện đời, nói chuyện việc đời, nói chuyện cái biao-bành - nhân để giữ lấy sự thực. Cách biện-bác của Mạnh-tử từ lúc có Mạnh-tử về bên Lão - học ra, thì có lẽ là hơn được văn của

Nhưng ông Mạnh-tử để truyền Nho-giáo thì chỉ cần nói vài câu mà thôi đã có tóm tắt ở đây để mọi người biết cái đại-cương là thế nào.

Còn như đạo Nho thì từ khi Khổng phu-tử mất rồi, môn - đệ ngài mỗi người đi một nơi, có nhiều người mở trường dạy học-trò, như là Trọng-

Cung, Tử-Hạ, Tăng-Tử, v.v., thành ra đạo Nho chia ra làm nhiều phái. Duy có phái của Tăng-tử là chính-phái, tức là đạo-đức-phái. Tăng-tử thụ-nghiệp ở Khổng phu-tử, rồi truyền cho cháu ngài là Tử-Tư. Tử-Tư lại truyền cho Mạnh-tử. Đến Mạnh-tử thì thất-truyền.

Phái ông Tử-Hạ là phái luận-thuyết truyền cho Công-Dương 公羊 và Cốc-Lương 穀梁, hai người này làm truyện đề cắt nghĩa Kinh *Xuân - thu*, tức là hai truyện ở trong ngũ - truyện (1). Công-Dương và Cốc-Lương truyền cho Điền Tử-Phương 田子方.

Phái ông Trọng-Cung là phái chính-trị, truyền cho Tuân-Khanh. Tuân-Khanh đồng-thời với Mạnh-tử mà ý-kiến thì phản-đối với Mạnh-tử. Mạnh-tử cốt học *Xuân-thu*, mà Tuân-Khanh thì cốt học kinh *Lễ*. Mạnh-tử cho là tinh thiện, mà Tuân-Khanh thì cho là tinh ác. Mạnh-tử bắt chước Nghiêu-Thuấn, vụ lấy sự đạo-đức, mà Tuân-Khanh thì bắt chước Tam-vương, vụ lấy hình-pháp. Tuân - Khanh truyền cho Hàn Phi và Lý Tư tức là phái hình-danh về đời nhà Tần.

Đến đời nhà Tần, vua Thủy-hoàng nhất-thống nước Tàu, thì chuyên dùng phái hình-danh, cho Lý Tư làm tướng. Lý Tư thấy Nho-phái hay câu-chấp và hay phỉ-báng triều-chính, bèn xin Tần Thủy-hoàng đốt sách và chôn bọn Nho-học.

Bấy giờ phái đạo-đức về Nho-học bị tàn-phá hết, còn những sách vở như lục-kinh thì tan nát mất cả. Đến khi vua Cao-tổ nhà Hán giết được nhà Tần, trừ được nhà Sở, thiên-hạ đầu đầu cũng qui-phục cả, duy có Lỗ-ấp là quê-hương Khổng phu-tử ngày trước vẫn giữ cái nghĩa cũ với Hạng-Vũ mà không chịu hàng nhà Hán. Vua nhà Hán đem quân đến đấy nghe thấy

(1) Ngũ-truyện là : Công-dương truyện, Cốc-lương truyện, Tả-truyện, Hồ-truyện, Trình-truyện.

tiếng đàn bát ở trong thành, biểu rằng cái đạo-giáo của Khổng-tử có thể-lực về dươn; luân-lý, bèn tặng-phong cho Hạng-Vũ là Lỗ-công, bởi thế dân ấy mới ra hàng. Vua Cao-tổ bèn sai làm lễ thái-lao tế Khổng-tử. Về sau các vua tế Khổng-tử là khởi đầu tự dấy và cũng là cái khởi-diềm về sự tôn đạo Khổng vậy.

Vua Cao-tổ nhà Hán lại cho đi tìm những di-nho ngày trước. Bấy giờ có Thúc-tôn Thổng 叔孫通 ra thuật lại những cái cổ-lễ, sửa-sang lễ-nghi. Đến đời vua Văn-đế và vua Vũ-đế nhà Hán thì mới có bọn ông Điền Hà 田何 ra truyền kinh *Dịch*; ông Phục-Thắng 伏勝 ra truyền kinh *Thư*; ông Cao Đường-Sinh và ông Lưu Hâm 劉歆, ông Lưu Hướng 劉向 sửa lại kinh *Lễ*; ông Mao Trành 毛萇, ông Hàn Anh 韓嬰 sửa lại kinh *Thi*; ông Giả Nghị 賈誼 và ông Đồng Trọng-Thư 董仲舒 làm ra sách *Xuân-thu huấn-hổ*, đề cắt nghĩa bộ *Xuân-thu*.

Từ đấy về sau sự học ngũ-kinh mới bắt đầu phát-minh ra. Đến cuối đời nhà Hán lại có ông Trịnh Huyền 鄭玄 ông Khổng An-Quốc cắt nghĩa lại cả năm kinh, làm cho sự học về các kinh được thịnh-hành hơn trước.

Trong bọn Hán-nho về đời Hán-sơ thì cho Đồng Trọng-Thư là người có danh-vọng hơn cả, vì ông có làm bài *Thiên-nhân tam-sách* đề phát-minh cái nghĩa trời với người có can-thiếp với nhau, đại-ý cũng như cái lý-thuyết của Tử-Tư nói ở trong *Trung-dụng*, và ông lại biểu-chương lục-ngệ và bãi-truất bách-gia; về cuối đời nhà Hán thì cho Khổng An-Quốc là có giá-trị hơn, là vì có công cắt nghĩa cả năm kinh.

Vậy từ đời Hán Vũ-đế về sau, đạo Nho thành ra một đạo độc-tôn ở nước Tàu, cho nên các học-phái khác cũng không thịnh-hành được mấy. Nhưng ta phải biết rằng từ đời Hán trở đi

Nho-học đã pha lẫn với Lão-học ít nhiều, như sấm-vĩ-học và ngũ-hành-học, v. v., đều phảng-phất có Lão-giáo rồi.

Hết đời Hán sang đời Tấn có Vương Kiệm 王儉 chuyên-trị về kinh *Lễ* và kinh *Xuân-thu*, Hoàng Khản chuyên-trị về *Luận-ngữ*. Nhưng nho-học về đời Tấn đã kém đời Hán, về bấy giờ đã hơi thiên về văn-chương. Ở đời Hán, cũng có văn-chương, nhưng cái văn-chương đời ấy chỉ lấy đạo-lý thực-học làm cốt, thí-dụ như bài phú viếng Khuất Nguyên của Giả Nghị, bài *Xuất-sư-biểu* của Gia-Cát Lượng, đều là một thứ văn hay về ý-nghĩa. Ở đời Tấn văn hay như bài *Qui-khứ lai-từ* của Đào Tiềm 陶潛, thơ *Ngũ-hành-son* của Tạ Linh-Vận 謝靈運. Văn tuy hay nhưng chỉ hay về từ-ba mà thôi, mà lại có nhiều cái tư-tưởng của Lão-học. Xem như là một phái trúc-lâm-thất-hiền, nghĩa là bảy người bặt rượu, tuy có thanh-nghị khả ích-lợi cho đời, nhưng đã lụy về cái phái yếm-thể rồi.

Từ đời Lục-triều cho đến đời Đường, văn-chương cực-thịnh, n đạo-đức-học thì suy nhiều. Chẳng lúc bấy giờ, mong xuất Phật đã thịnh-hành ở nước Hán nữa.

Về đời nhà Đường thì đánh đông dẹp bắc, nước được yên trị, học có ý muốn sửa lại của Lục-triều. Lúc Đạt làm ra bộ *Ngũ-kinh-nghĩa*: kinh *Dịch* thì theo ông Bát, kinh *Thư* thì theo Khổng An-Quốc, kinh *Thi* và kinh *Lễ* thì theo Trịnh Huyền. Nhưng cái học cũng chỉ bó-buộc ở trong cái vòng tư-tưởng của Hán-nho mà thôi, chứ không phát-minh được cái gì mới cả. Bởi thế người ta gọi cái học của đời Đường là một thứ học

chú-sớ 註疏, nghĩa là cứ theo lời thích của người trước mà học. Tuy rằng thuở ấy có bọn Lý Đĩnh-Tộ 李鼎所 và Lục-Sinh 陸生 muốn phát-sinh ra một cách mới không chịu theo Hán-nho, nhưng người ta không ai theo, thành ra sự nho-học cũng không tiến-bộ được điều gì. Vả lại, sĩ-phu nhà Đường vẫn giữ một cái lưu-tập của Lục-triều, cho nên không kể những người thiên-tư siêu-việt như Lý Bạch 李白 và Đỗ Phủ 杜甫 chuyên-trị về đường văn-chương, có nhiều người muốn văn-hồi lại cái tôn-chỉ của Khổng-học như Hàn Dũ 韓愈 và Liễu Tôn-Nguyên 柳宗元 mà cũng không ra thoát khỏi được cái vòng từ-chương.

Hết đời nhà Đường qua đời Ngũ-đại thì nho-học cũng như trước, không có điều gì mới lạ cả. Nhưng từ đời Tống trở đi thì nho-học thành ra có cái thể-lực rất mạnh, mà càng ngày càng làm sai mất cái tôn-chỉ của nho-giáo lúc đầu. Cái thể-lực ấy do ở bốn phái sau này :

1^o Liêm-phái là phái của ông Chu Di 周敦頤 hiệu là Liêm-khê, cho nên nhân đó mà đặt tên là Liêm-phái. Ông Chu Di khởi-phát ra cái học mới, ra sách Thái-cực đồ-thuyết và sách Thông-sân-lực-môn về thiên-lý và nhân-lý từ lúc có:

hai anh em họ Trình, là Trình Hạo 程頤 và Trình Hạo 程顥, hai anh em họ Trình ra đời ở đời Tống, cho nên nhân đó mà gọi là Trình-phái. Hai ông đều thụ-nghiệp ông Chu Di. Ông Trình anh thì làm ra bộ Định-tính-thư 定性書 để cắt nghĩa Thái-cực-đồ-thuyết của thầy; ông Trình em thì làm ra Dịch-truyện 易傳 và Xuân-thu-truyện 春秋傳. Ông Trình anh mất sớm, ông Trình em truyền đạo cho Tạ Lương-Tá 謝良佐 và Dương Thời 楊時.

3^o Quan-phái, là phái của ông Trương Tải 張載, vì ông ấy ở Quan-trung, cho nên gọi là Quan-phái. Trương Tải cùng đồng-thời với hai anh em ông Trình. Ông mở trường dạy học-trò ở núi Nam-sơn, lấy lễ làm hình-chất của đạo, muốn học đạo thì cốt phải học lễ. Ông làm ra sách Chính-mông 正蒙, Đông-minh 東銘 và Tây-minh 西銘.

4^o Môn-phái, là phái của ông Chu Hi 朱熹 vì ông ở đất Môn (thuộc Phúc-kiến bây giờ), cho nên mới gọi là Môn-phái. Chu Hi học Lý Đổng 李侗, Lý Đổng học La Tùng-Ngan 羅從彥, La Tùng-Ngan học Dương Thời là học-trò ông Trình Di, bởi thế cho nên cái học của Chu Hi giống cái học của Trình Di vậy.

Nguyên cái học của ông Trình Di là chủ sự cùng-lý 窮理, cũng như cái học của ông Trương Tải chủ sự thượng-lễ 尙禮. Ông Chu Hi theo hai cái học-thuyết ấy và lại tham với cái học-thuyết của ông Chu Đôn-Di lập ra cái học-thuyết chủ về sự cư-kính 居敬, nghĩa là lúc nào cũng phải lấy lễ làm trước cả. Ông Chu Hi làm ra sách Dịch-bản-nghĩa 易本義, Thi-tập-truyện 詩集傳, Tứ-thư-tập-chú 四書集註, Cận-tư-lục 近思錄 v. v. .

Ông gồm cả cái lý-học của ba phái kia mà đề-xương lên cái học-thuyết « duy-vật », lấy cái lý 理 và cái khí 氣 mà giải-thích các lẽ tạo-hóa trong vũ-trụ. Cứ như học-thuyết ấy thì trong không-gian, không lúc nào là không có khí, ngay lúc thái-hư 太虛 vẫn đã có khí rồi, mà cũng không lúc nào là không có lý, thái-cực 太極 tức là lý. Lý và khí là vô-cùng vô-tận, không có trước có sau gì cả, bao giờ cũng có, mà lúc nào cũng lẫn với nhau. Có khí tức là có lý, mà có lý tức là có khí. Khí, là hình-sắc của muôn vật, lý, là

tinh-thần của muôn vật. Khí tụ lại và nhờ có lý mới hoạt-dộng được thành ra thể-gian, rồi lâu ngày khí tan ra thì thể-gian lại hóa thành cuộc thái-hư. Cuộc thái-hư ấy dần dần lại hóa ra thể-gian khác, cứ mãi như thế không bao giờ hết được. Đại-dề từ đời Tống trở về sau, cái lý-tưởng của nho-học thường - thường phảng-phất như thế cả.

Bốn phái ấy tuy cùng theo một cái học-thống, nhưng cái tinh - tinh thì khác nhau, như ông Chu Đôn-Di và ông Trình Hiệu so với ông Trình Di, ông Trương Tải và ông Chu Hi thì hai ông trên có ý thung-dung, thuần-túy gần như câu : « vô khả, vô bất khả 無可無不可 » của Khổng-tử. Còn ba ông dưới thì cứ câu-chấp về cái lễ cổ, cái tục cũ, làm thành ra sự học thủ-cựu thật là hại cho sự tiến-hóa trong xã-hội.

Đời nhà Tống bấy giờ còn có nhiều học-phái khác, như bọn ông Thiệu Nghiêu - Phu 邵堯夫, đồng-thời với ông Trình Di, ông Lục Cửu - Uyên 陸九淵, đồng-thời với ông Chu Hi, đều có danh-tiếng về đường lý-học, nhưng không trước-thuật gì cả.

Tóm lại mà xét, từ đời Hán trở về sau, nho-học đời Tống thịnh hơn cả. Song vì cái học-thuyết của bọn ông Trình Di, Trương Tải và Chu Hi câu-thức quá, thành ra tuy là cái danh thì thịnh, mà cái thực thì suy. Xem như có một câu : *Khốc tắc bất ca* 哭則不歌, nghĩa là không đi mừng cùng đi viếng chung trong một ngày, thế mà ông Trình Di với ông Tô Thức 蘇軾 cãi nhau mãi, không ai chịu ai, thì đủ biết cái học thời ấy hẹp-hòi quá. Đây là nói về cái tinh-thần của sự học, chứ về đường văn-chương thì đời Tống thật là thịnh lắm, như Tô Thức, Vương An-Thạch 王安石, Tăng Cung 曾鞏

đều có thể so-sánh với cái văn-chương đời Chiến-quốc trước nhà Tần được.

Đời Nguyên thì có bọn ông Hứa Hành 許衡 và Ngô Trùng 吳澄 là người có tiếng văn-học, nhưng cũng tỏ-thuật cái học-thuyết của đời Tống mà thôi, chứ không có cái gì mới.

Đời Minh thì Nho-học có hai phái : phái thứ nhất là Hà-đông-phái của ông Tiết Huyền 薛瑄, lấy cái học-thuyết của Trình Di và Chu Hi làm chuẩn-đích, chứ không dám thay đổi đi chút nào cả.

Phái thứ nhì là phái của ông Vương Thủ-Nhân 王守仁, gọi là Diêu-giang-phái. Ông Vương Thủ - Nhân học cả đạo Lão, đạo Phật và đạo Khổng, mà cái học-thuyết thì chuyên-chú về cái lương-tri lương-năng, nghĩa là cốt lấy chữ tâm làm trọng. Ông cho cái học của Lục Cửu-Uyên là phải mà bỏ cái học của Trình Di và Chu Hi.

Tuy hai phái ấy khác nhau như thế, nhưng lúc bấy giờ vua Thành-tô nhà Minh bắt in sách của Chu Hi đen phát ra các trường học, thành ra đi học cũng phải theo phái Hà-đôn, mà phái Diêu-giang tuy dần dần đi, mãi về sau chỉ ở bên Nhật-bản mà thôi.

Học-thuyết của ông Vương Thủ-Nhân được công-nhận là học-thuyết mới, cũng phải theo là vua Thành-tô nhà Minh, bọn nho-học có nhiều người phục cái học-thuyết này, nên có những người nổi danh như ông Thận 楊慎, Viêm Vũ 炎 đứng ra đảng khảo-chứng để kê-cứu xem phái Hà-đông và phái Diêu-giang phái nào phải hơn. Đảng khảo-chứng ấy đến đời nhà Thanh lại thịnh hơn đời nhà Minh, như Mao Kỳ-Linh 毛奇齡, Đái Chấn làm ra *Cửu-kinh cổ-nghĩa* để bác những lời chú-thích của Chu

Hi. Tuy vậy nhưng cũng không đánh đổ được phái Hà-dông, vì rằng cách tuyên-cử cử tôn-sùng học-thuyết của Chu Hi, bởi thế cho nên tuy biết đảng khảo-chứng là phải cũng không ai theo.

Xét ra thì Nho-học đến đời Minh và đời Thanh, tuy cái hình-thức bề ngoài xem ra rục-rở, nhưng kỳ-thực thì cái tinh-thần bề trong đã hao-mòn lắm rồi. Song sự hao-mòn ấy không phải là chốc lát mà thành ra, nguyên nó cứ nhật-tiêm nguyệt-tí, càng ngày càng kém dần đi, sau cứ đuối mãi, không sao cứu vớt được nữa.

Sự nho-học sở dĩ tại làm sao mà biến đổi mất cả cái chân-tinh của Khổng-giáo thì tôi thiết-tưởng có thể giải-thích ra như hai lẽ sau này : Một là tại hậu-nho không hiểu rõ cái nghĩa chữ « *tùy-thời* » của Khổng phu-tử. Có tùy-thời để cứu-thời, thì cái đạo mới thích-dụng cho xã-hội ; nếu không thì thành ra một cái học « *giao-trụ* 膠柱 » nghĩa là không biết thay đổi, như người đánh đàn đem gấn cái đàn lại ; hai là tại các triều cứ dùng cách tuyên-cử, chỉ vụ lấy cái học như sách để biết nghĩa sách, chứ không g đá thì thực-học kinh-luân ra nước, cái bia, cũng vì thế cho nên sản ra một lối học tâm - chương thực-hành ch-g có ích-lợi gì cho nhân-tử lúc có.

cứ b... lên c... của Khổng phu-tử... ra b... đảng thực-tế. Vì rằng ngài... nhà Chu đã suy, thiên-hạ... nhân-dân đồ-thán, ngài muốn đem... hành cái đạo mình để cứu muôn dân. Bởi thế cho nên ngài cứ phải chu-du lịch-sách để tìm cái cơ-hội mà dùng với đời, chứ không có ý muốn ngồi một chỗ để dạy học, hay là làm sách. Mãi đến lúc già, bất-đắc-dĩ, ngài mới trước-thư lập-ngôn, chủ-dịch là để duy-tri lấy cái cương-

thường luân-lý, chứ không phải ngài có ý định lập ra tôn-giáo để cho đời sau tôn-sùng làm thánh làm thần gi.

Cái tôn-chỉ của Khổng-giáo là thế, cho nên về sau ai hiểu rõ cái tôn-chỉ ấy như ông Mạnh-tử thì chỉ cần học lấy cái tinh-thần, mà không câu-nệ gì về cái hình-tích cả. Xem như Khổng-tử thì tôn Chu, mà Mạnh-tử thì không tôn Chu. Nếu cứ theo cái đạo vua tôi như cái quan-niệm người đời xưa, thì ông Mạnh thật là trái với ông Khổng. Nhưng phải biết rằng thời Xuân-thu với thời Chiến-quốc khác nhau, cho nên ở thời nào phải theo thời ấy để thi-thố cái đạo của mình. Phỏng-sử Mạnh-tử mà lại cứ một mực theo cho đúng cái chủ-nghĩa tôn Chu như Khổng-tử, thì có lẽ lại là hiểu lầm cái tôn-chỉ của Khổng-tử. Giá về sau chunhó biết theo cái lối học của ông Mạnh-tử, thì đạo nho chắc là có phần lợi cho người ta lắm, mà không đến nỗi có những cái lưu-tệ như ta đã từng trông thấy.

Tiếc thay ! những học-giả đời sau cứ hay chấp-nệ từng câu từng chữ, không biết chuyên-trị lấy cái tinh-thần mà tùy-thời biến đổi, để mở-mang học-thuật cho hợp với sự tiến-hoá của nhân-loại, cứ bo-bo muốn đem cái đạo Nghiêu Thuấn mà dùng vào đời ngũ-bá, chỉ biết trọng việc nhân-nghĩa mà không biết mưu việc phú-cường. Cũng vì thế cho nên cái tư-trởng của xã-hội Tàu ứng-ứ lại hình như ngòi nước tắc lại một chỗ không lưu-thông đi được. Việc gì cũng cho người đời trước là rất phải, rất khôn, cứ lấy đời xưa làm cái gương để soi vào mà bắt chước, chứ không biết là cuộc đời thay đổi nay bề mai dẫu. Nhân-trí mỗi ngày một khác, thì mình lại phải tìm cái phương-châm mới để cho thích-hợp với cái trình-độ mới. Những lời thánh-hiền dạy bảo không phải là không hay,

nhưng cũng có điều « nghi ư cổ nhi bất nghi ư kim », nghĩa là hay cho đời xưa mà không hay cho đời nay. Vậy nên ta phải theo thời-nghi mà hành-đạo. Thánh-hiền đời trước có bất ta nhất-cử nhất-động phải theo đúng như đời xưa đâu. Nếu cứ nhắm mắt mà theo thói thủ-cự, thì thật là trái với cái ý của thánh-hiền. Đã thủ-cự thì một đàng những người tầm-thường chưa chắc đã giữ được cái hay của đời xưa, một đàng những người trí-tuệ thông-minh, dù có nghĩ được cái gì mới, tìm được cái gì khác, thì cũng bị bó buộc vào cái quan-niệm tôn-sùng, không dám « lập-dị » với thánh - hiền, cứ cho là phạm những cái ý-kiến tân-kỳ của người đời sau, đều là hấp-thụ hay là mô-phỏng của người đời xưa mà thôi. Bởi thế cho nên về sau dần có cái học-thuyết nào mới, như là học-thuyết của Vương An - Thạch, Lục Cửu-Uyên có phát-hiện ra được ít lâu rồi cũng như đám mây đám khói, tan hoá đi mất, không có hình-tích gì cả.

Cái quan - niệm tôn - sùng ấy đã nhĩm vào trí-não của người ta một cách sâu xa thật là khó lòng mà trừ bỏ đi được, thành ra người đi học chỉ biết tôn ông Khổng ông Mạnh, nhưng kỹ-thực không hiểu rõ cái chủ-đích sự học-vấn của thánh-hiền là thế nào, cho nên ông Vương Thủ-Nhân đời Minh, nói rằng : « Đời sau tôn ông Khổng bao nhiêu là trái với ông Khổng bấy nhiêu 後世之尊孔子乃背孔子也。 », thật là một lời phê-bình rất chính-đáng vậy .

Đây là cái lỗi của chư-nho học đạo mà lại hiểu lầm đạo. Còn cái lỗi của lịch-triều là dùng cách tuyển-cử mà lại dùng sai. Nguyên lúc đầu người ta cho đạo. Khổng là ở trong ngũ-kinh, tứ-thư. Hễ ai dùng được cái đạo ấy để sửa cái tính nết của mình, hoặc là

giảng-minh được cái đạo-lý ấy ra, thì cho là người giỏi. Vì thế mới đặt ra cách tuyển-cử để chọn lấy nhân-tài. Nhưng cái cách ấy cứ mỗi ngày một khác : học từ-chương dần dần thêm ra, thì học nghĩa-lý lại dần dần kém đi, rồi lâu ngày bọn sĩ-phu mượn cái tiếng Khổng-học để làm con đường danh-lợi cho mình, còn cái sắc - tướng của Khổng-học thì mất hết cả.

Cách tuyển-cử ấy ta có thể chia ra làm năm thời - đại như sau này : 1^o Thời-đại Lương-Hán ; — 2^o Thời-đại Lục-triều ; — 3^o Thời-đại nhà Đường và Ngũ-quí ; — 4^o Thời-đại nhà Tống và nhà Nguyên ; — 5^o Thời - đại nhà Minh và nhà Thanh.

Thời-đại Lương - Hán thì dùng ba cách để tuyển-cử. Một là hiền lương-phương - chính 賢良方正, là người có tài có hạnh ; — hai là hiếu-liêm 孝廉, là người đạo-đức ; — ba là bác-sĩ đệ-tử hay là mậu-tài 茂才, là người có học kinh truyện. Phép tuyển-cử thì cứ ở các quan châu quận theo nhân-số nhiều ít mà cử lên .

Chỗ 10 vạn người trở xuống thì ba năm cử một người ;

Chỗ 20 vạn người trở xuống thì ba năm cử một người ;

Chỗ 20 vạn người trở xuống thì ba năm cử một người ;

Chỗ 40 vạn người trở xuống thì ba năm cử hai người ;

Chỗ 60 vạn người trở xuống thì ba năm cử ba người ;

Chỗ 80 vạn người trở xuống thì mỗi năm cử bốn người ;

Chỗ 100 vạn người trở lên thì mỗi năm cử năm người ;

Chỗ 120 vạn người trở lên thì mỗi năm cử sáu người .

Nhưng cái số ấy là định làm lệ đấy thôi, chứ chỗ nào không có người giỏi

Ngay thời bấy giờ vua Thần-tôn nhà Tống đã biết những điều tệ ấy, đã sửa lại khoa tiến-sĩ, bỏ thơ-phú đi, lấy kinh-nghĩa thay vào, cốt để cho học-trò phải biết nghĩa-lý kinh truyện. Nhưng quanh đi quẩn lại cũng chỉ có bấy nhiêu mà thôi, chứ không thêm được điều gì cho thích - hợp với sự tiến-hóa của loài người, thành ra cái tệ vẫn hoàn-nguyên cái tệ. Đến đời Nam-Tống lại đặt ra khoa hoành-từ hay là khoa từ-học kiêm-mậu, song cũng không có gì khác đời Bắc-Tống.

Nhà Nguyên thay nhà Tống thì khoa-cử vẫn cứ theo như cũ, chỉ có thêm vào hai kỳ là kỳ thi tiếng Mông-cổ và kỳ thi giáo Hồi-hồi. Lúc ấy cái học hư-vấn đã thịnh mà cái thực-học đã suy hơn đời Tống nhiều lắm rồi, cho nên vua Thuận-tôn nhà Nguyên đã định bãi cả khoa-cử đi, nhưng triều-quan và sĩ-phu không chịu, thành ra lại phải đề như cũ.

Thời-đại nhà Minh thì đặt ra Hương-thí, Hội-thí và Điện-thí. Thi ở các tỉnh thì gọi là Hương-thí. Có đỗ Hương-thí rồi mới được vào kinh-đô thi ở bộ Lễ, gọi là Hội-thí. Ai đỗ hội-thí rồi mới được vào thi trong điện nhà vua, thì vua thân-sách, nghĩa là chính vua ra đầu bài, gọi là Điện-thí.

Phép thi có ba kỳ : kỳ thứ nhất thi thư-nghĩa ba bài, kinh - nghĩa bốn bài. Kỳ thứ nhì thi một bài luận, năm bài phán ⁽¹⁾. Kỳ thứ ba thì năm đạo văn-sách, hỏi về kinh-sử cùng thời-vụ. Đây là phép thi Hương và thi Hội, còn thi Đình thì chỉ hỏi một câu văn-sách thời-vụ, mà đầu bài thì vua ra, hay là một quan đại-thần thay mặt vua ra. Điện-thí chia ra làm ba bậc :

1^o Nhất-giáp, đầu là Trạng-nguyên, thứ nhì là Bảng-nhôn, thứ ba là Thám-

hoa.

2^o Nhị-giáp là Hoàng-giáp.

3^o Tam-giáp là Đồng-tiến-sĩ xuất-thân.

Ai đã đỗ Điện-thí thì có phẩm - cấp ngay, như Trạng-nguyên thì được hàm Hàn-lâm-viện Tu - soạn, Bảng - nhôn, Thám-hoa thì được hàm Hàn-lâm-viện Biên-tu, Đồng-tiến-sĩ thì được hàm Cát-sĩ hay là Tri-huyện.

Đến đời Thanh cũng dùng cách thi-cử ấy, chỉ có hơi khác nhà Minh một tí là Hương-thí và Hội - thí thì thêm thơ-luật vào kỳ đệ nhất mà thôi.

Gồm cả phép khoa - cử của nhà Minh và nhà Thanh mà xét, thì toàn là trọng về văn-chương cả. Chỉ còn kỳ kinh-nghĩa hay là truyện - nghĩa là quan-hệ về học nghĩa-lý ít nhiều, song cái học nghĩa-lý ấy cứ mỗi ngày một hẹp hòi kém cỏi đi mãi, là tại làm sao?

Từ đời Tống trở về trước cũng có thi kinh-nghĩa, nhưng học-trò được tự-do luận - thuyết, thi-dụ như kinh Dịch thì theo cách giải-thích của Kinh Phòng 京房 hay Dương Hùng 楊雄, Xuân-thu thì theo Công Dương 公羊 hay Đỗ Dự 杜預, v. v., hoặc được lấy ý-kiến riêng của mình

thể thi làm văn mà cứ mong 10 xuất-sắc phải thúc - phọc lẫn nhau. Về đời Minh vì vua Thành-ác truất Di và lập Chu Hi, thành ra các học-trò phải theo chú-thích của Di và Chu Hi, thành ra các học-trò coi cái học-thuyết của Di và Chu Hi là độc-tôn, rồi cứ phải theo theo chứ không dám nói

Cái học-thuyết của Chu Hi thực là câu-chấp và hẹp-hỏ, thế mà đem bó-buộc hạn-chế bao nhiêu tinh-thần tư-tưởng của sĩ-phu vào đấy, làm cho học-thuyết một ngày một suy - đồi, tinh-chất một ngày một nhu - nhược,

(1) Phán, nghĩa là lấy một đoạn sách cho học-trò cứ tự ý mình mà giải-nghĩa rồi bàn thêm và dẫn những chứng-cớ vào, song không được trái với các lời của tiên-nho đã bàn trước.

rồi đến nỗi cái khí-khái anh-nhuệ của người ta cũng mòn nhụt đi mất, không biết thế nào là tự-lập tự-cường nữa.

Học-thuật là một thứ lợi-khi dễ mở mang nhân-tri, đề hộ-vệ nước nhà, đề đối-đãi với những sự biến-cố trong cuộc đời, đề đưa nhân-quần ra khỏi cái vòng vật-dục đê-hạ, có thể càng ngày càng tiến lên cho tới cõi chi-thiện, chí-mĩ, lập thành cái văn-minh hoàn-toàn. Học-thuyết có theo được cái tôn-chỉ ấy thì mới đích - đáng, thế mà người Tàu chỉ bo-bo ở mấy câu văn bã-mía, mấy điều lễ - nghi tí-mỉ, làm thành một cái hại to, không những là nước Tàu chịu trực-tiếp cái hại ấy mà thôi, đến những nước chịu cái ảnh-hưởng văn-minh Tàu như nước Việt-Nam ta cũng phải chịu gián-tiếp cái hại, thật là đáng tiếc lắm thay !

Nay ta xét qua xem cái cách khoa-cử nước ta quan-thiệp với sự học-vấn của nước Tàu là thế nào. Nước ta ngày trước nguyên là đất nội-thuộc của Tàu, chính-trị học-thuật điều gì cũng bắt-chước người Tàu cả. Tuy về sau ta có độc-lập, nhưng đã tiêm-nhiễm cái văn-hu của Tàu đã lâu : Tàu học thế nào, ta học thế, Tàu thi thế nào, ta thi thế, g đá thi đối điều khác nhau, ra nước cái bia, là một lối học cả. sấn, mô-đern cách khoa-cử của ta thực-hành thời-dại.

từ lúc có k Định cho đến hết đời c b l k c r t t tự-do thời-dại. »

ra b s đ đến Bản-triều nhà Nguyễn g úi h thuyết thúc-phọc thời-dại. »

Học-thuyết tự-do thời-dại là vì lẽ rằng lúc bấy giờ nước ta ngang vào đời Tống đời Nguyên bên Tàu, sự học bên Tàu lúc ấy tuy thịnh, nhưng chưa bó-buộc lắm, cho nên ta cũng hấp-thụ cái phong - trào ấy, ai muốn học gì thì học : học Khổng, học

Lão, học Phật, học đạo nào cũng được, mà nhà vua cũng mở khoa thi đề thi cả tam-giáo, thành ra học-thuyết của ta lúc bấy giờ kiêm dùng cả ba phái. Đã hay rằng người mình không bằng người Tàu thì sự học của người Tàu phát-đạt được mười, ta chỉ được năm sáu là cùng, song cái nghề đi học, hề mở quyển sách ra xem, mà được tự ý-kiến của mình bài-bác khen chê, thì cái tư-tưởng của mình tất không đến nỗi hẹp-hòi. Bởi vậy sĩ-phu nước ta về thời-dại bấy giờ phần nhiều có khí-phách, phẩm-giá, mà những bài văn câu thơ đời Lý đời Trần còn truyền lại đến bây giờ đều là lối văn-chương hồn-hậu, hùng-nghị có nhiều tư-tưởng có thể đem khoe với thiên-hạ được.

Học-thuyết thúc-phọc thời-dại là từ cuối đời Trần trở đi, nhà Minh bên Tàu nhân cái loạn nhà Hồ sang cai-trị nước ta non 20 năm, đem sách chú-thích của ông Chu Hi sang, bắt học-trò phải theo lời bàn của ông ấy mà học, thành ra sự tôn-sùng học-thuyết của Trình, Chu từ đó mới lan khắp ra nước ta vậy.

Đến khi vua Thái-tổ nhà Lê cất cờ nghĩa đánh đuổi được quân nhà Minh đi, nhưng khoa-cử vẫn theo lối nhà Minh, sách học ở các trường vẫn cứ theo lời chú-thích của ông Trình ông Chu. Học của ta nguyên là cái học « tự dư 緒餘 », nghĩa là cái học thừa của Tàu, mà cái hay đã không chọn lấy mà học, lại cứ học mót cái dở, thật là nên than tiếc quá !

Người nước ta trừ nghề đi học, đi thi, đề làm quan, ngoại-giả không có nghề gì ra trò nữa, mà sự học đã sai lầm, thì thành ra ai đi học cũng chỉ cốt học lấy sách cho nhớ, văn cho hay, chữ cho tốt, mượn đường khoa-cử để làm thang sĩ-hoạn, còn những điều quan-hệ đến chân-lý về tâm-thần, thực-tế của quốc - dân, không ai chịu

lý-hội đến cả. Bởi thế sự học-vấn ở đời Lê so với đời Lý đời Trần ngày trước, thì đã hẹp - hòi đi nhiều lắm. Xem như bộ *Văn-dài loại - ngữ* của ông Lê Quý-Đôn, tuy là có vẻ học rộng, nhưng kỹ-thực là gộp nhặt các sách của Tàu, thì đủ biết cái học của ta lúc bấy giờ đều là cái học chép cũ, chứ không có nghị-luận phát-minh gì cả.

Đến Bản-triều tuy có nhiều lúc sửa lại phép thi, song quanh-quần cũng chỉ có kinh-nghĩa, thơ-phủ, tứ-lục, văn-sách, luận, là hết, chứ có khoa-học gì mới đâu. Cách thi văn-chương cũng giống đời Lê, mà lối học của Trình Chu lại thịnh-hành hơn trước, là vì có bộ sách *Ngũ-kinh Tứ-thư tiết-yếu* của ông quan Hành làm ra, rút lại bộ *Đại-toàn* cho học-trò dễ học, thành ra có người đi học mà không bao giờ đọc hết được kinh truyện chính-văn. Vì thế sự học của ta hóa ngay ra một môn học cử-nghiệp, chứ không phải là môn học nghĩa-lý nữa.

Ta có cái tinh bất-chước: rất lạ, như là đã theo lối học của Tàu, thì chỉ học sử Tàu, chứ sử ta không học đến. Tuy cũng có khi thi Hội hay là thi Đình, văn-sách hỏi đến Nam-sử, song cũng hỏi qua-loa mà thôi, cho nên không ai thiết học. Ngán thay! Học văn-chương đã là vô-dụng, học Trình, Chu đã là câu-ehấp, mà lại chỉ gia công gắng sức để học việc ước người, còn lịch-sử địa-dư của nước nhà thì không thèm biết đến! Thế mà vẫn tự-thành tự-thần, động nói chuyện hay là làm bài, thì nhắc ngay đến Khổng Mạnh, chẳng biết Khổng Mạnh có bảo hậu-nhân phải như thế không?

Mãi đến đời vua Dực-tôn bản-triều, ông Nguyễn Tráng-Tộ biết cả tình-tệ nước ta, có xin đòi lại phép khoa-cử, thì bị đình - thần theo lối thủ - cựu ngăn - trở hết sức, thành ra cũng không thi-hành được. Ấy đủ

biết là cái văn-chương tích-tệ từ đời Lê truyền lại mỗi ngày một sâu, bình như cái nhọt ngấm ở trong ruột trong gao, khó kiếm thuốc để chữa khỏi được,

Tóm cả lại mà xét, một đàng là vì chú-nho học lầm, một đàng là vì cách tuyên-cử dùng sai, mà tự-trung sự tuyên-cử làm hại nhiều hơn. Tục Tàu tục Ta đều trọng về đàng làm quan, mà cái tư-tưởng ấy phát-nguyên bởi chữ « sĩ 仕 » ở Khổng học. Song chữ sĩ nghĩa là ra dùng với đời để giúp việc đời, chứ không phải là chỉ ra để cầu phú-quí lợi-lộc mà thôi. Nhưng làm quan mà không cầu phú-quí là một cái lý-trưởng cao - thượng, phi những bậc thánh - hiền không theo được, chứ theo lẽ thường thì ai cũng muốn phú-quí, chỉ cần nhất^① là mình đã làm cái việc nó cho mình được phú-quí, thì mình phải làm thế nào cho xứng-đáng với cái phú-quí ấy. Cho nên Khổng phu-tử nói rằng: « Phú dữ qui thị nhân chi sở dục dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xử dã. 富與貴是人之所欲也。不以其道得之不處也。 » Câu ấy thì là bài học hay cho các nhà sĩ-hoạn và

Cách khoa-cử đặt ^① cốt để k chọn nhân-tài, ai ^② mong ^③ là ^④ am ^⑤ thật là một cách ^⑥ chính-trị. Người trong ^⑦ hạng nào ai tự xét ^⑧ mình có xứng-đáng ^⑨ cử, cũng như câu ^⑩ « Học nhi ưu tắc sĩ ^⑪ Nếu cách khoa-cử ^⑫ đàng thực-học thì ^⑬ tài. Chỉ vì là cách ^⑭ một ngày một dùng sai, thì con đường học-vấn cũng theo đấy mà sai đi mãi.

Lúc trước các châu-quận bảo-cử nhân-tài, về sau đặt ra khoa thi, đã hơi không được rộng rãi như trước rồi. Đến khi bắt đầu thi bằng văn-

chương thì sự thực-học lại kém đi nữa, vì rằng văn-chương thịnh lên bao nhiêu, thì cái thực-học suy đi bấy nhiêu. Về sau lại tôn-sùng cái học-thuyết câu-chấp của Trinh, Chu, rồi đặt ra tràng-qui (1) để hành-xích các nhà văn-sĩ, thì lúc bấy giờ không những học nghĩa-lý không còn, mà cả văn-chương cũng không thành ra văn-chương nữa. Phép khoa-cử là cái mực-thước để cho học-trò trông vào đấy mà theo, mực-thước đã sai mà lại mong được có cái kết-quả mỹ-mãn thì cũng khó lắm vậy.

Cái học cử-nghiệp của Tàu về đời Minh đời Thanh đã suy-đổi trệt xuống đến bậc cuối cùng, mà cái học cử-nghiệp của ta lại kém xuống một bậc nữa, thì cái kết-quả sự học của Tàu và của ta hay dở thế nào ngày nay ai ai cũng đã chứng-kiến rõ-ràng cả, ta không cần phải nhắc lại làm gì nữa.

Cứ bình-tình mà xét, thì Nho-học về sau có cái tệ to ở trong xã-hội Tàu cùng xã-hội ta. Cái tệ ấy sinh ra tự Nho-học, nhưng không phải là Nho-học nguyên vẫn có tệ sẵn. Như một dòng nước trong ở trong suối chảy ra, lúc ban đầu vẫn là sạch-sẽ, về sau chảy ra nước đục thì là đất lẫn cát, thành ra nước đục. Cái tệ ấy, nó phải là nước đục sẵn, chứ nó không nguyên là một môn học hành luân-lý và chính-trị, từ lúc có khoa-cử thì hóa ra môn học cử-b. Đến khi có cái học Chu, thì lại hóa ra văn-chương, vừa hủ-bại.

Khoa-cử phải là không hay, không hay lại lời sau không biết tùy-thời thông-biến, chỉ chuyên-trọng về văn-chương mà không từng khảo-cử đến các khoa học khác. Văn-chương không phải là không lợi cho xã-hội, không lợi là vì chỉ tìm từng câu, trích từng chữ, thành ra một lối

tủn-mủn vụn-vặt, nghĩa-lý vừa hẹp mà tư-tưởng lại không có gì. Hai cái cơ ấy đã làm hại cho xã-hội, mà lại làm mất cả cái bản-tính của Nho-học.

Nay thời - đại đã biến đổi, khoa-cử theo lối cũ đã bỏ đi được rồi, còn cái học văn-chương thì ta nên tinh thể nào để cho có lợi mà không có hại. Đã gọi là văn-chương, tất là phải lấy lời lẽ mà bày tỏ các cái tư - tưởng ra cho hay cho đẹp, thì dù viết bằng chữ Tàu hay là bằng tiếng ta, đều có thể nên văn-chương được. Nhưng bất-kỳ văn-chương nào, hễ chỉ có từ-điệu đẹp-đẽ mà tư-tưởng không thâm-thúy cao-xa, thì cũng là một lối hư-văn mà thôi, ta không nên dùng làm gì. Ta nên biết rằng Nho-học đối với xã-hội nước ta, có cái cảm-tình nặng-nề lắm, sâu-xa lắm, không thể nói ra được, dù có dở có tệ thế nào, ta cũng vẫn còn giữ được ít nhiều phần chí - tinh chí-túy. Nếu ta biết lợi-dụng cái phần tinh-túy ấy để làm cái căn-bản cho văn-chương, cho học-thuật, thì há lại không bổ-ích cho quốc-dân về đường cương-thường nghĩa-lý hay sao ?

Đại-khái Nho-giao từ đầu chí cuối là thế nào, tôi đã bày tỏ ra đây để các ông hiểu cái hay cái dở, sự lợi sự hại, và để các ông biết rõ cái lầm-lỗi của người mình tự xưa đến nay, làm cho nước mình thành ra suy-đổi, thua kém đủ mọi đường. Bao nhiêu những sự lầm-lỗi ấy nay ta phải chịu gánh cả, mà cái gánh nặng ấy ta còn phải gánh lâu, vì con đường đi còn dài lắm ; nhưng ta không nên ngã lòng, nản chí, việc đời không có cái gì là cái không thay đổi, miễn là người ta biết cố gắng học-hành để tu-tính dần-dần, rồi ắt có ngày cũng thành được sự hay sự lành. Ta chỉ nên nhớ rằng ta là dòng-dõi một dân-tộc đã từng có cái lịch-sử về-

(1) Thi-dụ như viết sai chữ đầu bài, hay là làm lầm văn nhất-đông-sang văn nhị-đông, văn tứ-chi sang văn ngũ-vi v. v. đều là phạm tràng-qui, dù văn hay cũng hỏng.

vang, trí-tuệ không đến nỗi ngu-hèn, cương-thường đạo-lý cũng đủ làm cho người ta không ché được. Vậy ta phải chịu khó học-tập và làm-lụng cho khỏi mang tội với cha ông, và không thẹn với người thiên-hạ. Ta đã trông thấy cái tệ trước rồi, thì phải giữ cho khỏi cái lầm về sau này. Ta đi học ngày nay không phải là chỉ học lấy cái nghề để kiếm ăn, không phải là chỉ học lấy thi đỗ mà thôi, lại còn phải học để

lập ra một cái nhân-cách đặc-biệt, gây lấy một cái phẩm-giá cao-thượng, học để xây nên cái nền văn-chương cho nước nhà, lập thành cái mối mĩ-thuật cho quốc-dân. Cái học ấy là cái nghĩa-vụ chung của các ông, của tất cả người Việt-Nam ta, của tất cả bọn thiếu-niên sau này, không sao mà tránh khỏi, không sao mà từ-chối được vậy.

TRẦN TRỌNG-KIM

DU-LỊCH VỀ PHÍA NAM NƯỚC TÀU

I

(Dịch bài « Nam-du-ký » của ông TÔN GIA-ĐỒ 孫嘉塗, tự là TỊCH-CÔNG 錫公, về đầu nhà Thanh).

Lời chỉ của người dịch

Văn này là văn du-ký, nhà này là nhà đại-phương; cái lịch-sử người này thế nào, ở trong lời ký đã có kể qua rồi, không phải thuật nữa. Nay chỉ đem cái hành-tung của người này ở trong bài ký mà xét ra, thì người này nguyên là người phía bắc tỉnh Sơn-tây nước Tàu, cho nên bắt đầu tự đất Tấn-dương khởi-hành, đi ra đàng đông, sang tỉnh Trục-lệ, vào Bắc-kinh; lại tự Bắc-kinh đi xuống phía nam, qua miền hạ-lưu sông Hoàng-hà, lượn sang phía đông, vào cõi tỉnh Sơn-dông; lại lần xuống phía nam, qua phía bắc tỉnh Giang-tô và phía đông tỉnh An-huy; rồi sang đò miền hạ-lưu sông Dương-tử, vào Nam-kinh; lại tự Nam-kinh lượn sang phía đông, vào cõi tỉnh Tích-giang và phía bắc tỉnh Phúc-kiến; lại tự tỉnh Tích-giang đi ngang sang phía tây, qua tỉnh Giang-tây, sang tỉnh Hồ-nam; rồi lại đi rẽ xuống phía nam, vào tỉnh Quảng-tây; lại từ tỉnh Quảng-tây đi ngược lên, qua tỉnh Hồ-nam lên tỉnh Hồ-bắc; lại qua đò miền thượng-lưu sông Dương-tử lên phía bắc tỉnh Hồ-bắc; rồi vào cõi tỉnh Hà-nam; bấy giờ mới sang đò bến Mạnh-tân, qua

miền thượng-lưu sông Hoàng-hà, lại trở về cõi tỉnh Sơn-tây; trong mười ba tháng, hành-tung gần khắp trong nước Tàu, bao nhiêu những tỉnh có giá-trị về đường văn-hóa trong lịch-sử, đều có qua chơi cả.

Duy, người quan-giả phải biết rằng ngày xưa chu-xa chưa tiện-lợi, đạo-lộ còn gian-nan, ngày nay đi du-lịch châu Âu chỉ Mĩ như thế đi chợ, ngày xưa nước họ sang nước kia như thế này, nước to đất rộng mong 10 15 20 ngày trở, mười tám tỉnh khác nhau, người tám nước; huống chi người này đi chơi cái mục-đích ở về tầm tã cảnh, khảo cổ-tích, những nơi kỳ lạ hiện tại, có qua mắt qua chân, đi thuyền nhanh chóng, không phải là cái yếu của nhà cao-thượng đi du-quang này thật là người có kỳ-thú, có hảo-tình, và có nghị-lực vậy.

Quan-giả lại nên xét qua về cái địa-danh trong lịch-sử nước Tàu: như tỉnh Sơn-tây ngày nay, thì ngày xưa gọi là Tinh-châu, thuộc về phận nước Triệu; tỉnh Trục-lệ gọi U-châu, thuộc về phận nước Yên; tỉnh Sơn-dông gọi là Thanh-

đanh, không biết đầu mà kê ; chỗ thì tường chỗ thì lược, chỗ thì chỉ nói bóng mà thôi, xem ra đều có ý-tứ với lịch-sử cả ; duy cò-nhân khi làm văn, chủ về nghĩa hàm-súc, quí về cách cao-cổ hùng-hồn, chứ không như văn kim, chỉ cốt lấy khúc-chiết lâm-li, khiến cho người ta dễ yêu và dễ cảm. Cho nên khi xem bài văn này, người nào có xét qua lịch-sử Trung-quốc rồi, mới có thể hiểu được hết ý, mà cái thú-vị mới có thể càng thêm đậm-đà.

Duy quốc-dân ta lại nên có phần thú-vị về bài văn này nữa, là vì trong bài văn này có một đoạn tả về quang-cảnh chốn Không-lâm.

Dân-tộc ta nhờ ơn Không-giáo, đề thành-lập cho gia-đình, kết-cấu cho xã-hội, kể đã mấy nghìn năm nay ; xét ra lịch-sử dân-tộc ta là cái lịch-sử quang-vinh, mà tư-cách dân-tộc ta là cái tư-cách còn có giá-trị. Cái lịch-sử vì sao mà được quang-vinh, cái tư-cách vì sao mà còn có giá-trị ? Những người có tư-tưởng, hẳn đã đều biết cả rồi. Ngày nay vào xem tòa Văn-miếu ở giữa xứ Đông-đô, cái dấu-vết vĩ-dại trang-nghiêm của dân-tộc ta ngoại nghìn năm nay còn lại đó ; trông thấy một tòa miếu cò nguy-nga phụng thờ thánh-hiền của nhà Lý, hai dãy bia đá nghiêm-chỉnh đề danh các cụ tiến-sĩ của nhà Lê, và bốn

bức co-tường bền-vững, đầu mưa dãi gió ở trong buổi văn-minh, mấy cây cò-thụ um-tùm che nắng rợp trời ở giữa nền văn-hiến, cũng đủ chứng-nghiệm ra rằng nước ta là nước cò, dân-tộc ta là dân-tộc đủ có quốc-túy, đủ có quốc-hồn.

Bỉ-nhân còn nhớ năm xưa bỉ-nhân có xem Tây-sử, thấy về hồi thập-tam thập-tứ thế-kỷ, Gia-tô giáo-đồ thì thịnh-hành ở các xứ Âu-tây mà Gia-tô Thánh-mộ thì luân-hãm ở trong vòng Hồi-giáo, thế mà người xứ Âu-tây không nề nguy-hiêm, không quản xa-khơi, người nào cũng lấy cái sự sang bên Đông-thổ vào yết thánh-mộ làm một sự hân-hạnh một đời. Bỉ-nhân nhân kính-phục cái lương-tâm đối với thành-địa của người Âu-châu, mà tự đó trở đi bỉ-nhân trong giấc chiêm-bao không lúc nào là không lần-khuất ở chốn Hạnh-đàn, mơ-màng ở nơi Khuyết-lý. Đến lúc xem được bài ký này, khác nào như người đem bức tranh Không-lâm, bức ảnh Không-mộ lại cho ; tuy châu chấu đi đến nhưng mắt đã được trông ; mà cái lòng bảo-tồn quốc-túy bấy lâu, lại càng thêm lai-láng mà đời-dào. Cho nên bỉ-nhân khi dịch bài văn này, trong lòng đối với quốc-dân, lại có cái cảm-tình chung và cái thú-vị chung vậy.

Dịch ² cật-chí
 1 tháng 10
 1911

Lời ký

Đi chơi cũng nhiều cách lắm thay ! Xưa vua Vũ đi xe, đi thuyền, đi chông, đi cà-kheo, mở núi dọn đường để trị-thủy ; ông Không ông Mạnh đi chu-du liệt-quốc để truyền-đạo ; ông Thái-sử công đi du-lãm những danh-sơn đại-xuyên ở thiên-hạ để mới lạ lấy câu văn. Lại như ông vua hiếu đại-bí-công, đi tuần-du các xứ tây đông, để phát-tiết cái khí anh-hùng ; những người sơn-nhân vũ-khách, cùng-cực các nơi u-viễn, để thí-nghiệm những thuật quái-đi ; những người văn hay chữ tốt, đi ra

giao-thiệp với tứ-phương và cầu mỗi lợi. Ấy đại-khái cái cảnh của đời này vậy. Nay ta không xử-khách gì cả, bởi vì ta từ lúc này, bước về đường danh-lợi, mà không có sự lại không sở-đắc điều gì, không có sự gì đáng thích, cho nên ta bình-sinh chỉ thường gửi tình với sơn-thủy mà thôi. Đến khi đỗ lên làm quan, lại thụ được quan-chức là cái chức nhân-tản, khác nào quả bầu đắng treo lưng-lẳng ở chốn đồ-môn, thực là không ham muốn chi cả. Mùa hạ năm kỷ-hợi, vì có mẹ già

được cáo-hồi-phụng-dưỡng, đến mùa thu năm ấy mẹ mất, mới tuân-lệ cáo đình-gian. Than ôi ! Ta tài-trí đã uất-ức, mà cảnh-ngộ lại tru-sầu, ta lại muốn ký-tung vào những nơi sơn-thủy để giải-muộn tiêu-sầu. Kinh Thi có câu rằng : « Sắp xe bàn sự chơi giông, để khuây trăm mối bên lòng ta lo 駕言出遊。以寫我憂。», chính nghĩa thế vậy.

Mùa thu năm canh-ti, buộc yên quây níp, trở sang phía đông mà đi. Đi đến đất Tấn-dương, gác xe ở đèo Thạch-thất, cắm thuyền ở bến Liễu-khê, khi bơi sông Phần-thủy, khi lên quán Bạch-vân, tiêu-dao ở nơi đó vài tháng ; rồi lại trở nẻo sang phía đông, ra cửa Cổ-quan, luồn hang Tĩnh-hình, qua phủ Chân-định, lần vườn Thanh-uyên, xem trận-đồ bồi-thủy ở đất Hoạch-lộc, ăn cơm lúa mạch ở sông Ô-dà, trông núi Hằng-nhạc ở đất Khúc-dương, thăm đài Hoàng-kim ở sông Dịch-thủy, mộ tiếng ông Y ông Kỳ ở xứ Khánh-đô, nhớ công họ Hiên-viên ở nơi Trác-lộc, rồi thì đi sang phía bắc, đảo lên thành Quân-đô, trông sang huyện Cư-dung, lên qua núi Thiên-thọ, lại lượn sang phía đông, tắm suối Thang-toàn rồi đến đất Ngự-dương ; khi đó trèo lên núi Kỳ-đông đá thì xuống ruộng Ngọc-diên, ngắm cái bia ở đất Lư-long, cảm phồn-phu nước Cô-chúc, tiêu-dao ở nơi đó lại vài tháng nữa.

Đang vừa gặp về tiết mộ-đông, lớp b... lên cơn... đất, hoa tuyết toi-bời, ng... ra b... ng cây, như ném như bó, ng... ng... thời, như cắt như gào, cái m... úi h... g-tâm nó sẵn đâu ở trong lòng p... ra vậy.

Ta nhân cảnh buồn đó mà quyết-kế nam-hành ; mới trở về Yên-đô, sắp sửa đồ hành-trang. Chợt có người bạn thiết với ta là ông Lý Cảnh-Liên bắt-đắc-chỉ về sự văn-chiến ở lễ-vi, mới rủ nhau cùng đi.

Ngày hai-mươi-bốn tháng hai năm tân-sửu, tự Yên-đô bước ra, ấy là cái ngày ta khởi-thủy nam-du vậy. Trong chốn thành-thị, người chạy như quân đèn-cù, bụi bay như luồng khói tỏa, ra khỏi cửa Xuân-minh, mới trông thấy quang-cảnh mây trắng mà trời xanh. Qua cầu Lư-câu, đến sông Lư-li, cầu Lư-câu ấy là đất Tang-can đó, sông Lư-li ấy là nơi Thánh-thủy đó. Phía nam có nền nhà cũ vua Chiêu-liệt, lại có nhà ông Lịch-quân khi xưa, làm sách Thủy-kinh ở đó. Đi xuống phía nam đến sông Bạch-câu, là chỗ phân-giới nhà Tống với nước Liêu khi xưa. Lại đi xuống phía nam đến huyện Hùng, có một cái hồ, trông ra thì yên-thủy mênh-mông, cánh buồm vút thẳm, ẩn-hiện ở trong mây, cũng là một nơi cụ-quan ở xứ Hà-bắc vậy. Qua đất Nhâm-câu, có thành cũ họ Chuyên-húc. Lại thẳng phía nam đi đến đất Hà-gian, dấu-vết cửa-hà của vua Vũ khi xưa đã mai-một cả rồi, không biết đâu mà nhận nữa. Khi kinh-quá đó chỉ thấy sông Thanh, sông Chương, sông Kỳ, sông Nhu, mấy con sông khuất-khúc chảy vào bể mà thôi. Phía nam phủ Hà-gian gọi là Hiên-huyện, chính là đô ông Hà-gian Hiên-vương đời Hán khi xưa đó. Phía nam ra khỏi Thụ-thành, đến Cảnh-châu, Cảnh-châu tức là đất Cồ-diêu ; người hiền-tướng là ông Chu Á-Phu khi xưa thụ-phong ở đó ; lại có một cái làng gọi là Đồng-gia-lý, người đại-nho là ông Đồng Trọng-Thư khi xưa buông màn xem sách ở đó.

Rồi mới đi sang phía đông đến Đức-châu, vào cõi tỉnh Sơn-đông. Thành tỉnh Sơn-đông kê ngay ở Vạn-hà, đây thuyền và cột buồm chằng-chịt như mắc cửi. Lại đi xuống phía nam đến đất Bình-nguyên, đất Bình-nguyên là cái đất hay sản-xuất những người kỹ-sĩ, nhớ khi xưa nào là cậu bác-đồ, nào là chú mãi-tương, nào ông Mao-công,

Tiết-công, cho đến thầy Đông-Phương Sóc, bác Quản Công-Minh đều là kỹ-sĩ cả, chẳng biết ngày nay có còn được người nào nữa hay không? Nghe trong miếu Bình-nguyên-quân có bia ông Nhan Lô-Công, tiếc thay vôi-vàng chưa kịp vào xem vậy.

Lại đi chệch sang phía đông-nam đến sông Tề-hà. Ta từ Chác-châu ngoảnh lưng về núi Tây-sơn mà đi xuống phía nam, trong bảy ngày đi chín trăm dặm, cực-mục những là làn ruộng phẳng-phiu, đến sông Tề-hà, đàng trước mặt mới trông thấy núi. Sông Tề-hà thì nước trong leo-lẻo, bao-bọc lấy huyện-thành, như là cái vòng bích-ngọc, bắc cầu đá đi qua sông, hai bên bờ sông thì xan-xát những đảo cùng liêu, búi lục chen màu, cảnh hồng đượm vẻ. Ánh xuống nước tươi cười, ta vì quang-cảnh đó mà bồi-hồi ở trên cầu ít lâu.

Lại phía nam đi xuống bốn-mươi dặm nữa đến núi Thái-sơn. Trong khi đi đường, vẫn nghênh đầu ngửa mặt, muốn trông lên núi Thái-sơn cho tỏ hình Đông-nhạc, mà chợt gặp chiều trời mưa bụi, mây với núi như ẩn như hiện, như đứt như liền, thỉnh-thoảng ở ngoài đám mây trông thấy ngọn cao-phong, tưởng là núi Thái-sơn đấy rồi, đi độ vài dặm, lại có ngọn núi nữa cao hơn; quá trưa thấy một ngọn núi rất cao, hình đá quái-kỳ, từng-từng đột-khởi, lam-quang và yên-khí bao-bọc chung-quanh, bụng bảo dạ rằng hẳn núi Thái-sơn đấy; hay đâu xuyên-thế thì mở kuống đàng đông, sơn-hình thì chuyển lên phía bắc, cách xa-xa mà trông ra, lại thấy có ngọn núi cao hơn nữa, bởi vì ta từ phía bắc núi Thái-sơn mà đi vòng lại, sớm ngày trông thấy lưng núi, quá trưa trông thấy tay núi, đến chiều tới Thái-an-châu mới thật là đứng vào mặt núi, mà lại gặp buổi mây phong cho nên suốt ngày trông núi mà chưa thấy núi vậy.

Sáng ngày mai ta muốn lên núi, người ở đó bảo ta rằng chớ lên vội, trên đỉnh núi có miếu Cô-nàng, phải vào quan lĩnh vé đã rồi mới được vào, mỗi người một vé, mỗi vé phải nộp hai đồng tiền đồng, gọi là thần-thuế. Than ôi! Đông-nhạc đã có vị thần xứng-đáng hẳn-hoi; cái Cô-nàng kia, thủy tự đời nào? công-đức thế nào? mà những kẻ ngu-dân vợ vợ chồng chồng dắt nhau nghi-ngóp lên cầu-phúc. Kể làm cha mẹ dân đã chẳng biết cấm đi thì chớ, lại còn nhân đó để vợ-vét lấy chút lợi hay sao? Ta bất-đắc-dĩ cũng phải lĩnh vé, rồi muốn lên núi, người ở đó lại bảo ta rằng không nên, bởi vì núi cao những bốn-mươi dặm, cùng sức trong một ngày mới có thể đến được đỉnh núi, bây giờ ngày đã quá trưa rồi, và lại thiên-khí thì âm-sâm, dưới này tạnh ráo thì trên đỉnh núi chắc là âm-sâm, dưới này mà âm-sâm thì trên đỉnh núi chắc là mưa gió, ướt-át và lạnh-lùng, xin để đợi đến ngày khác sẽ lên.

Ta nhân nghỉ lại mà vào xem miếu thần Đông-nhạc ở trong thành Thái-an. Miếu thì cách cửa môn-thành phỏng độ hai trăm bước, mà khúc tường ở đàng sau miếu tức là khúc bắc-thành, trong một thành Thái-an, miếu rộng đến hơn một nửa; trong miếu có nhiều cây cỏ-bách, tương tự như ở Vũ-đế nhà Hán khi đông-phong trông ra đó, mé đông bên thêm có cái bia, trong có chữ rằng: « Đông-nhạc chi thần đời vua Thái-tổ nhà M. ở tại Hồng-vũ năm thứ ba khắc ra đây. »

Ta ở trong sân rồi lên đỉnh núi, thấy một chỗ r. bình-phong giữa treo một tấm lụa trắng, hỏi người ta, thì người ta bảo rằng: Ấy cửa Nam-thiên đấy.

Ta nhân cùng ông Lý Cảnh-Liên ước với nhau trở dậy từ canh hai, cố sức đi mau, gá gáy chắc lên được đến đỉnh núi, có thể xem được cái quang-

cánh mặt-trời mọc lên ở bề Thương-bải vậy. Hai người y-uớc trở dậy, trông xa thì thấy bóng lửa lập-lòe lẫn-lộn với ngôi sao, đến nơi thì đều là những kẻ bần-dân con trai con gái đến vài nghìn đứa, ngủ ở ven đường trên sườn núi, đốt đuốc để xin tiền những người hành-khách đi du-sơn, cũng là một cách giáo-dưỡng thất-sở, để cho dân nghèo mà vô-sĩ như vậy, khá than - thở thay ! Ở dưới chân núi gọi là cửa Hồng-môn, từ cửa Hồng-môn trở lên, đường đi thuận là bậc đá cả, thỉnh-thoảng nghe ở ven bậc đá róc-rách có tiếng nước chảy. Canh tư đến núi Hồi-mã, bậc đá càng dốc, như thềm leo trên bức vách mà đi. Đến gà gáy tới miếu Ngọc-hoàng, mừng bảo rằng đến đỉnh núi rồi đây, kẻ đưa đường cười và nói rằng : Mới được nửa đường đấy thôi.

Nhân ngồi nghỉ một chút; đến tang-táng sáng, lần khe suối qua cầu đá, trông thấy hai ngọn núi đối-lập song-song, giữa có một dải bực-bổ; bấy giờ mưa hai ba ngày mới tạnh, quang-cảnh sớm ngày, mát-mẻ trong-sạch, khi núi thì bực đá, làn thông thì rợp trời, lại có tiếng bực-bổ ào-ào nghe xa, đủ khiến cho người mát ruột và sướng tai. Đường đá thì theo ngọn Tây-phong mà lên, có cái bia, đề rằng : « *Ngũ-đại phu tàng* », đứng dưới bia trông lên thấy hai ngọn núi thật cao, sát đến tận da trời, lòng bụng thiết nghĩ rằng đây hẳn là cửa núi ; cứ via trèo lâu mãi, rồi rờ đầu trông xa, thì thấy đỉnh núi ra bề-sơn ở dưới chân mình, mà các ngọn núi hôm qua ta đi đường trông thấy đó lại ở dưới núi Tùng-sơn, mà những trái núi ở về địa-phận nước Tề nước Lỗ cách vài nghìn dặm kia, lại thấp lè-xè ở dưới các ngọn núi hôm qua ta trông thấy, tưởng đã là phiêu-phiêu ra cách lằng-vằng rồi.

Không ngờ, núi non thì ẩn-hiện, đường đá thì quanh-co, lại thấy ngọn

núi nữa rất cao, hỏi ra thì chính là ngọn núi Thiên-môn, ngọn núi ấy không có chút đất nào, cũng không có chút cỏ nào, chỉ thấy gân đá chạy lên một mạch dài, mà lồi-lóm chia ra bốn bên, từng lớp chồng chất, như hình hoa sen hoa cúc. Cứ thẳng đường đá leo lên, rồi trông xuống hóa ra chính giữa thành Thái-an, mới hiểu rằng hôm qua ta ở trong thành ta trông lên thấy một chỗ như tấm lụa trắng ấy chính là đây. Ở ven đường thấy trên hòn đá có khắc bốn chữ đại-tự rằng : « *Ngưỡng-chi di-cao* 仰之彌高 », rõ quả-nhiên vậy. Ven đường đá thì cắm cột sắt, giữa cột sắt thì chằng dây sắt, muốn lên thì phải vịn dây mà lên, muốn nghỉ thì phải ôm cột mà nghỉ, đến lúc đi hết đường đá thì lại không thấy gì nữa, bởi vì đứng dưới trông lên núi Thiên-môn, thì ngõ núi Thiên-môn đã là tuyệt-đỉnh, đến lúc đã lên đến núi Thiên-môn, thì lại có ngọn núi khác cao hơn che lấp đi vậy.

Ta quanh-quần leo trèo ít lâu, mới trông thấy cái miếu gọi là miếu Cò-nàng. Miếu ấy còn ở chân núi Tần-quán, chính-diện năm gian, ngõ ra ba cửa, ba cửa đều có chấn-song bằng đồng, ghé vào trong cửa thì thấy tiền đồng rời vạt tích lại thành đống, cao đến hai ba thước, chốn ngoại-đường thì có ba cái bia đồng, đúc ra tự đời Minh-mạt, còn thì cũng không có cái gì là đủ xem ; ở dưới thềm bên tả-vu, có một cái cột đá đã gãy đôi, ta nhân ngồi lên trên đó mà ta nghỉ, cúi xuống mà xem thì thấy có chữ, lau quét mà nhận ra, thì là lối chữ triện của ông Lý Tư đời Tần thừa xưa, chữ rằng : « *Thịnh-dức thừa-tướng thần Tư, thần thỉnh cụ khắc chiếu thư kim thạch, thần muội tử-thỉnh. Chế viết khả*, 盛德丞相臣斯。臣請具刻詔書金石。臣昧死請。制曰可。vân vân. » Bút-pháp thật là cao-cổ tù-kinh, người nhà Hán người

nhà Tấn còn kém xa. Sau miếu thì vách đá cao lên đến hơn mười trượng có cái bia nhà Đường khi xưa man-nham kỹ-công ở đó. Phía nam-tây có cái đồng, trong đồng có cái suối ngọt và trong; ta theo lối nam-hậu đi lên chừng độ một dặm nữa; rồi lên đến Tần-quán-phong, Tần - quán - phong mới thật là đỉnh núi Thái-sơn vậy. Cất đầu lên thượng-thiên, cúi mắt xuống hạ-giới, thật là rộng-rãi mênh-mông, bốn bên trông ra, không biết đâu là cùng là cực, trông về phía đông thì thấy châu Thanh châu Doanh công núi mà ngăn bẻ; trông về phía bắc thì thấy tám tràng-thành dài-dợ uốn-lượn muôn dặm vắt ngang, và chư-châu ở xứ Hà-sóc thì la-liệt như quân cờ; từ dải núi Thái-hàng chạy về phía tây, thì nào là miền ốc-dã ở xứ trung-châu, nào là nơi hiểm-trở ở phía Hàm-cốc, đều có thể trở ngón tay mà đếm ra được cả. Sông Hoàng-hà từ dải núi Hoa-âm chảy xuống châu Từ châu Duyện, thì quanh-co như một cái dải áo; hai tòa thạch-thất ở núi Trung-sơn, thì nhỏ-nhất như hai cái nắm tay. Lại trông về xứ Hoài-dương, thì bạt-ngàn muôn dặm một dải bình-vu. Sách có câu rằng « *Đặng Thái-sơn nhi tiểu thiên hạ* », lời ấy có sai đâu!

Trên đỉnh núi có quán gọi là Tần-quán, giữa sân có một tấm đá đột-khởi lên, ý-giả những thứ văn-chương hòm ngọc khóa vàng quý báu của lịch-đại xưa kia, đều phong-tàng ở đó. Trước cửa thì có cái cột hoa-biểu bằng đá, vua Thủy-hoàng đời Tần dựng lên, cao độ hơi hai trượng mà không có chữ; lại có hai cái quán nữa gọi là Nhật-quán và Nguyệt-quán, Nhật-quán thì ở đằng đông, Nguyệt-quán thì ở đằng tây, cao cũng như Tần-quán. Cỗ-tích và danh - thắng nhiều lắm, không có thể kể ra cho xiết được.

Đến chiều tà-tà ta mới xuống núi, đến núi Tùng-sơn ta lại nghỉ-ngoi một chút. Ta hồi-tư ba cái quán mới rồi, như một tòa lâu-diện ở trên trời vậy. Lại trông xuống thấy cái đồng gọi là đồng Chiêu - dương, hang đá tối om; lại thấy cái đồng gọi là đồng Thủy-liêm, nước chảy tóe ra, như cái rèm che sườn núi mà rội xuống chân núi. Khi đó gặp một người cao-lớn lạ-lùng, ta đứng với người ấy, kiễng chân giơ tay, mà không có thể mó được đến trán người ấy, cồ-giả có giống Trảng-dịch ở về phạn Tề Lỗ, người này chừng là di-chủng đấy chẳng.

Đến sáng ngày hôm sau, ta từ châu Thái-an, đả sang huyện Khúc-phụ, huyện Khúc-phụ đó, chính là nơi thánh-địa sinh ra Thánh-nhân.

Ta còn nhớ hôm qua ta ở trên núi Thái-sơn trông xuống thành Thái-an, thì thành Thái-an chỉ nhỏ như cái bàn tay, mà con sông Vấn thì như một sợi chỉ vòng ở ngoài thành, núi Tô-lai thì như bức tường thấp lượn ở trên sông Vấn mà thôi. Đến hôm nay ta bước ra khỏi thành Thái-an thì không thấy sông và núi gì cả; đi độ năm-mươi dặm, thấy con sông rộng lớn, hỏi ra, thì sông Vấn đấy; lại đi độ năm-mươi dặm nữa, thấy dải núi nguy-nga, hỏi ra, thì núi Tô-lai đấy; một vùng vừa thành vừa núi vừa sông cách nhau đến trăm dặm, mà khi đứng trên núi Thái-sơn cúi xuống nom cả thế-giới như là trong mấy bước chân đi vậy; thì núi Thái-sơn cao là dường ấy, có thể trông chừng mà rõ ra được.

Phía tây núi Tô-lai là núi Lương-phủ, hai ngọn núi đối - trĩ với nhau, hình như cái cửa, qua cửa ấy ra phía nam, thấy những bình-điền ốc-dã, mà con sông Tứ thì lại chảy sang phía tây; gần đó có một cánh rừng gọi là Không-lâm. Nhận ra thì Không-lâm ở phía nam sông Tứ, mà sông Thù ở phía

nam Khổng - lâm, huyện Khúc-phụ ở phía nam sông Thù, mà sông Nghi ở phía nam huyện Khúc - phụ. Khổng-lâm vuông độ hơn mười dặm, cây thì rợp trời, cỏ thì chen đất, Chí-thánh-mộ ở đó ; thánh-mộ thì có bức tường sắc đỏ xây xung-quanh ; trong tường thì cây cỏ càng rậm càng tốt, cành lá xin-xit, người chen không lọt, mà cảnh sắc vườn sáng-sủa, không có một chút nào là cái khí u-âm. Thánh-mộ sản ra cỏ thi, cỏ thi là một thứ linh-thảo. Mộ có bia khắc rằng : « *Đại-thành chí-thánh Văn-Tuyên-vương mộ* 大成至聖文宣王墓 ». Chếch về phía tây có tòa tiêu-ốc ba gian đề rằng « *Tử-Cống lư-mộ xứ* 子貢廬墓處 » ; đằng đông-nam lại có mộ tước Tử-thủy-hầu, đằng chính-nam lại có mộ tước Nghi-quốc-công. Mé đông-nam bên tường có cây khô-mộc, câu-lơn bằng đá rào xung-quanh, cây ấy gọi là cây dai, tay thầy Tử-Cống trồng ra đó. Ven cây có đình gọi là Dai-đình ; đằng bắc có trú-tất-đình, đình ấy là nơi lịch-đại đế-vương khi vào yết mộ ra đó giải mũ áo mà nghỉ-ngơi. Ngoài cửa mộ có cầu sông Thù, đằng nam bên cầu có một dải gò cao, mở ra đằng đông-nam làm ra một cái cửa, cửa thì cách thành Khúc-phụ chừng độ hai dặm. Ven đường trồng thuần một giống cây bách, hàng-liệt rất là tề-chỉnh, um-thùm che nắng, chót-vót chầm-may, đều là loài cỏ-thụ mấy nghìn năm còn lại đó.

Vào cửa bắc-môn huyện Khúc-phụ, giáp đường đông-lộ có Phục-thánh-miếu, chính là miếu thờ thầy Nhan, trước cửa miếu có một cái ngõ hèm-hẹp, trông ra quang-cảnh lậu-hạng hần-hoi ; do cái ngõ ấy mà rẽ sang đằng tây, thì tức là cửa Đông-hoa bên tòa Khổng-miếu vậy. Xem ra thì miếu chế y như cung-điện ở nội-đình của đế-vương, mà cột thì thuần là cột đá, cột chạm rồng, rồng lượn ở trên cột,

lọng-lẫy quanh-co, kiêu ấy thì nội-đình của đế-vương cũng không có vậy. Chí-thánh và chư-hiền đều có tú-tượng ; tượng chí-thánh khắc bằng đá có ba pho. Những đồ xa-phục lễ-khí, đề cả ở nhà tước Diên - thánh-công, phi những ngày Diên-thánh-công vào miếu châu, thì không có thể được xem. Đằng nam bên đại - điện có cái đình, đề là Hạnh-đàn, ven đàn có mấy cây cỏ-hạnh, bấy giờ gặp về tiết tháng ba, hoa hạnh đương đua nở. Đằng nam Hạnh-đàn có một cây cối, tay đức Khổng - phu-tử trồng ra đó, cao hơn ba trượng mà không có cành, thờ cây đều vận sang bên tả. Cây dai của thầy Tử-Cống tuy sắc khô mà không nát, cây cối này thì sinh-khí vườn thấy nẩy ra, lạ thay và quý thay ! Trong ngoài cửa đại-môn, các bia cao lớn dựng lên, không biết đâu mà kê ; đằng nam lại có một cái lầu cao, đề rằng *Khuê-văn-các* ; dưới cửa gác chếch về đằng nam, có bia tự đời Hán đời Ngụy dựng ra hơn mười cái, cái nào cũng mũ dụn mà có cái lỗ hồng tròn. Ngoài cửa đại-môn lại có nước, trên nước bắc năm cái cầu, đằng nam bên cầu lại có cửa, ngoài cửa lại có cầu - lơn. Từ trong điện-đình ra đến ngoài chỗ câu-lơn, xan - xát những cây, nào là thương-tùng, nào là cỏ-bách, kỳ-quái ngoạn-ngoài, như rồng leo, như rắn lượn, không có thể hình-dung cho hết được. Cây bách của nhà Hán ở thành Thái-an, đã kê là kiêu-mộc, là cỏ-thụ, nhưng cũng còn kém xa.

Ta ở lúc bấy giờ có ý phẩn - nhiên mà hưng - khởi vậy. Chao ôi ! Đức Khổng phu-tử ta đây, là ông trời đặc-biệt sinh ra để dạy muôn kiếp đó. Xét thuở bình-sinh của ngài, cũng có lắm sự bất-như-ý, nào có khác gì người ta đâu. Nay cứ đem một chương « *Chi-học* » ở trong *Luận-ngữ* mà xem ra, thì trong bảy-mươi năm, một ngày

một tiến, một tuidi một hay, chẳng vì cái cảnh-ngộ nó có khi đạt khi cùng, mà nhãng đi mất cái công-phu học-vấn; bởi vì ngài tự-xử trong mình ngài có cách bền vững và cao-sâu, cho nên ngài sở-kiến ra với cuộc đời có cách lớn-lao và rộng-rãi vậy. Kinh Thi có câu rằng « Non cao trông đó mà trông, đi lên đường rộng vầy-vùng mà đi 高山仰止。景行行止。». Tuy không được thể, nhưng mà niềm vươn dốc thay !

Phía đông-nam huyện Khúc-phụ có núi Cửu-long, phía nam núi Cửu-long lại có núi Mã-yên, giáp khoảng hai ngọn núi đó, có một chốn rừng thông xanh tốt ấy là gì? Là chốn Mạnh-lâm; phía nam Mạnh-lâm thì là Châu-huyện, phía nam Châu-huyện thì có Mạnh-miếu, bên tả Mạnh-miếu có đền bà Tuyên-Hiến phu-nhân. Phu-nhân ấy là ai? là bà Mạnh-mẫu.

Đặng-huyện ở phía nam Châu-huyện, đất thì rộng-rãi phẳng-phiu, có thể vạch ra chữ tinh 井 ở trên làn ruộng được; phía nam Đặng-huyện có núi Dịch-sơn, có dấu vết thạch-khắc của vua Thủy-hoàng ở trên đó; phía đông núi Dịch-sơn có sông Đào-hà, qua sông Đào-hà, đến đất Bi-châu.

Đất Hạ-bì là đất ông Trương Tử-Phòng sau khi đánh hồng vua Tần-Thủy-hoàng ra tránh náu ở đó. Lại nhớ đến chú Hạng Tịch khi xưa cũng là người đất Hạ-tướng, đất Hạ-tướng cũng thuộc về đất Bi-châu, khi xưa anh Tào Tháo cũng cuộc dè dề rội nước vào quân anh Lã Bố ở đất Hạ-bì. Ta từng bồi-hồi ở đất đó, có ý muốn tìm lấy dấu vết thành cũ hai đất Hạ-tướng và Hạ-bì, và nơi nào là nơi ông Tử-Phòng khi gặp tiên, nâng giày đón sách ở Dĩ-kiều, mà người ở đó không ai biết cả, tiếc sao !

Phía nam đất Hạ-bì có hồ Lạc-mã, hồ ấy là nước sông Hoàng-hà khi tràn sang mà đánh ra thành hồ vậy. Lại phía nam hồ Lạc-mã đi xuống, qua

đất Túc-thiên, đến đất Đào-nguyên, đất ấy cũng là bờ sông Hoàng-hà. Xét ra sông Hoàng-hà phát-nguyên từ núi Thiên-sơn chảy xuống cõi bình-lục, không có dải núi cao nào để làm nơi ngăn-trở, cho nên nước chảy như nhầy như chồm, ba-đào hùng-dũng, nhanh chóng dữ-tợn, cũng là một cái thủy-thế thiên-nhiên. Đến bến Thanh-giang, sông Hoàng-hà lượn xuống đàng nam, sông Vận-hà uốn lên đàng bắc, khoảng hai con sông giáp nhau không đầy một dặm, mà sông Vận thấp hơn sông Hoàng đến và-mươi trượng, nước sông Hoàng-hà tinh nó thường hay xung-dột, nếu mà lở ra, thì cả xứ Hoài-dương đều là cá cả.

Phía tây thành Hoài-an, có cái điều-đài của ông Hàn-hầu; đàng lúc cậu Hàn vương-tôn hãy còn nghèo-hèn, phải nhịn đói mà câu cá ở dưới thành, ai hỏi đến chi; đến lúc gặp-gỡ, như rồng hiện, như mây bay. Những chuyện lưu-lạc khổ-sở ngày xưa, lại hóa ra câu chuyện hay, người đời ai cũng thích nói đến. Than ôi ! Kể anh-hùng dù thành dù bại chẳng qua là gặp thời với không gặp thời; cò-kim thiên-hạ chắc cũng có nhiều người như cậu Hàn vương-tôn, mà mai-một mất đi, không ai biết đấy là đâu cả, nói sao cho xiết được thay !

Phía nam đất Hoài-an là đất Bảo-ứng, phía nam đất Bảo-ứng là đất Cao-buru, đất ấy là đất nhiều hồ, trông ra bốn bên đều là nước; từ Cao-buru trở về phía nam, mới thấy có ruộng-nương.

Tiết mộ-xuân ở xứ Giang-bắc, trông ra đã như tiết thịnh-hạ ở xứ Hà-bắc cả rồi; môn-mỏn những làn cỏ biếc, rập-rờn là sóng lúa chiêm, cây thì chen lá lục, hoa thì đượm màu hồng, phong-cảnh xinh thay !

Phía nam đi đến Dương-châu; đất Dương-châu tự cò đã kể là đất phồn-hoa, đương về nơi sung-yếu, đương

thủy đường lục, nam bắc giao-thông, ngựa xe như nước, áo quần như nêm; gia-dĩ là nơi các lái di buôn muối tụ-tập ở đó, chơi bời vô-độ, phong-tục đua nhau về đường xa-xỉ, cũng là một cái tẻ. Trong thành cũng không có cái gì là khá - quan, cái thẳng - tích hai-mươi-bốn cái cầu ở cung Mê-lâu của nhà Tùy, ngày nay không còn gì cả, chỉ trong quán Quỳnh-hoa hãy còn có di-chỉ mà thôi. Phía bắc bên thành có chùa Thiên-ninh, là nơi biệt-nghiệp của cụ Tạ Đông-sơn ngày xưa đó. Chếch về phía tây có cái Hạnh-viên, ta từng ở trọ nhà tăng-xá trong Hạnh-viên, thì thấy nào cây, nào trúc, nào dài, nào ao, có chiều thông-uất và có chiều thanh-u, còn tưởng-tượng được vẻ phong-lưu của họ Vương họ Tạ. Mé đông bên Hạnh-viên là Hồng-kiều, nào viên, nào đình la-liệt ở dưới nước, người du-khách chõ thuyền mang rượu vãng-lai ở nơi đó mà chơi. Phía bắc Hồng-kiều thì là Thục-cương, ông Âu-Dương Văn-chung-công khi xưa có dựng cái Bình-sơn-đường ở trên đó, phía hữu Bình-sơn-đường có cái giếng ven chùa Đại-minh, cũng là một cái danh-toàn.

Phía đông đến châu Thái-châu, khi xưa vị danh-thần nhà Tống là ông Hàn Ngụy-công thừa tri Thái-châu từng hai lần nằm mộng thấy tay mình bưng được mặt trời, ngày nay trong chốn châu-đường, còn thấy đề biền là *Phủng-nhật-đường*.

Phía nam đi đến Qua-châu, rồi thì sang sông. Sông Dương-tử-giang rộng và trong, in màu bích-lạc, ngậm cảnh thanh-hư, bao-la trên dưới, trong vắt một màu. Chùa Kim chùa Tiêu ở giữa sông, như đặt vào cái mặt kính. Trông ra Kim-sơn, thì bốn mặt đều thấy lầu gác quanh co, từng từng lấp-lánh; lại cách xa mà trông sang Tiêu-sơn, thì thấy cây tốt xanh um; người

ở đây bảo rằng: « Chùa Tiêu chùa ở trong núi, chùa Kim núi ở trong chùa ». Tiếc thay ta chưa kịp đến tận nơi mà xem; ở chùa Tiêu chỉ trông thấy núi, ở chùa Kim chỉ trông thấy chùa mà thôi.

Qua sông đại-giang, rồi luồn cửa tiêu-hà đi vào núi, đến phủ Chấn-giang. Chấn-giang là nơi kinh-khẩu đời xưa, bốn mặt đều có núi non trở-cách, hình-thế nghiêm-nhiên, kè ngay bờ sông Dương-tử, lấy con sông Dương-tử làm cái hào trời, thực là cái đất nam-bắc tất-tranh ở trong lịch-sử. Ông Tôn Trọng-muru, về hồi Tam-quốc bắt đầu kiến-đồ ở đây, có đắp cái thành gọi là thành Thiết-ứng, phủ thành Chấn-giang ngày nay là di-chỉ đó.

Lại đi xuống phía nam đến đất Đan-dương, nghe có cái Luyện-hồ mà chưa kịp trông thấy. Lại đi sang phía đông-nam đến đất Thường-châu, Thường-châu là đất Diên-lãng ngày xưa, nhà ông Ngô Qui-Trát ở đó. Xét ra thì phong-tục ở xứ Tam-ngô còn là thuần-phác.

Ta từ đất Đan-dương trông sang phía tây thấy dải núi dài-dợ hơn trăm dặm. Đến đất Vô-tích thấy núi Cửu-long, ngọn nam-phong gần đó là núi Huệ-sơn, phía đông núi Huệ-sơn là núi Tích-sơn, núi non đều xanh-tốt và đẹp-dẽ. Lên núi Huệ-sơn, uống suối thạch-toàn, nước trong mà ngọt, và có vị nùng-hậu. Trông xuống huyện Vô-tích thì la-liệt những núi cùng sông, là xứ rượu ngon cá béo, lại là rừng ấu bờ sen búi, thật là lạc-thỏ thay! Khi xưa ông Thái-Bá nhà Chu ở đó.

Phía nam núi Huệ-sơn là núi Phù-tiêu, nơi ấy là nơi ông Ngô-vương Phù-Sai đánh được quân Việt vậy. Phía nam núi Phù-tiêu là núi Dương-sơn, nơi ấy là nơi ông Việt-vương Câu-Tiến đánh được quân Ngô vậy.

Từ núi Dương-sơn trở về phía nam, dãy núi nguy-nga và xanh tốt ấy, là núi Linh-nham, núi Khung-long, núi Chi-hình, núi Hnyền-mộ, núi Thượng-phương các ngọn núi đầy. Phía đông núi Linh-nham rừng cây rậm tốt, lại có một vùng cao hơn và tốt hơn trong đám cây ấy, là gò Hồ-khuru đầy; cách phía nam gò Hồ-khuru độ sáu bảy dặm ấy là thành Tô-châu đầy.

Tô-châu tức là đất Cô-tô ngày xưa. Đất Cô-tô cấp ba con sông, vượt năm cái hồ mà thông ra bể, thành trong thành ngoài, cửa chất như núi - non, người đi như nước chảy; nào liệt-điểm, nào chiêu-bài rực-rỡ như mây gấm. Nói về cách phồn-hoa, thì Đô-môn còn là phần kém; nhưng mà phong-tục xa-xỉ phủ-bạc, nhân-dân ít có kẻ thành-thực, bách-công kỹ-nghệ tuy rằng có tân - xảo tinh - kỳ, nhưng đặt là đồ chơi, ít có đồ thực-dụng, cũng là cách làm ra cái vô-ích để hại cho đường hữu-ích đó vậy.

Gò Hồ-khuru nhỏ nhưng mà lạ, bề ngoài trông thì là một cái gò đất, mà trong có đồng có hang. Ở ven đường đá lại có suối gọi là Hám-loàn; ven suối có một hòn đá, ở giữa lõm xuống như là vết chém, gọi hòn đá ấy là hòn đá Thi - kiếm. Khúc-chiết mà đi lên, thì thấy một tấm đá to-lớn phẳng-phiu, chu-vi độ vài trăm bước, có thể dung được nghìn người ngồi. Tứ-vi đều là những ngọn kỳ-phong, như trở như gọt. Đàng bắc mở ra một cái hang, trong có ao, nước ao trong vắt, gọi là Kiếm-tri; đàng tây Kiếm-tri, lại mở ra một cái hang nữa, góc-ngoách quái-kỳ, mà trong cũng có ao, tức là Hồ - khuru thạch - linh; đàng đông Kiếm-tri có đình gọi Khả-trung-dinh; ở dưới đình trên ao có bốn chữ lớn khắc vào đá rằng: « Hồ-khuru Kiếm - tri 虎 邱 劍 池 » là lối khái-thư ông Nhan Lô-công; lại khắc

bốn chữ rằng « Sinh-công giảng-dường » là chữ ông Lý Dương-Băng mà viết lối triện. Lên gò Hồ-khuru mà trông ra bốn bên, thì nào trúc nào cây như thể bọc làng, nào sen nào ấu như thể lợp nước, thiếu gì là cảnh nùng-âm, là cảnh trầm-lục, một bầu trời đất, cùng một sắc xanh. Nhưng mà nghe đâu ở xứ này thuế-má nặng-nề lắm, dân chịu được sao!

Núi Linh-nham cây tốt mà núi cao, trên núi có đồng gọi là đồng Tây-thi; đỉnh núi có chùa, tức là cố-chỉ cung Quán-khuê ngày xưa đó. Cửa chùa tạc ngay vào hòn đá vất ngang, trong cửa thủng ra một cái ao, nước ao xanh biếc; đàng tây bên chính-diện, có tòa đá lõm-chỗm mọc lên, nước suối tuôn ra bốn bên, hiên - song khuất - khúc, thềm nóc quanh - co, la-liệt ở trên tòa đá. Lại có hai cái ao, thanh-sắc và u-kỳ, khiến cho người ta vui-thú mà quên về. Trên tuyết-đỉnh núi Linh-nham có hòn đá khắc chữ rằng: « Cầm-đài », lên Cầm-đài, thì trông ngay xuống Thái-hồ.

Hồ Thái-hồ chu-vi tám trăm dặm, bao-bọc một đội núi ở trong hồ, nước hồ trong mà sắc trắng, khi gặp cơn gió tự nẻo xa đưa lại hiu-hiu thổi lên, sóng với núi cùng rập-rờn, bảy-mươi-hai ngọn kỳ-phong chột ần, chột hiện ở trong nơi tuyết-lấn ngàn-đào, có chiều trích-thủy, có vẻ phủ-manh, thật là một cảnh kỳ-quan ở trong vũ-trụ vậy.

P phía nam ra khỏi sông Ngô-giang, luồn con ngòi Lam-khê, đi đến đất Tích-đông. Xét ra, hai xứ châu Da châu Hàng, tục ở đó khéo nuôi tằm, đất ở đó nhiều chỗ trồng dâu, nhà nào cũng có ao để nuôi cá, thôn nào cũng có cảng để đi thuyền. Ruộng lúa xanh tốt, sen vào ở dưới trại dâu; nào là ả lĩnh-nữ quấy sọt đi hái dâu, nào là lũ nhi-đồng chằng lưới ra bắt

cá ; phong-cảnh thanh-u, so với đất phồn-hoa ở xứ Tam-ngô, thực khác nhau vậy.

Ra khỏi ngòi Lam - Khê, đến đất Đường-thê, giáp hai bên sông, trông xa đều là núi. Về phía tây-nam thấy một dải núi càng cao càng lớn mà càng xanh, nhận ra thì là các ngọn núi ở trên hồ Tây-hồ ; phía nam đến cửa Vũ-lâm, chở thuyền luồn vào trong thành, rồi đi ra xem nước thủy-triều, đến chỗ giang-khẩu, trông thấy rộng-rãi mênh-mông, không kém gì sông Dương-tử, mà sắc nước hoe-hoe như sắc sông Hoàng-hà, nhận ra, thì là sông Tiên-đường.

Cái thắng-cảnh ở sông Tiên-đường và Tây-hồ, ta từ lúc bé nghe đã nóng tai, bây giờ đã trông thấy cảnh sông, chỉ muốn mau mau mà đến xem cảnh hồ. Người ở đấy bảo ta rằng : « Nay ngài đi ngoạn-cảnh Tây-hồ, ngài muốn đi đường lục thì ngài lên kiệu, ngài muốn đi đường thủy thì ngài lên thuyền. » Ta cười, ta nói : « Thế không phải là cách đi xem ; phàm đi xem những nơi danh-thắng, nếu chạy vùn-vụt ở trên kiệu, hay hoặc ngồi núp ở trong thuyền, thì trông thấy thế nào được cái phong-cảnh kỳ-quan và đại-quan ở trong vũ - trụ. Vả lại những cảnh kỳ - dị, hay ở những nơi người ta không thường đến, kiệu nào xe nào mà tới được.

Ta nhân đi bộ, trèo lên trên trái Vạn-tùng-sơn mà ngắm cảnh Tây-hồ ; thì thấy một tấm gương sáng-láng hư-không, nghìn ngọn núi xanh-xanh biếc biếc. Nào là chùa thì treo trên đỉnh núi, nào là đình thì gác trên ngọn cây, nào là yên-vũ, nào là lầu-dài, bao nhiêu là mẫu ý-lệ, bao nhiêu là cảnh thanh-u. Ngày trước ta xem bức họa-đồ, ta vườn ngờ rằng Tây-hồ không thế nào như được bức họa, ngày nay ta mới biết rằng bức họa-đồ không thế nào hết được cảnh Tây-hồ vậy.

Qua trái Tùng-linh, sang dịp tràng-kiều, đến bức Nam-bình ; trên bức Nam-bình, lổ-nhổ những đá, kỳ-quái quái-kỳ, dưới có một nếp chùa cồ, ấy là cảnh « Nam-bình vân-chung » đó.

Phía bắc là ngọn Lôi-phong, có cái tháp cao mà sắc tia, ấy là cảnh « Lôi-phong tịch-chiếu » đó.

Phía tây là khúc Tô-đê, từ đàng nam sang đàng bắc, làm ra sáu cái cầu để thuyền chui qua, trông mai trông liễu ở trên đê, ấy là cảnh « Tô-đê xuân-hiếu » đó.

Đàng tây mé đê có vườn có đình, dẫn nước hồ vào làm ao để nuôi cá, ấy là cảnh « Hoa-cảng quan-ngư » đó.

Phía đê về đàng đông có bến, ven bến có ba cái tháp, bóng tháp lộn xuống đáy thuyền, ấy là cảnh « Tam-dâm ấn-nguyệt » đó.

Đàng bắc mé đầm lại có đình, sừng-sực nổi lên ở trên mặt nước, chính là Hồ-tâm-đình.

Mé đình đàng bắc có một ngọn núi đột-ngọt mà xinh đẹp tốt tươi, chính là ngọn Cô-sơn.

Trên núi Cô-sơn có bức tường sắc tia quanh-co uốn-lượn, chính là nơi Hành-cung.

Đàng đông lại có một khúc đê chạy thẳng đến Hàng - thành chính là khúc Bạch-đê.

Tô-đê chạy dọc mà Bạch - đê chạy ngang, ngọn núi Cô-sơn thì xinh-xinh đứng giữa mà giáp ngay hai khúc trường-đê.

Phía tây núi Cô-sơn có miếu thờ ông Nhạc Vũ-mục, ngoài miếu có đúc hai cái tượng vợ chồng thẳng Tần Cối, mà cái đầu nó thì bị người ta đánh mãi, đã sầy sát cả ra. Ta từng đọc sách sử, đến những hồi quan - hệ về sự quốc - gia hưng - vong, ta vườn có ý ngờ rằng ông trời kia sao khéo

ôm - ở chi tá ! Đương khi ông Vũ-mục kéo quân đi bắc-phạt, những kẻ hào-kiệt ở phía Sơn-dông Hà-sóc, ai nấy đều đã tay võ mà miệng reo; chú Hàn Thường đã phải bó thân mà qui-phụ, anh Ngột-Chuật đã phải bung đầu mà lánh-xa; nếu trời cho thẳng Tần Cối một trận phải gió lăn đùng mà chết đi, để ông Nhạc Vũ-mục cầm gươm ruổi ngựa hò tuét ở chốn trung-nguyên lấy một vài năm nữa, thì cái sự khôi-phục lấy thần-châu; nghênh-hoàn lấy nhị-thánh, thật là cái sự cầm chắc ở trong tay đó thôi. Nhưng mà ông trời lại chẳng thế, cố làm cho dang-dở dở-dang, đợi rõ đến lúc kẻ an-hùng ngậm hòn máu trung-biếu xuống toàn-đài, nền bang-quốc in nét chữ diệt-vong vào lịch-sử mới thôi. Rồi về sau cuộc đã đổi, đời đã thay, bấy giờ mới lại bày ra một cái trò người ta thắp hương vào lễ cha con ông Vũ-mục, mà vác dùi ra đánh vợ chồng thẳng Tần Cối, cũng nực cười đó nhỉ ! Ý chừng ông trời có bụng nghĩ lại, mà mượn ở tay người, để chuộc lại cái sự lầm xưa kia; hay là ông trời cứ ôm-ở thể mãi, mà người ta phải gắng sức mình lên để tranh nhau với ông trời đó chẳng ? Than-ôi ! Cái có ấy, thánh-nhân đã biết cả rồi, cho nên khi thánh-nhân làm ra kinh *Dịch*, « *quân-tử đạo trường, tiều-nhân đạo tiêu* », thì gọi là thể *Thái*, « *tiều-nhân đạo trường, quân-tử đạo tiêu* », thì gọi là thể *Bĩ*. Khi cái *thái* nó đến thì trời cũng chiều người, mà khi cái *bĩ* nó đến thì trời cũng phải chịu thua, chứ cũng không làm gì được. Nên phải biết rằng khi tiều-nhân nó lừng-lẫy mà quân - tử phải thiệt - thòi, đó là thiên-số chi-biến; mà con tâm người ta đời-đời kiếp-kiếp bao giờ cũng yêu người quân-tử mà ghét đũa tiều-nhân, đó là thiên-lý chi-thường, chứ trách gì trời !

Mé tây bên Nhạc - miếu có Nhạc-

phần, trong ấy có hai cái má, là má ông Nhạc Vũ-mục và má con ông là Nhạc Vân; dáng nam ven má có đình có đài, kết-cấu ở ven hồ, nguy-nga đẹp dễ, xem ra thì màu chu-lan bích-hạm thấp-thoảng với vẻ lục-thủy hồng-liên; cái cảnh « khúc-viên phong-hà » vườn kẻ là nơi thắng-cảnh; xinh thay này đây là đây !

Mới rồi ta ở phía Nam - bình trông ra Tây-hồ; người đi đường trở tay bảo ta rằng : « Chỗ cao mà trên đỉnh có tháp ấy, là ngọn Nam-phong đấy; cách xa xa mà cũng cao bằng ngọn Nam-phong ấy, là ngọn Bắc - phong đấy. » Bấy giờ ta mới từ chốn Nhạc-phần đi ra mé tây, đường thì đi ở dưới ngọn Bắc-phong, ven đường thuần là núi, rất những thông xanh lúc biếc, che núi sát mây. Ta thủng - thính đi ở trong rừng ít lâu, chợt thấy một dải suối trong, đá trắng lờm - chớm mọc lên, cánh hoa rơi lù-đừ ở trên mặt nước, tiếng chim như sáo như kèn; trong lòng ta bấy giờ có phần hoảng-hốt, ước gì gặp được người tiên.

Rồi luồn khe vào mãi, thấy một cảnh thôn-lạc, hàng rượu bày ra ở dưới gốc cây, bàn trà đặt ra ở ven khóm trúc; phía tây ven đường có cái trại nhỏ, thấy chữ đề rằng : « *Phi-lai-phong* »; qua trại ấy rẽ sang phía tây, mới thấy một trái kỳ-phong đứng giữa, bốn bề lưu-thủy chạy quanh. Chốn ấy có đồng, đồng thì ở trong ruột núi, có cầu bắc vào cửa đồng, qua cầu rồi vào đồng; khi vào đồng thì thấy hang hốc quái-kỳ, gàu đá lấp-lánh, thạch-nhũ thánh-thót rõ xuống thành vũng nước trong; những hình quái-thạch ở trên nóc đồng, thì như là cây cồ-thụ rủ xuống, vẻ vân-hà tỏa ra; bốn bên đều có lỗ hồng thông ra ngoài, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tối, hoặc sáng, ngóc-ngóách lạ lùng !

Ở trong đồng ấy bước ra, đi về phía tây; những hòn đá ở trên khe dưới

núi, đều có vẻ kỳ-tú ; mà nhấp-nhố ở trong rừng, hình như có cái thể đua tranh với cây tùng cây trúc mà mọc lên. Ven núi có ao gọi là « *Phóng-sinh-tri* » ; trên ao có đình gọi là « *Lãnh-toàn-đình* ». Nào là non cao trúc mát, nào là suối lạnh ao trong, quanh cả ở tả-hữu bên đình ; giữa buổi trưa mùa thịnh-hạ, mà mát lạnh như mùa thâm-thu,

Phía bắc bên đình có chùa, đề biền là « *Vân-lâm* » ; qua chùa đi về mé tây, thấy những cảnh tiêu-viên và những kiều biệt-thử, bố-trí xinh thay ; ta xem không biết mỗi mắt, ta đi không biết mỗi chân. Lách vào những chốn u-lâm, lượn vào những nơi mật-thụ ; có lúc ngửa mặt trông lên, không trông thấy bóng thiên-nhật ; trong lòng ta bấy giờ có phần kinh - nghi, không biết mình lạc lối vào cõi nào đây. Muốn hỏi qua cho biết, thì non sáu cảnh vắng, không gặp một người nào. Ta đứng ở bên rừng, kiễng chân trông sang, thì thấy hút một ông sư lên núi lúi-thúi mà đi. Ta cũng lại cố đi lên đến ngọn núi ấy, chợt gặp có trận gió nồm tự đàng xa đưa lại, nghe ra vắng-vắng như tiếng sáo tiếng đàn. Bấy giờ trời đã chiều, mà bốn bên thì dật những hang tối và rừng sâu ; ngờ là chốn hang beo tổ cọp, xóm quỷ làng thần chi đây. Mới trở xuống, lại đi đến chân núi Phi-lai, tìm nơi thôn-lạc ta trông thấy lúc trước đó mà vào nghỉ-ngoi.

Sáng ngày hôm sau, ta lại đến núi Phi-lai, không vào đông nữa, mà trèo lên đỉnh núi ; cách xa đứng trông cái quang-cảnh mặt trời buổi sáng sớm ở dưới bề mọc lên, nước triều như nước vàng lấp-lánh, phiến mây như phiến gấm trung-bùng ; non xanh núi biếc, gay-gắt một màu ; quang-cảnh thì quái-kỳ, vật-tượng thì biến-ảo ; bấy giờ trông cái thân mình hình như nhẹ bỗng mà rập bay đi. Nhân lại

nghĩ đến người ngày xưa, như ông Hàn Thế-Trung là một vị trung-hưng danh-tướng triều Nam - Tống, vì cơ không chịu a-dâng với đấng tiều-nhân là thẳng Tần Cối, mới nghỉ quan về nhà, không nói chi đến sự binh nũa ; chỉ ngày ngày mang vò rượu ngon, cưỡi con lừa gầy, cùng với mấy cậu tiều-dồng đi dạo chơi phong - cảnh Tây-hồ. Lại có dựng lên một cái đình gọi là « *Thủy-vi-đình* » ở trên núi Phi-lai. Duy cái người oanh-liệt hào-hung và trung-chính cao-thượng ấy, mới xứng-đáng được với cái núi này vậy.

Ta tự trên ngọn Phi-lai-phong đi xuống, lại đến chơi chỗ Lãnh-toàn-đình. Hỏi thăm đâu là chùa Linh-ân, mới biết rằng cái chỗ đề biền là *Vân-lâm* ấy, tức là chùa Linh-ân đấy. Bấy giờ giữa về ngày mồng tám tháng tư, ngày ấy trong chùa làm lễ trai-giới cho bọn tăng-ni, các sư ở gần xa về đó đông lắm. Những người trụ-tri ở bản-tự mặc áo cà-sa, lên pháp-đường giảng kinh. Ông sư cụ hiệu là *Đế-huy*, chừng độ hơn chín mươi tuổi, chót vót ngồi trên tòa cao ; thủ-tọa thì hai người, thị-giả thì tám người ; còn ở dưới thì sắp hàng ra mà qui lạy, chừng độ ba trăm người. Sư uam và sư nữ đều tới cả đó ; xem ra cũng có uy-nghi, khi ngừng mặt, khi cúi đầu, đều có ý kính-cần. Nhưng chỉ tiếc rằng khi giảng kinh, mọi lẽ huyền - diệu không phát-minh ra được lẽ gì, chỉ cầm quyền kinh lẫn số tràng-hạt mà đọc ; những kẻ ở dưới vị-tất đã đều nghe được lọt tai, mà cái kẻ nghe được lọt tai vị-tất đã đều hiểu được lọt nghĩa ; chẳng qua chỉ theo kẻ thị-giả, họ bảo cúi xuống lạy thì cúi xuống lạy, họ bảo ngừng lên trông thì ngừng lên trông đó thôi.

Phía đông-nam núi Phi-lai, có ba tầng núi Thiên-trúc, là Hạ-Thiên-trúc, Trung-Thiên-trúc và Thượng-Thiên-

trúc. Ra khỏi núi Thiên-trúc đi về phía nam, đến chỗ Triệu-phần, Triệu-phần đó là mả tước Triệu Trung-túc-công. Ông Triệu Trung-Túc đối với sơn-hà xã-tắc nhà Nam-Tống, thực là có cái công hồi-thiên, ngoài chỗ mộ-môn thấy có một câu đại-liên đề rằng : « Một bàn tay nọ, nửa góc trời kia, ngắm khuôn vũ-trụ lâu dài, ông mất ông còn bao hết truyện. Đỉnh núi xanh này, năm xương trắng đó, thương kẻ anh-hùng vắng vẻ, tôi than tôi khóc những vì ai? 隻手挽銀河。君自大名垂宇宙。青山埋白骨。我來何處哭英雄。 » Nhận ra thì là tay cụ Vương Dương-minh tiên-sinh đời Minh soạn ra đó.

Phía nam Triệu-phần, tức là ngọn Nam-phong ; từ phía nam ngọn Nam-phong qua một trái núi mà đi rẽ sang phía tây, thì thấy vách đá nguy-nga, ở dưới có nham có động, đi xuống hòm-hòm-hom, gọi là Thạch-ốc. Rồi đi lên đàng tây chừng độ một dặm nữa, lại thấy có động, gọi là động Thủy-lạc; hai cái động cùng thuyneh ra, một cái có nước mà một cái không có nước. Theo cái động không có nước ấy đi vào, rồi lại đi thông sang cái động có nước ; thì thấy nước đầy cả ở trong động, ràn-rụa chứa-chan, từ-từ chảy về đàng nam, đến chỗ động - khâu, thì hút xuống đất, không thấy chảy ra ngoài động chút nào, cũng là một cảnh lạ !

Lại đi sang phía tây, lên núi Yên-hà, bát-ngát xa trông, đều là núi cả. Những cảnh u-thâm kỳ-vĩ, so với nơi Linh-ân và Thiên-trúc lại có phần hơn, Hỏi người ta, thì người ta bảo rằng : « Ở trong ấy danh-sơn cổ-tích nhiều lắm, kể ra cũng không xiết, chơi đến mấy tháng cũng không cùng. » Ta mới biết rằng cái sức chân ta không có thể nào đi cho khắp được, mới trở về.

Ngày hôm sau, có người bạn đồng-niên với ta, là bác Tô Canh - Dir, chở

thuyền mang rượu lại đón đi chơi. Ta vì rằng cái cảnh Tây-hồ, ta chưa đi xem được khắp, ta mới lại cùng người bạn đi thuyền ra cửa Thanh-ba. Thấy dưới thành xan-xát những liễu, mà dải Bạch-đê dằng-dặc những cầu ; mới hiểu rằng ở đây tức là cảnh Liễu-lăng văn-oanh, đoạn - kiều tàn - tuyết đó. Rồi đi bộ lên đờng Bạch-đê, lại đến chơi núi Cô-sơn, vào xem chế-độ nơi hành-cung.

Kiều hành-cung, xem ra lạ lắm ! Hiên lồng gác chạy, góc-ngoách quanh-co ; mài đá thành nền, gọt núi thành vách, trồng hoa thành triện, dẫn suối thành ao, cầu thông lạch nước, thềm ghé sườn non. Đến như nếp hậu-cung, thì điện làm ở trên núi, bao-bọc tòa đá ở trong điện, khơi dẫn nước suối vào trong cung, trong một cái ghè, mà cảnh sơn-thủy đủ cả ; hai nếp cao-lâu ở đôi bên tả-hữu, gần thì thu được cảnh hồ, xa thì quát được cảnh núi ; lên đó mà trông, khác nào như lên chốn ngọc-tiêu kim-khuyết, mà trông ra miền tiên-hương ở tam-đảo, cảnh thần-giới ở thập-châu.

Phóng-hạc-dinh ở mé đông-bắc nơi hành-cung ; thơ-thớt mấy gốc cỏ-mai, ngô-nghe mấy hòn cự-thạch. thật là có vẻ thanh-nhã-bất-quần, nhưng chỉ tiếc thay kiêu dinh làm đẹp-đẽ quá, xem ra không giống cái cách phong-lưu của người xử-sĩ kbi xưa.

Ta tự trên dinh Phóng-hạc đi xuống lại lên thuyền, vòng quanh đàng lưng núi Cô-sơn, đến chùa Thiên-khánh, rồi về. Trong cảnh Tây-hồ, mười phần chửa lĩnh-hội được một, mà ngày đã chiều rồi. Ta lại càng tin rằng, cái cách đi kiệu và đi thuyền không có thể đi được đến nơi, mà cái'kê đi chơi Tây-hồ, chưa bao giờ xem hết được phong-cảnh Tây-hồ vậy.

(Còn nữa)

Tùng-vân NGUYỄN ĐƠN-Phục dịch

TÂN CỤ ĐIỀU-HÒA

Quán khách thánh-thời, một mình thầy Giáp tréo chân ngồi trên ghế dựa. Điều thuốc xi-gà bên mép nửa khói nửa tàn ; thỉnh-thoảng lại cầm tờ báo phút-phất trước ngực, mang áo sơ-mi, cổ lòng-thông cái cờ-ra-vát.

Bỗng đâu tiếng giấy lẹp-kep, một cụ già bước vào, trương mắt kính dòm thầy, rồi trở sang gian kia, cất nón xu chân, ngồi trên ván ngựa. Cụ mới giờ ra : nào thuốc, nào trà, nào khăn lau, nào quạt thuốc. Thầy Giáp trông thấy, khó nổi nín cười, bèn mở báo ra đọc.

Bên kia, cụ cũng thế, chả ra gì thầy Giáp ; nay lại lọt tai những tiếng S tiếng R, dễ tức biết mấy. Song cụ đã trải chốn quan-trường, đã tập tính nhẫn-nhục, nên cũng giả dui, giả điếc, rờ cái gối bên cạnh, nằm xuống, vắt tay qua trán, như hình nghĩ chuyện đầu đầu.

Thầy Giáp cứ đọc, đọc điếc cả óc, cả tai. Cụ thêm tức mình mới ngẫm :

Sơn hà phong cảnh nguyên vô dị,

山河風景原無異。

Thành quách nhơn dân bán dĩ phi.

城郭人民半已非。

Vương-hậu đệ-trạch giai tân chủ,

王侯第宅皆新主。

Văn-vũ y quan dị tích thì.

文武衣冠異昔時。

Mỗi tiếng mỗi câu, đều có cách-điệu nhẹ-lượng cảm-khái.

Thầy Giáp đưa nay vẫn chuyên về y-học, song lúc học-sinh có giờ theo dõi một tuần vài giờ chữ Hán, nay nghe ngẫm-vịnh cũng hiểu ít nhiều ; liền vắt tờ báo trên bàn một mình tự nói : « Lão này cường thiết, ta đã

không phen muốn thiết-chiến với các lão, nay nhơn nhíp đây, để ta cho lão biết ; và cũng để nay mai lão xuống dưới. . . . nói chuyện cho các tiền-bối ta nghe. » Nói xong lên tiếng chào hỏi : « Thưa cụ, cụ ở đâu ? cụ đi đâu bây giờ ? »

Cụ vẫn muốn lán-la trò chuyện, để hả chút hơi già, nay nghe thầy hỏi chính trúng ý cụ ; vội vàng ngồi dậy đáp lại rằng : « Tôi ở Huế, đậu phó-bảng, làm viên-ngoại về hưu, nay vào Bình-định thăm người em tôi làm hậu-bổ, mới đi quyền tri-huyện. Chứ thầy ở đâu ? Thầy đi đâu bây giờ ? Cũng xin cho tôi biết. »

Thầy Giáp đi đâu vẫn muốn cho người biết, liền nói : « Cụ ở Huế, sao không biết. Tôi có bằng-cấp tân-học, làm thông-sự ở tòa Khâm, nay xin phép về thăm nhà ở Quảng-ngãi. — Chứ cụ mới rồi ngẫm câu gì thế, có phải cụ có ý nhạo-bàng anh em chúng tôi không ? »

Cụ Viên nói : « Không, tôi ngẫm câu thơ cổ chơi, mà thầy phải hỏi làm gì ! Thầy phải biết rằng : thầy đi đâu cũng muốn khoa-trương cái cách mới của thầy, thì không lẽ tôi đưa cái cách cũ của tôi mà vất đi đâu được. »

Thầy Giáp nói : « Cụ còn nói cách cũ với tôi à ! Xin cụ bằng lòng để cho tôi nói — mà tôi nói đây cũng là nói chung — Các cụ bình-sinh, tư-tướng chẳng ngoài Nhị - đế 二帝, Tam-vương 三王, kiến - thức chỉ trong ngũ-hành 五行, bát-quái 八卦 ; nay vào giữa cạnh-tranh thời-đại, lui về nhà mà doanh-sinh lập-nghiệp, thì tính toán không thông ; ra với nước để nội-trị ngoại-giao, thì tài-trí không có ; may trong đám quan-trường còn chỗ

chen lợt, thì cũng theo dòng xuôi sóng rồi lại viện lấy câu: «*Nhất thế nhơn liêu nhất thế sự* — 世人了 — 世事 » là rồi; tôi không dám nói các cụ vô-ích với đời, song thiết-tưởng đời này các cụ không giáng-sinh, thì cũng chưa lấy gì làm thiếu đủ. »

Cụ Viên nói: «*Thầy thiết không có cụ-học, không biết chữ: tiên trách kỷ nhi hậu trách nhơn* 先責己而後責人, học - thức các thầy so với chúng tôi, đã hơn được mấy? Tôi nhớ năm xưa, lúc vào đình-đối, hỏi về phú-quốc tôi cũng biết xin khăn - khăn - khăn, khai-hoang, hỏi về cường-binh, tôi cũng biết xin đúc súng đóng tàu; mà người em tôi, ông Quyền bây giờ đó, năm trước thi Hương, trường hỏi sông nào rộng, núi nào cao, máy-hơi ai bày đầu, điện-khi ai tìm trước, nó cũng biết nói. Mấy món cách-tri, tưởng các thầy cũng liệp - thiệp hơn chúng tôi một chút, đề lấy cái bằng-cấp cho xong, rồi ra, không sở nộ, cũng tòa kia, lấy ba câu tiếng Pháp đổi mấy chục đồng lương, sắm cái lót văn-minh, cười cha ông hủ-lậu. »

Thầy Giáp nói: «*Cụ nói như vậy, chúng tôi cười là hủ-lậu cũng phải. Cách học xưa các cụ, không hợp-thi, không thông-biến, cái ngộ-diễm đã rõ-ràng, không ngờ đến nay, cụ còn chưa hiểu. Tôi nghe đời đức Dục-tôn, có ông cũng vào đình-đối, mà xin nuôi vịt để cho phú-quốc túc-dân, tôi e cụ cũng cập-môn với ông ấy. Về phần-học-thức, cụ đã nói thế, tôi còn biện-bác, tưởng cũng thêm phiền, nay tôi xin nói về phần đạo-đức. Các cụ bình-sinh học đạo Không Mạnh, mà ra xử-thế, có được cái gì! cụ tự xét lấy trong mình đủ biết. Nào, mười năm đèn sách, mấy hội phong-vân, ngoài cái tư-tưởng vinh-thân phi-gia, phong-thê ám-tử, thì ai là nghĩa-sĩ, ai là trung-thần, ai là hiền-nhơn, ai là quân-tử?*

Sở-vị đạo-đức văn-chương, huân-danh sự-nghiệp chỉ đủ thêu trên mấy tấm hàng đồ, hay là khắc vào mấy mảnh ván sơn, mà không biết cái bia miệng đầy đường là nên quý! Tôi tình, các cụ đã không có cái gì làm mô-phạm cho anh em tôi được, thì cũng nên tu-tĩnh một ít, mà nhất là nên xa lánh hầu non, ăn dùng đồ bỏ, để sống thêm lên nữa mà coi bọn tân-học thiếu-niên chúng tôi sau này ra với thế-giới ra thế nào! Tôi nói thế tưởng có quá lời, không phải với các cụ lắm đó, nhưng các cụ phải biết anh em chúng tôi ăn ngay nói thiệt, đã quen mất nét từ thừa ở trường. »

Cụ Viên lại nói: «*Các thầy thiết quen mất nét. Thăng cả nhà tôi, cũng làm thông - ngôn, thầy ở tòa Khâm, tưởng cũng biết nó, nó đi đâu cũng گیر tâm-học ra như thầy vậy, mà tôi xét ra nó có gì đâu, kiến-thức đã hẹp-hòi, tinh-nết lại càn-dở, cả ngày chỉ biết sáng đi hầu ông Sếp, tối về gheo ả-đào, thế mà đi đâu làm bộ văn-minh; ngồi đâu bàn việc thời-thế; lại còn điều dằng ghét hơn nữa, là cũng bắt-chước mấy câu nói nhảm của mấy nhà làm báo, để về sỉ-nhục cha ông, tôi đã nhiều phen chỉ thiếu đánh đòn, mà nó mất nết lại cứ mất nết. Con tôi tôi còn không dạy được, tôi trách gì các thầy, song tôi chỉ đau đớn cho bọn thiếu-niên sau này, chẳng may đã sinh vào buổi văn-minh, lại gặp lấy mấy thầy dạy tự-do bình-đẳng; cái nền lễ-nghĩa cha ông xây đắp, chắc bọn này rồi cũng đập đổ xuống dưới mấy gót giày tây!* »

Thầy Giáp toan nói lại, *ông có phòng cửa phòng bên kia mở "kể đi" "lặng" ở trong bước ra một người, người ở là ai? khán-quan lặng xem sẽ biết...*

Nguyễn ký-giả nhân-dịp nghỉ à, vào Nha-trang thăm bạn, hôm ấy cũng ở đó đề dợt xe hơi; song ký-giả tình

ra lạng-lẽ, mới vào nghỉ trong một cái phòng kia ; cái hí - kịch cụ Viên và thầy Giáp diễn ra mới rồi, ký-giả tai dãn vào phòng, sau trước mười phần lỗ lỗ ; thế thì mình một đời ít giao-thiền ngôn-luận, nay nhíp gì đây, gặp hai người, một người cụ mà liền cả óc, một người tân mà tân ngoài da, thế mà dám kiếm tìm lẽ trau-chuốt lời ngoan, để giành cái ơn thua chung của hai phái học ngày nay đã điều - hòa ở trong học-giới. mà như cụ này, tân mà như thầy cũ, mỗi, liền-độ học-giới nước nhà này còn mong gì nữa ! Ký-giả nghĩ đến đó, như ai xui giục, mở cửa bước vào chung một tiếng : Thưa cụ thầy, cho tôi xin lỗi.

Lạ thay ! nhà khách-sạn không phải là gác Quan-âm, cụ Viên và thầy Giáp không phải cô Kiều và chàng Thúc ; mà ký-giả đây lại nào phải là Hoạn-thư, thế mà hai bên đương dở chuyện trò, nghe một tiếng chào, tức-thì im lặng ! . . . Khán-quan phải có ý hiểu . . . lạ gì cụ Viên và thầy Giáp học-thức được mấy, nói nhau đến đó, lẽ cần lời cùng, thấy ký-giả bước vào, mỗi người khỏi chi ao-ước cho mình có kẻ cãi giùm hay là nói hộ . . . Ngờ đâu ! ký - giả lại nói : « Người đời có tính : hễ cái gì mình biết sẵn thì tán cho ra cái ấy là hay, cái gì mình không thông, thì cũng tán cho ra cái ấy là dở. Nhưng cụ với thầy, tôi chắc không phải hạng người ấy. — Thế thì cãi nhau cái gì ? — Tôi đứng nghe nói : Đời này nhiều câu thơ cổ, mà đã rành, đọc suốt học-chưa hẳn môn sự cãi lẽ này bởi học-phái nào ấy, phải thấu-đạo, mới hay biết ta, tính hơn tính thiệt, cãi nhau nữa, cũng phải có lý do, mà công-kịch không lẽ, thì phải điều-hòa, có đâu như cụ với thầy học chả bao nhiêu mà

dám biệt-lập môn - trường làm ô-danh cả hai phái học ! Tức như mấy câu đối-đáp mới rồi đó, biết bao lời cần lẽ quấy, đến nỗi tôi không muốn nhắc lại nữa, mà tôi cũng muốn cho như là cái chưa hề nghe ; song nói thật không nệ mặt lòng, thầy thiệt ngạo quá chừng, mà cái ngạo đó là tại thầy hiểu lắm mấy chữ tự-do bình-dẳng ; còn cụ thì hủ hết sức, mà cái hủ đó là tại cụ chỉ đọc lấy mấy câu cử-nghiệp thời-văn. Song đó là tôi nói chung về sự tranh-giành trong các học-phái, chứ học-giới nước nhà ta ngày nay có gì là hai phái đâu. Nay, cụ với thầy phải biết : Tồ-tôn ta học đạo Khổng Mạnh, trải mấy ngàn năm, đã gây nên một cái xã-hội có luân-lý, đã dành lại một cái lịch-sử rất quang-vinh, cho đến ngày nay, bốn biển giao-thông, học-giới càng ngày càng mở rộng, cụ kia chưa đủ, tân mới thêm vào, cụ đề bảo-thủ lấy nền nếp cha ông, tân đề tiến-thủ với phong-trào thời - thế, tân tân cụ cụ, hợp nẻo chung đường, để diu-dắt con Lạc cháu Hồng lên trên vũ-đài thiên-diễn. Cái nhà Nho-học ta đó, có trái mưa Âu gió Mỹ, cơ-sở mới vững bền ; mà hạt giống văn-minh kia, phải có cội đức cành non, hoa quả mới tươi tốt. Cho nên bây giờ những nhà chân-chính cụ-học, thường hay ra tân, mà những nhà tân - học đại - gia, thường hay chuộng cụ. . . »

Ký-giả nói chữa hết lời, đồng-hồ đã đỡ hai tiếng. Vội vàng cùng cụ Viên và thầy Giáp bước lên xe hơi. Rồi đó trong mấy dặm trường, tiếng gió thổi, tiếng chim kêu, làm cho ba người chúng tôi nhìn nhau chỉ những mỉm cười, chuyện trò không được. Chỉ nhớ lúc đến Quảng-ngãi tôi đưa thầy Giáp và lúc đến Bình-dịnh tôi đưa cụ Viên, mỗi người chỉ được mỗi câu rằng : Thầy đi đâu chớ vội nói tân, mà cụ về nhà học thêm lấy cụ.

VÕ LIÊM-SƠN
Giáo-học (Huế).

TÌEU - THUYẾT CỔ

LINH - NAM DẠT - SỬ (1)

嶺南逸史

XVII

HỒI THỨ XVIII

*Trương Qui-Nhi cải nam-trang lánh
[nan,
Bàn Bả-lồng truyền thư - tin đến nơi.*

Lý công - chúa thấy Phùng - Ngọc thường nghĩ thương nhớ đến Trương Qui-Nhi, bèn khuyên sai người đến thôn Mai-hoa thăm hỏi. Nào hay đâu Trương Qui-Nhi đã thăm dò đến nhà Phùng - Ngọc ở đã hơn một năm. Nguyên khi trước Trương thái-công cùng với Phùng-Ngọc đi chơi La-phù, gặp ông Hoàng sơn-nhân tặng cho một câu thơ có ý-từ không được tốt-lành, sợ trong nhà xây ra có sự gì chẳng, liền từ-biệt Phùng-Ngọc trở về nhà, thấy trong nhà vợ con vẫn bình-yên vô-sự mới đành lòng; liêu-tưởng Phùng-Ngọc đi Tùng-hóa vắng-phản chỉ độ một hai tháng là tất trở về; bèn cho đi tìm một thầy tinh nghề xem ngày là Lý Lão-Toàn, nhờ xem trước hộ cho ngày thiên-di cát-nhật, chỉ chực đợi Phùng-Ngọc trở về, thì cùng dọn về ở Trinh-hương. Tháng ngày thăm-thoát, hết hè sang thu, không ngờ đã đến tháng bảy, mà Phùng-Ngọc vẫn chưa thấy trở về. Trương thái-công trong bụng nghi-hoặc có ý lo, cứ mỗi khi buổi cơm sáng xong, thì đi ra ngoài cửa đầu làng trông ngóng, cứ thế mãi đến hơn một tháng. Một hôm, mặt trời đã chiều, đợi ngóng mãi không thấy, toan chống gậy trở ra về, nhác trông đằng xa thấy có một người cười ngửa

đi lại; trong bụng nghĩ thầm cả nhà mà rằng: « Người đi lại đó dễ thường Hoàng-lang đấy chẳng? » Mắt già nhàn nhèm, tựa gậy bên vai, xoa mắt nhìn; khi người ấy đến gần mà rằng:

— Tôi trông vẫn tưởng là ai, có phải Trương tiên-sinh đấy không? Chiều rồi mà còn đứng đợi ai đó

Trương thái-công nhập-nhoang mới trông nhận ra là Diệp tú-tà ở bên xóm tây, bèn cũng qua-loa đáp lại mấy lời, rồi buồn-bã thủng - thủng bước lần về, thời thấy bà vợ là Long-thị đứng chờ ở cửa gắt lên mà rằng:

— Hoàng-lang trở về thì tự-khắc là về đến trong nhà này; nếu chưa về đến nơi, thời đâu ông đứng công làng đợi trông thủng mắt ra cũng chẳng về; ông nay tuổi-tác già-cả, nếu cứ lồm-khộm ra ngoài ấy, ngộ xảy chân ngã quay ra đấy, thời chả làm hại cho thân già này lắm ư!

Trương thái-công nói:

— Ta không phải là không biết thế, chỉ nghĩ rằng Hoàng-lang khi từ-biệt ta, ý hẳn cũng nóng muốn trở về, nay sao đã quá-kỳ rồi mà không về, nên ta lấy làm nghi-ngại dưới mấy gót

Long-thị nói:

— Tôi nghe người nói lại, ông tiên-sinh được mấy đùm ở quê đi về cả, hoặc-giả có sự người nào, phải ở lại đó để giúp xem, cũng biết chừng. Ông cứ ở trong nhà,

ấy cũng
ả tin

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

cửa mà đợi anh ta, cần gì phải cứ
lọm-kh... ra ngoài cửa làng trông
rày... tối đêm tối mò, để cho
họ... thay chớ ông nữa.

Trương thái-công nói :
... ỏi thế cũng phải.

Đoạt... giờ Trương thái-công không
... cửa làng nữa, chỉ ở nhà mong
... tháng như tên, thoi đưa
... vụt cái đã hết đông sang
... đầu năm mới. Từ khi sang
... không ngày nào là không
... Trương thái-công ngồi
... yên, rất là buồn - bã. Vậy

*Thêm thánh-thốt mấy đêm qua,
Buồn bực ai hay biết đó mà.
Bóng nọn tuyết vờ non biển cách,
Tờ ngư nhả-nhủ nước mây xa.
Lạnh-lùng bên trướng cơn giông giạt,
Tâm-tã cảnh tiêu giọt nước sa.
Đêm ấy đêm nào trời tối mit,
Chiêm bao non nước biết đâu là !*

Đến đầu tháng ba, mưa dầm mới
tạnh. Trương thái-công lại muốn ra
đầu làng để trông ngóng, Long-thị
ngăn giữ lại ; Trương thái-công phải
ngồi ở nhà buồn bực một mình, mãi
đến khi chiều hôm, trời lại phơi-phới
lưu-phun đổ mưa xuống, Trương thái-
công buồn bã không muốn ăn cơm
chiều nữa, bèn cứ để cả áo đi nằm
ngủ, chùng đến trổng canh hai, vụt
nghe thấy tiếng reo, vô-số quân giặc ở
đâu kéo... gay vào nhà. Khi ấy
... thân vì nhà dột chảy
... ong trở dậy kêu
... nghe thấy tiếng reo
... cầm ngay lấy bọc
... cửa buồng, rồi mở
... May khi ấy trời tối
... đi không ai biết,
... chạy vòng ra đằng sau nhà,
... nghĩ gì chân giầy yếu-ớt, cứ
... bước đi liêu, chạy ra đến

chân núi, cố leo lên sườn núi, ngoảnh
đầu lại trông thì thấy trong nhà khói
lửa bốc lên ngùn-ngụt ngất trời. Lại
sợ rằng có quân giặc đuổi theo, bèn
cứ theo ven núi mà chạy, chẳng còn
kịp đề-phòng gì cả, thế nào vấp ngã
một cái lăn ngay xuống cái hố đất, đau
không thể nhin được phải đành nằm
phục ở đấy không dám thở nữa. Đợi
đến trời sáng rõ, nằng mới vin mây
rẽ cỏ, cố leo lên ; đôi giầy đi không
biết rơi chỗ nào mất, phải đi chân
không lặn xuống núi, trông theo rừng
mai mà bước lặn về. Khi về đến nhà
chỉ kêu trời là khổ, bao nhiêu nhà
cửa buồng the đều bị đốt sạch ra tro
cả ; chỉ còn gian buồng bên tả đồ sạt
xuống còn chưa cháy hết, Quý-Nhi
vào đề bọc áo ở đó, phục xuống đất
mà khóc thương-thảm. Nếu Quý-Nhi
không phải là người con gái lanh-lợi,
gặp cơn đại-nạn này có khi đến linh-
đinh lưu-lạc mà chết oan. Quý-Nhi
mới nghĩ rằng : Bây giờ cha mẹ
không biết còn hay mất đường nào,
hai anh thì ở xa, cấp-bách không thể
thông tin-tức ngay được ; còn Hoàng-
lang thì phụ-ước không thấy đến, mà
ở gần đây thì không có bà-con họ hàng
nào có thể tạm ở nhờ được, một mình
biết nghĩ sao bây giờ, nghĩ quanh nghĩ
quẩn không biết nghĩ kế sao ; bèn phải
nhịn khóc đứng dậy đi quanh chỗ tro
tàn khói lửa, thời chỉ thấy cột tàn sà
cháy, đầy đất ngùn-ngang ; bếp đồ khói
xông, không còn gì cả ; trong lòng
bâng-khuâng thê-thảm, lại khóc một
hồi ; rồi nằng nhặt lấy cái áo cháy dở
dem bọc vào chân cho đỡ đau, rồi tay
xách bọc áo, định bụng muốn đi ra đằng
trước làng tìm lấy một nhà vào nghỉ
chân rồi sẽ hay. Khi đi qua đến một
cái hố nhỏ ở bên rào, nghe thấy có
tiếng kêu rên-rĩ, nằng bèn tới gần
nhìn xem, thấy một người nằm phục
ở trong hố, vội-vàng đỡ dậy xem thòi
là con thị-tì xấu-xí của nhà mình tên

là Tiêu-Thanh. Khi dương đêm phải quân giặc nó đánh cho ngã lẩn xuống hố, may không bị trọng-thương nên không đến nỗi chết; chỉ là đầy mình bùn nước ướt-át, rét cứng người ra nói không ra hơi. Qui-Nhi vội-vàng đưa đến chỗ buồng đồ, tìm được cái ghế cụt chân để cho con thị-li ngồi, toan muốn lột bộ áo của mình ra để thay bộ áo ướt cho nó; cúi đầu xem ra thì bộ áo mình mặc lại bùn lấm bằng mấy áo nó. Trông ra trên nền nhà thì hãy còn khói lửa chưa tắt; nàng bèn đi nhặt những đầu dui đầu gỗ cháy còn dở dang, chất lại ở trong phòng, thổi lửa lên đốt, rồi đỡ Tiêu-Thanh đến bên đồng lửa sưởi một lúc; lửa nóng hơi-dương, Tiêu-thanh mới hơi mềm lưỡi khóc oà lên mà rằng:

— Cô ơi! Ông, bà đều phải giặc bắt đi mất cả rồi, làm thế nào được bây giờ đây!

Qui-Nhi nghe nói cũng cả khóc. Dương đêm hôm ấy, hai người phải nhịn đói, ngồi sưởi đến nửa đêm, lửa đã gần tắt, trong mình đã thấy lạnh-lạnh, trong bụng lại càng sợ hãi, không dám đi ra tìm nhặt củi nữa, nhưng lạnh không thể chịu được, chợt nghĩ ra rằng: hiện có bọc áo ở đây, nay không giở ra mặc còn để làm gì nữa. Nàng nghĩ rồi bèn bảo Tiêu-Thanh thổi lửa sáng lên. Tự mình thì mở bọc áo ra xem, lại chỉ kêu khổ mà thôi. Nguyên là từ khi Phùng-Ngọc đi khỏi, Qui-Nhi bèn lấy tấm vải cát-bá mềm-mại lượng phồng-chùng thâu-thể Phùng-Ngọc may thành bộ áo mặc mát, và sắm khăn lụa, giày nhung, tất lụa, mỗi thứ một đôi; lại lấy cả cái khăn lụa của Phùng-Ngọc tự Trình-hương đem đến làm sinh-nghi gói cả vào trong bọc ấy, đợi khi Phùng-Ngọc trở về thì lấy cho Phùng-Ngọc mặc. Vì đêm hôm ấy trong bụng hoảng-hốt vội vàng cầm ngay cái bọc ấy đi, nên bây giờ giở ra thấy toàn đồ nam-trang cả,

chỉ kêu là khổ. Nàng lo nghĩ rằng: Ta là con gái nhân-giấy, người ta, nếu một... sợ có khi sống lỡ cá... gi, thời tinh-mệnh ta cũng... gi bằng ta đem quách như... hột nữ-trang này bán đi... lộ-phí; rồi thì ta lấy ngả... sống-áo này mặc cái làm... tìm đến nhà Hoàng-lang ở... chồng, đợi khi Hoàng-bà... sẽ bán-tinh để báo-thù... đã định như thế, rồi đợi... đem xút cả vòng hột ra, ... ki-ăn áo may cho Ph... mặc vào mình; lại xé... bọc vào gót chân cho to... mặc bít-tất đi giày nhung, bèn chạy đến bên giếng soi xem, cười th... rằng:

— Ăn mặc thế này mới ng... chứ!

Tiêu-Thanh trông Qui-Nhi bấy giống như một người con trai đẹp, cười mà rằng:

— Có mặc áo như thế này, thật là giống Hoàng-lang như hột!

Qui-Nhi răn bảo rằng:

— Từ rầy đừng gọi ta là cô, hỏi cứ xưng là cậu tôi, nhớ nhé.

Qui-Nhi dặn bảo xong, liền Tiêu-Thanh dẫn đường đi ra chợ, thấy những cư-dân dòi bên phải giặc tàn-phá, tiếng khóc ý-êu đến chợ đem đồ... bán đi được h... với mấy gót... phố hàng áo...

một bộ áo quối lại, ... khuất-vàng, ... làm đũa hầu... để cho nó gánh... hỏi thăm được đ... rồi đi ra bến sông, ... về Trình-hương mà đi... giang lên bờ, cứ dần-dà... đi, đi mãi đến nơi núi cao rừng...

khi Phùng-Ngọc vào ngủ trọ, nào là thi-phép cứu-nạn, đính-trước kết-hôn, cho đến lúc nhà Qui-Nhi bị cướp, nên phải cải nam-trang đi tìm Phùng-Ngọc, đầu đuôi thế nào nói rõ hết cả; lại giờ ở bên mình lấy ra cái khăn thêu gấm là của tin sinh-lễ của Phùng-Ngọc đưa ra trình, rồi cứ nắm lấy gấu áo Sa-thị cất tiếng khóc òa lên. Vợ chồng Tư-trai xem thấy khăn thêu vừa kinh vừa mừng, vội đỡ Qui-Nhi dậy mà rằng :

— Đã là dâu nhà ta, thì con cứ đứng dậy vào trong này thay áo đi để tương-kiến.

Sa-thị liền dắt tay Qui-Nhi đưa vào trong phòng, lấy đồ thủ-sức và quần áo đưa cho Qui-Nhi cải-trang; rồi nàng mời ông bà lên ngồi, để cho nàng vào bái-kiến, lại gọi Tiểu-Thanh vào khấu-đầu yết-kiến. Vợ chồng Tư-trai trông thấy Qui-Nhi nét mặt khuôn trắng, lông mày chữ bát, cử-chỉ đoan-trang, nói năng nhuần - nhã, lấy làm mừng lắm mà rằng :

— Ủ, thế mới thực là dâu con ta thực ! Mừng cho dâu ta đi được đến nhà mà bảo-toàn vô-sự; nay con đi đường nhọc mệt, hãy đi nghỉ ngơi; việc nhà lỡ ra thế này, con nên ngồi bết lòng thương đau đi, để đợi con ta là Phùng-Ngọc nó về, rồi sẽ sai người đến trại Hỏa-đái thám-thính xem cha mẹ con có khỏi bị-hại không, nếu chưa việc gì, rồi sẽ tìm phương giải-cứ.

Sa-thị liền gọi ả Hoàn đi quét dọn một phòng riêng để cho cô dâu mới nghỉ-ngơi. Từ bấy giờ Qui-Nhi sớm tối vẫn-an, ra vào thị-thiện, giữ trọn đạo làm dâu. Hai ông bà cả mừng. Một đêm kia, Tư-trai thức dậy đi ngoài, đi qua ngoài phòng Qui-Nhi, nghe thấy Qui-Nhi ở trong buồng khóc xi-xụt. Ngày hôm sau, sẽ cho gọi Tiểu-Thanh ra hỏi rằng :

— Dâu ta đêm qua cứ sao mà khóc vậy ?

Tiểu-Thanh rõ nước mắt và thưa rằng :

— Cô tôi thương ông ^{gầy} phải tai-vạ này, không b ^{bia} đường nào; đêm nào cũng khóc ^{khóc} chớ không những đêm hôm qua; như chỉ sợ ông bà biết, nên không da khóc to mà thôi.

Tư-trai nghe nói, nghĩ bùi-người khôn vui, rồi cùng bàn với Sa-thị mà rằng :

— Con dâu nó hễ lúc nào ^{ta} tôi với bà thì vui vẻ tưng ^{ta} tưởng nó nghe lời ta khuyên-gi ^{ta} bớt đoạn khổ-tình đi. Ai ngờ ^{ta} mặt tôi với bà, đêm nào nó cũ ^{ta} người ta được bao nhiêu tình-t ^{ta} thương khóc mãi như thế thì oan ^{ta} bà nên gọi nó ra đây, để ta khuyên-giải nó mới được.

Sa-thị bèn vào phòng đưa Qui-Nhi ra. Tư-trai bảo rằng :

— Con nên thuận cảnh biến bớt lòng thương đi, hãy đợi con ta ít bữa. Nếu nó mà không về, cha sẽ sai người đến Tùng-hóa cho gọi nó về; và sai người đến trại Hỏa-đái thám-thính tin-tức ông bà thân-gia, xem cát hung thế nào cho biết đích-thực để bảo cho con hay. Nếu con cứ đêm nào cũng khóc, thì cha còn mong gì nữa, con nên bớt thương đi.

Qui-Nhi thưa :

— Con có thương khóc gì đâu, xin cha chớ lo nghĩ.

Tư-trai thấy con dâu ^{hiền-thảo} trong bụng vẫn lấy là ^{khôn} ngày tựa cửa mỗi ^{ngà} dưới mấy ^{lót} người tựa cửa hờ ^{trăm} nổi dùi-mài rồi lại, ^{không}

Một hôm buổi sáng ^{đi} qua, đậu ở cây trước ^{tiếng} Tiêng. Tư-trai liền ^{nhìn} xem, cả mừng mà rằng ^{chỉ}

— Hôm nay con ta tất trở ^{đến}

Tư-trai đợi đến hồi gần ^{đến} ^{đội} nón lá bước ra cửa làng, đứng đợi

một hồ nước, chợt thấy một người to-lớn
 đeo 20 vạn m bỏ ra đằng sau lưng,
 tay le, q một con dao lưng; trông
 họ 10-thế an sa
 thì đã đi đến trước cửa làng.
 đứng lại có hai người lực-luỡng,
 hai cái bao lớn đi theo, mờ-hỏi
 nhại, trông thấy Tur-trai giơ tay
 mà rằng :

Dám thưa hỏi cụ, đây tới thôn
 Đào-hoa chừng độ bao đường đất nữa?
 nói :

đều ở làng ấy ở trước kia rồi.
 vị Ngươn ấy cả mừng mà rằng :

Đi tìm đến nơi rồi,
 trai thấy ba người ấy hỏi thăm
 vào trong làng, lấy làm lạ thường,
 trong bụng kinh-ngạc, bèn chấp tay mà
 hỏi rằng :

— Chẳng hay ba thầy hỏi thăm vào
 thôn Đào-hoa có việc gì vậy ?

Người to-lớn ấy thưa rằng :

— Lũ chúng tôi phụng-mệnh chủ-
 trại tôi và công-chúa đến đưa tờ gia-
 thư về cho ông cụ bà cụ.

Tur-trai nói :

— Chẳng hay chủ-trại với công-
 chúa nào vậy ? thôn Đào-hoa này có
 người ấy bao giờ !

Người to-lớn ấy nói :

— Chủ-trại tôi tên là Hoàng Phùng-
 Ngọc, mà ông cụ thân-sinh là Tur-trai
 Hoàng thái-công, chủ-trại tôi có nói
 cả qu gọi là đường-sá, sao lại

phườn lại càng kinh-
 này tự thôn Mai-

ông ?

ng nói :
 khác
 phải, chúng tôi tự trại
 lại đây.

Tur-trai lại càng lấy làm kinh-ngạc.

Người to-lớn ấy thấy Tur-trai cứ hỏi
 gặn mãi, bèn hỏi lại rằng :

— Chẳng hay cụ có biết cụ Hoàng
 thái-công không ?

Tur-trai nói :

— Chính là lão-phu đây.

Người to-lớn ấy nghe nói cả mừng,
 liền quí xuống khấu-đầu. Tur-trai vội-
 vàng đỡ dậy đưa về thảo-đường.
 Những người to-lớn ấy bèn cỡi bỏ nón
 rơm và dao lưng ra, mời Tur-trai lên
 ngồi để bái-kiến.

Tur-trai không chịu lên ngồi, ba
 người đều quí xuống lay rập đầu, rồi
 trở dậy bụng tay đứng ra một bèn
 cúi mình mà bảm rằng :

— Tiểu - tướng tên là Bàn Vi-Liên
 phụng - mệnh chủ-trại tôi và công-
 chúa đem thư về để dâng cụ ông cụ bà,
 và dặn bảo tiểu-tướng cứ lưu ở lại
 đây, đợi chủ tôi trở về, sẽ cùng đón
 cụ ông cụ bà đến trại Gia-quế để phụng-
 dưỡng.

Nói rồi liền mở bao-phục lấy cái
 thư của Phùng-Ngọc và của công-chúa
 ra dâng lên. Tur-trai mở thư ra xem,
 nét mặt buồn rầu, dặn người nhà đem
 pha chè ra tiếp-dãi, rồi cầm thư vào
 nhà trong bàn với Sa-thị mà rằng :

— Thằng cầu-trệ này, lại đi đến
 trại Gia-quế lấy Lý công-chúa ; nếu
 con cháu nó nghe tiếng lại thêm uất
 lên, thì làm thế nào ?

Sa-thị hỏi :

— Chẳng hay Lý công-chúa là người
 nào vậy ?

Tur-trai nói :

— Là con gái Lý Cương là chúa
 mansion trại Gia-quế, khi Cương chết vô-
 tự, chúng mới lập lên làm chủ-trại ;
 mấy năm trước đã qui-hàng triều-
 đình, được phong làm Kim-hoa công-
 chúa, có tinh-binh đến hai mươi vạn,
 dũng-tướng được hơn trăm viên. Nàng

cũng có thư đưa cho tôi với bà, nói rằng còn đợi Phùng-Ngọc đến thăm có ở châu Đức-khánh trở về, rồi cùng moi tôi với bà và cả nhà Trương thân-gia đến trại Gia-quế để phụng-dưỡng; nay trước sai một viên tiểu-tướng, đem dâng đồ cam-chỉ và 200 lạng bạc, cùng hai bộ áo nhiều đại-hồng đưa về dâng biểu. Đó tuy là ý tốt, nhưng ta nghĩ con cháu nó gặp phải tai-nạn, thiên-tân vạn-khổ mới tìm về được đến nhà ta, vợ chồng đã chưa được gặp nhau, nay lại chợt nghe thấy tin này, có khi uất lên chết mất!

Sa-thị nghe nói cũng buồn-ngùi không vui. Ngờ đâu Quý-Nhi cũng nghe tiếng, nét mặt tươi cười, chạy lại trước mà thưa rằng:

— Con nghe Hoàng-lang có thư đưa về đó, xin ông cho con xem với.

Tư-trai thấy con cháu đòi xem thư, không lẽ không cho, bèn thở dài mà rằng:

— Thằng bất-tiểu này, trước đã làm lỡ con, nay lại bậy-bà làm càn, con cứ coi mặt vợ chồng ta này, đừng có tức khi những quân ấy làm gì.

Nói rồi bèn cầm thư đưa cho Quý-Nhi xem. Quý-Nhi cả mừng mà rằng:

— Thưa ông, cái thù của con có thể báo được rồi.

Tư-trai liền hỏi rằng:

— Sao con lại biết được?

Quý-Nhi thưa:

— Quân giặc Hoả-dải cùng với quân giặc Nam-lĩnh Sai-dầu cùng ý-giốc với nhau, hung-hãn dị-thường, nào là bắt quan-lại, cướp châu huyện, đào mồ cuốc mả, hiếp gái bắt trai, giết-giác nhân-dân, phôi thầy đồng-nội. Phạm bác-tình người nào bị bắt đem về trại tươi lấy dây xô lỗ mũi, buộc căng chân, treo ngược lên sà nhà, bắt ép phải viết thư nhắn về thân-thích người nhà đem bạc đến chuộc, đưa đến nghìn bạc, lại

đòi vạn bạc, cho nên một người bị bắt không còn thể sống được nữa. Cha mẹ tôi đều gần bảy mươi tuổi, chịu được những nỗi đắng cay, nếu phải bắt đến trại Hoả-là chết mất rồi; nay muốn báo-thù cho cha mẹ, không có binh cường tướng mạnh không xong. Tuy rằng Hoàng-lang có văn-vũ toàn-tài, song thủ-võ thốn-thiết thì làm trò gì được, nên con vẫn lấy làm lo. Nay may được Lý-công-chúa có binh như thế, trước thể, lại cùng với Hoàng-lang ý-hợp đầu; nếu nhờ Hoàng-lang nói hộ thời nàng không lẽ nào lại không có quân lên, vì con mà trừ kẻ tàn-tật, mong Hoàng-lang nói sớm hộ cho hay lắm, sớm ra thì thầy hai cha mẹ tôi may còn nhận được; nếu để chậm thì xương rã ra đầy núi, không thể nào nhận được.

Quý-Nhi nói rồi, nước mắt chảy ra đầm-đìa. Tư-trai nói úy-lạo mà rằng:

— Con có cái độ-lượng như thế và có cái kiến-thức như thế, cha không bằng được. Và con có hiếu-tâm như thế, thiên-thần ắt là bảo-hộ, chắc rằng thân-ông thân-bà không đến nỗi như mọi người bị-nạn đâu, con chớ lo ngại. Ta tính ra Phùng-Ngọc từ hồi tháng tư đến núi Đại-bám, ước chừng tháng bảy tháng tám, tất là về đến nhà này, khi về nhà sẽ lại sai đến thỉnh-bình trại Gia-quế, phỏng chừng về hồi tháng mười, tất là phá tan được quân giặc Hoả-dải, cứu được ông bà thân-gia về; con cứ khoan-tả không ngại.

Quý-Nhi gạt nước mắt dưới mấy giọt. Tư-trai liền gọi người

khoan-dãi ba thầy nói lại, không cho thu lấy lễ-vật, để chờ Bả-tông ở một nơi. Người này cũng rằng Phùng-Ngọc lại phải đến trại Thiên-mã còn chuyện ngăn-trở không thể được. Ngày qua tháng lại, tháng đã đến tháng chạp gần hết năm,

giu... tàn, sương mù đất khách,
 20 và... Phùng-Ngọc chẳng thấy
 10-thể... cả. Làm cho Quí-Nhi buồn-
 hờ... được mình gầy, bụng rối như bông-
 10... bông. Lại nghĩ cha mẹ chồng tuổi già
 10... bình yếu, sợ lo nghĩ quá mà sinh ra đau
 10... yếu thì làm thế nào. Vậy nên nàng dâu
 10... hôn rầu mà bề ngoài vẫn phải tươi cười,
 10... để yên lòng cha mẹ. Nhưng hễ đến đêm
 10... khuya thì lại phục gối xùi-xụt, giọt ngấn
 10... giọt, huyết-lệ thấm-hoén cả gối
 10... u dớn không thể sao người
 10... được, nên cũng thường ký-thác ngâm-
 10... vị để tả lòng bi-ai. Những thơ nàng
 10... toàn là giọng bi-ai thể-thảm như
 10... hót ve ngâm, nghe ra càng thêm
 10... nhiều-não, không thể kể hết được. Xin
 10... dịch thử một bài như sau này :

*Giác mộng canh tàn sực tỉnh ra,
 Nàng Oanh ngâm thử thẹn cho ta.
 Thân thân chưa-xót khan lời khóc,
 Cảm cảnh tan-hoang cực nỗi nhà.*

*Nguyệt chéch bên rèm vơ-vẩn bóng,
 Gió lùa trước cửa lạnh-lùng hoa.
 Thù kia chữa báo khôn người giận,
 Giọt lệ tuôn rơi giọt máu sa.*

Thấm - thoát đông tàn xuân tới,
 phong-cảnh trêu người. Quí-Nhi vì lo
 nghĩ uất-phấn đã lâu, mới biến thành
 ra chứng tâm-thống, lúc mới còn có
 thể gượng được, sau dần dần không
 thể nhịn được, ngày đêm rên-rĩ. Vợ
 chồng Tư-traí cả sợ, vợ-vàng đón
 thầy thuốc đến điều-trị. Song thuốc
 bõc chẳng qua mấy vị : Trúc - hoàng,
 Xuyên-bối, Liên-kiều, Ngưu-bàng, thuốc
 bõc chẳng ăn thua gì cả, nên bệnh càng
 ngày càng trầm-trọng. Một hôm, nàng
 trở dậy sớm rửa tay, chợt hét lên một
 tiếng: «Chết tôi rồi!» Ngã lăn ngay ra
 đất, bất-linh nhân-sự, không biết sống
 chết đường nào.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU NGUYỄN HỮU-TIẾN dịch

Cách-ngôn

Người ta sinh ra ở đời, thiết-thời nhất là những người không được nghe những sự lỗi và không biết xấu hổ. Phải biết xấu hổ, thời mới có thể dạy được; thường được nghe sự lỗi, thời mới có thể khôn lên được.

CHU LIÊM-KUÊ

Có sự lỗi mà không biết đổi đi cho mau là cái sự lo chung của loài người. Song-
 le đời bây giờ lại có một phái nghị-luận riêng, cho những người biết quý mình giữ
 mình là kẻ lão-thành, là kẻ tri-thủ, là kẻ thâm-thậ; cho những người hay nghe
 người theo người là kẻ khinh-suất, là kẻ cuồng-vọng, là kẻ không biết tri-thủ.

Nhưng ở đời, chỉ nên bàn lấy lẽ phải lẽ trái mà thôi; nếu những
 hành của mình mà trái, thì há lại chẳng nên đổi mau đi ư; nếu những
 hành của mình mà phải, thì nhất-định không đổi, lại còn phải bàn
 làm gì nữa.

LỤC CỬ-UYÊN

Chinh. — Bài khảo-luận về cách hài-văn trong kỳ 63, trang thứ 280,
 thứ 9, chữ *cả-cười* là lầm, nay đổi là chữ *mỉm-cười*.

TRIẾT-HỌC TIỂU-THUYẾT

CỎ - LIÊN NỮ - SĨ (1)

(Corinne ou l'Italie)

CHƯƠNG THỨ III

Khi hoàng-thân Cát-tanh-phô vừa nói xong thì Cỏ-Liên-nữ-sĩ đứng dậy sẽ gặt đầu đề cảm-tạ hoàng-thân. Cử-tọa đều biết rằng cái gặt đầu ấy có ngụ cái ý khiêm-tốn và cái vẻ vui-mừng. Nhà thi-sĩ nào mà được tướng-lệ ở Ca-bi-tôn-tự thì cỡ-lệ là phải ứng-khẩu hoặc đọc lên một bài thơ, trước khi quan nguyên - lão đề cho cái huy - chương lên đầu. Cỏ-Liên bảo người đưa cho cái đàn cầm là thứ âm - nhạc nàng thường ưa thích. Lúc cầm lấy cái đàn nàng có ý bẽn-lẽn, sau nàng cất tiếng có ý run-run, hỏi cử-tọa cái đầu - đề. Cử-tọa đều đồng-thanh mà rằng: « Nói về sự vinh - quang và cái hạnh - phúc nước I-ta-li ! » Nàng đã sẵn có thiên-tài, nên cử-tọa vừa nói vậy nàng cất tiếng đáp lại ngay : Xin vâng, cái đầu đề : « Sự vinh-quang và cái hạnh-phúc nước I-ta-li » thì rất là đích - đáng ! »

Vì tấm lòng yêu nước nên nàng xuất-khẩu lên những câu thơ cảm-động, hùng-hồn, diễn ra tản-văn tưởng cái hay, cái thú trong thơ mười phần không được một.

NHỮNG CÂU VĂN TUYỆT-PHẨM MÀ CỎ-LIÊN NỮ-SĨ ĐỌC XUẤT-KHẨU Ở CA-BI-TÔN-TỰ (2).

« I-ta-li, người là một nước văn-minh nhất thế-giới, người là nguồn-gốc của văn-minh, ta chào người. Vì hùng-binh cùng mỹ - thuật của người

mà biết bao nhiêu lần người đã đầu nhân-loại !

« Kinh-thành Rôm lấy thiên-tài mà thu-phục thế-giới. Cái tinh-tinh của chúng nước này tầm-nhuộm cả thế-giới. Khi xưa nước I-gân quân rợ tàn - phá thì thế - gi cũ vì vậy mà bị tối mờ.

« Đến khi nước I-ta-li phục thì trong tim đất thấy biết bao khổ của người Gờ-rét khi xưa để lại. Đức thượng-đế cũng chỉ bảo cho những luật-pháp mà theo. Tinh dũng-cảm của nhân-dân trong nước tìm ra được một cái bán-cầu mới. Không những thế mà thôi, nước I-ta-li lại có cái tư-tưởng cao-thượng hơn các nước nhiều.

« Trước kia nước I-ta-li mất trí tưởng-tượng thì lại được vũ-trụ hoàn lại cho. Những nhà danh-họa, những tay thi-sĩ sản cho nước I-ta-li một cõi đất, ngọn núi Olympe, địa-ngục và thiên-đường. Ngọn lửa thần làm cho nước I-ta-li có vẻ hoạt-động thì có thiên-tài của toàn-quốc giữ lấy, chứ không phải là thần-lửa trông coi.

« Làm sao kẻ tiện-nữ này lại dươ vào Ca-bi-tôn tự này ? làm sao trái đê-hèn này lại sắp đ không cái m triều-thiên mà khi xg dưới mấy gót sinh đội và nay h?

tùng trước mộ Ta
« Nước I-ta-li, nhờ
là nhờ cái thiên

(1) Xem Nam-Phong, số 61, 62.

(2) Nguyên-văn đoạn này nhiều chỗ khuất-khúc, uyên-thâm lắm, dịch chý cũng tây ra tiếng An-Nam thì khô-độc mà dịch cho thoát ra tiếng ta thì lại mất nguyên-văn. Các bạn đọc-giả lượng xét.

Dante. Nhà thi-sĩ này chỉ lúc nào cũng
sốt-sốt cái chủ-nghĩa dân-quyền.
Tray le... tiên-sinh có tài về thơ
hệ... lại còn thao-lược kinh-
Tư... hồn tiên-sinh có cái sức
quét-động mạnh hơn sức hoạt-động
của người còn sống ngày nay.

Tiên-sinh bị tội đi đày thì người
trời rằng tiên-sinh mang cả cái sầu-
ngậm-ngậm trong tâm-can tiên-
sinh, hững miềm tưởng-tượng. Hồn
trời muốn biết những tin
về tiên-sinh-kể người đời cùng cuộc
đời của tổ-quốc tiên-sinh, thì địa-
chữ hiển cho tiên-sinh biết những
quái-ái của cái cảnh đi đày mà thôi.

Không phải cái giới-hạn của chí
tiên-sinh, chính là cái mãnh-lực của
linh-hồn tiên-sinh nó thu vũ-trụ vào
trong cái vòng tư-tưởng của tiên-sinh.
Vì vậy nên mắt tiên-sinh trông vật gì
cũng thấy có bao-bọc cái vẻ y-phục của
nhân-dân thành Florence khixưa. Tiên-
sinh rung-động chiếu-hồn những người
đề chết từ thượng-cổ thì những cái linh-
hồn này cũng hình như phục-sinh lại
được.

Sự luân-chuyển của thần dẫn tiên-
sinh từ nơi địa-ngục đến chốn luyện-
ngục từ chốn luyện - ngục đến Thiên-
đường; tiên-sinh là một nhà sử-học
mên đã đem biết bao những ánh sáng ra
những miền ám tối. Cái cõi đời mới mà
tiên-sinh sáng-tạo ra trong những thi-ca
của tiên - sinh thì hoàn-toàn, vui-vẻ
là... mới phát-hiện ra
m...

... nói là vật gì
... tự đổi ra thi-ca ;
... luật-pháp đều
... tiên-cảnh ; nhưng
... của sự tưởng-tượng
... Thiên-đàng hào-quang chói
... định chứa chan, ái-tình cao-
... tự-nhiên tiêu-diệt.

« Những lời nói quỷ-thuật của tiên-
sinh là cái tam-lăng-kính của vũ-trụ,
những vẻ kỳ-kỳ quái-quái trong trời
đất cũng đều phản-chiếu vào đấy, đều
phân-chia ở đấy, đều tái-hợp ở đấy.

« Tiên-sinh mong rằng cuốn trường-
thi xong thì thoát được nạn bị đày,
nhưng trước khi tiên-sinh được quốc-
gia trọng-thưởng thì tiên-sinh đã vội
tị-trần. Trong cuộc đời người ta thường
có nhiều cái tai-nạn mà khi nào tới
đạt được sự vinh-quang, tới được bờ
sung-sướng thì cái mồ đã thấy đào sẵn
ở cái bờ mà người đời vừa tới. Tạo-
hóa thiên-hình vạn-trạng thường báo
cho người đời biết trước rằng đời mà
quay về sự hạnh-phúc là đời sắp đến
lúc tàn-canh.

« Đời của Tasse tiên-sinh khi xưa
cũng thế đấy. Nay những người Rô-manh
kia, ta mong rằng những việc tôn-kính
của các người làm khuấy được biết
bao những tội tàn-ác không công, mà
các người đã đối với Tasse tiên-sinh
khi trước. Tiên-sinh dung-nhan tuấn-
tú, đa-cảm, đa-sầu, hay mơ-màng những
thủ-đoạn anh-hùng. Tiên-sinh lại gần
những bức tường kia một cách tôn-
kính, biết ơn như những tay chủ-động
trong áng văn tuyệt-tác « Jérusalem »
của tiên-sinh soạn. Đến lúc quốc-gia
định đến hôm sau tưởng-thưởng tiên-
sinh, thì ngày hôm trước cái chết oan-
nghiệt nó đã đến rước tiên-sinh đi cõi
đời khác mất rồi. Thật là trời ghea với
đất.

« Pétrarque tiên-sinh cũng như là
Dante tiên-sinh đều có công to trong
nền độc-lập của nước I-ta-li. Các nơi
khác chỉ biết cái ái-tình của tiên-sinh
trong những cuốn văn thơ. Chứ như
ở đây thì biết bao những cái kỷ-niệm
nghiêm-trang làm cho thanh-danh của
tiên-sinh được đời đời ca-tụng.

« Những đêm trầm-tư mặc-tưởng
của tiên-sinh làm cho đời thượng-cổ

lại có sinh-hoạt, có ảnh-hưởng đến đời nay. Không phải rằng sự tưởng-tượng của tiên-sinh làm cho sự học uyên-thâm có điều ngăn trở, nhưng trí tưởng-tượng nay biểu-lộ được những cái bí - hiểm của cái thế-kỷ quá - khứ. Tiên - sinh chứng-minh rằng biết nhiều là dùng để phát-minh. Cái thiên-tài của tiên-sinh giống như những mãnh-lực vĩnh-viễn của tạo-hóa, nên cái tư-tưởng của tiên-sinh ứng-dụng vào đời nào cũng được.

« Khi trời tinh-khiết, khí-hậu êm đềm của nước ta làm cho Arioste tiên-sinh nảy ra cái thiên-tài vô-dịch. Thật là cái câu vòng phát-hiện ra sau những trận long trời lở đất ở nước ta : Tiên-sinh thật giống như vẻ trời đẹp để lúc bình-tĩnh. Cái tính vui của tiên - sinh là cái mỉm cười của tạo-hóa, chứ không phải là tính trào - phúng của người đời.

« Michel Ange, Raphaël, Pergolèse, Galilée, chư tiên - sinh cùng những nhà thám - hiểm can - đảm kia, các ngài cũng nên đem sự vinh - quang của các ngài mà hòa lẫn với sự vinh-quang của các nhà thi-sĩ kia ! Nay những nhà mỹ-thuật, những bậc thông-thái cùng những nhà triết-học nước nhà, các ngài cũng như các tiên-sinh kia đều là sĩ-tử của mặt trời nước này. Mặt trời nước này đã bành-trướng sự tưởng-tượng, linh-hoạt cho tư-tưởng, kích-thích lòng can-đảm cùng làm cho người đời được hưởng một sự hạnh-phúc êm-đềm.

« Nay các ngài ngoại - quốc kia ơi, các ngài có biết cõi đất này có những cây cam quanh năm hoa nở, ánh tà-dương chiếu rọi đầy không ? Các ngài có nghe thấy những thanh-âm thánh-thót làm cho ban đêm thêm vẻ êm-đềm đầy không ? Không-khí ở đây đã rất là tinh-khiết, thế mà lại lẫn cả mùi hương thơm nức, các ngài có thấy đó

không ? Cảnh-tượng nước ngoài có được ngoạn-mục như ở đây không ? Các ngài nếu thấy những câu này, thì thật là

Ở những nơi khác, khi có xảy ra trong một xứ thì dân-sự chờ tại trời; nhưng ở đây thì bao giờ chúng ta cũng thấy trời che chở, ta cũng trời mến người và rất qui-trọng người đời.

« Cảnh-tượng nước chúng ta một bước đi là chan-chứa lúa và cảnh nho bình như để đón rước một vị minh-quân chúa, lại biết bao những thảo chỉ làm cho người đời tinh-thần, chứ không hề qui-lụy làm nô-lệ người đời.

« Nhờ có tạo - hóa giúp sức nên những cuộc hành-lạc cũng có thêm vẻ thanh - tao, thật đáng là những cuộc hành-lạc của một dân-tộc như dân-tộc này. Dân - tộc này không ưa những cuộc hành-lạc bỉ-tiện, hay phung-phá. Trong nước có sản ra nhiều rượu mà người ở đây không hề dùng thái-quá và cũng ít khi dùng những mỹ-vị cao-lương. Nhân-dân lại có lòng thị-hiếu mỹ-nghệ, dè dặt lâu các ở nước mình vì xứ này có cái vẻ cổ-thời và lại có thiên-tài diễm vẻ thanh-xuân.

« Vì vậy nên ở đây linh-hồn người ta cũng như là không-khí bao-la ở mặt đất chân trời, nên thiên-tài người ta phô bày ra rất là rõ rệt vì sự mông ở đây rất là không ; nếu thiên-tài rung-động làm cho dịu-dàng tiếc một cái mục màng lại làm cho là ảo-tưởng; nếu thì đã có tạo-hóa

« Như vậy thì tay tế-độ chữa cho người đời. Ở đây dù người đón nỗi lòng mà thấu rõ tâm

ái của đức Thượng-đế thì cũng có thể yên-đĩnh được ».

Tray lạy, qữ-sĩ nói đến đây vì cử-hộ ao-thôn thanh quá nên phải ngừng thì đã đứng ở đây ai cũng có vẻ quẽ là ông vui mừng, duy chỉ có Ốc-văn trông-công là diêm-nhiên như Ốc-văn trông-công cúi đầu tha-đáng nghĩ-ngợi từ lúc Cồ-Liên nữ-sĩ nói câu : « Ở đây người ta chỉ được những nỗi khổ-tâm. » Ông trông-công vẫn cúi đầu nghĩ-ngợi. Cồ-Liên nữ-sĩ có ý nhìn và trông về ông, ông cúi đầu, y-phục, dáng người ông biết Ốc-văn là một người nước Anh. Cồ-Liên thấy Ốc-văn có đề tang và vẻ mặt ngài rầu-rầu thì lại càng chú-ý nhìn Ốc-văn. Mắt Ốc-văn lúc ấy lại trừng-trừng nhìn vào Cồ-Liên như có ý trách thãm ; Cồ-Liên biết ý định làm cho Ốc-văn khuấy sầu, nên nâng cằm lấy cái đàn gảy lên những tiếng cảm-động, để làm cho cử-toạ lặng-yên, rồi cất tiếng mà rằng :

« Thế nhưng cũng có nỗi khổ-tâm mà cảnh-vật ở nước ta cũng không thể làm khuấy đi được ; tuy vậy nhưng không có nơi nào mà những nỗi khổ-tâm ấy làm cho linh-hồn có một cái cảm-hứng êm-dềm và cao-thượng bằng ở đây.

« Ở nơi khác người sống tìm được một nơi nào thỏa lòng sở-nguyện của mình thì khó lắm ; ở đây, thì mọi vật đều đã đồ-nát, những người ở đây đều vui vẻ, những đèn đài đều sáng, những người ở đây đều đề cho linh-hồn họ được yên-đĩnh, vùng vậy thì rất nhiều người ở đây thì ngày nay kinh-thị chẳng phải là chốn quê của người chết ru !

« Tất cả những vật kỳ-lạ từ thượng-đế, đều tụ cả ở xứ này, nhất là ở các

nơi lặng-tâm. Cái đời chệnh-mảng của ta ngày nay thì đã hầu rồ-rệt, sự yên lặng của người sống là sự tôn - kính người chết ; đời người chết thì thiên-niên bất-dịch, còn đời ta thì như nước chảy hoa trôi.

« Chỉ có những người quá-khứ mới đáng sùng-bái, chỉ có các ngài mới còn tiếng tăm lừng lẫy ; cái số - phạm u-ám của ta lại làm cho thanh - danh ông cha ta càng thêm có giá - trị. Tất cả những công-trình kiệt - tác của ta ngày nay là công-trình của các ngài và chính cái thiên-tài của ta cùng là của những vị trứ-danh quá-vãng để lại.

« Có lẽ một cái phong-thú bi - hiềm của thành Rôm là điều-hòa sự trông-tượng với giấc ngủ muôn thu. Vì vậy nên ở đây nhân-dân có lòng nhẫn-nại, nếu vật gì người ta yêu giầu mà chẳng may phải phân chia thì cũng ít phần sâu-khổ. Dân-sự ở Nam - phương lấy những phẩm - sắc không u-ám như nhân - dân phương Bắc mà hình-dung cảnh tất-sinh. Vì vậy nên ngọn tà-dương ở đây cũng như sự vinh-quang chiếu nóng cả đến nơi phần-mộ.

« Ở dưới cỏi trời đẹp - đẽ này đến những nơi tha-ma mộ-địa cũng không có cái vẻ lạnh-lùng như ở các nơi khác, nên những người thường có tính dút-dắt cũng không sinh lòng sợ-hãi. Nhân-dân ở đây thường trông có hồn người chết đón chờ nên có đi từ tỉnh-thành này đến cái tỉnh-thành dưới đất kia, lối đi hình như cũng như hơi êm-dềm đôi chút.

« Vì vậy nên nỗi đau-đớn tâm-hồn cũng không kịch-liệt, cuộc sinh-hoạt thường vẫn có vẻ êm-dềm. Nhân-dân ở đây có lòng can-đảm mà hi-sinh với cảnh-vật, với cái cảnh-vật mà đấng hóa-công đã nói : những bông huệ không có tơ và sợi để dệt thành vóc nhiều thể mà ta lấy hoa huệ phủ chung quanh ta thì có bộ y-phục

tráng-lệ của vua chúa nào ngoạn-mục
cho bằng! . . . »

Ốc-văn tướng-công nghe đoạn văn
sau cùng này lấy làm khoái-chá vô-
cùng, lần này thì nổi vui-mừng của
ngài có phần rõ-rệt hơn lòng hơn-hở
của dân-chúng ở đấy nhiều. Ốc-văn
tướng-công vui mừng như thế cũng
chẳng có chi là lạ, vì đoạn diễn-văn
này có ý nói về ngài hơn là nói về
nhân-dân chốn kinh-thành.

Phần nhiều người I-ta-li đọc thơ
không có ngâm-ngã, nên khi đọc lên
làm mất cả sự cảm-động của thơ.
Nhưng Cồ-Liên nữ-sĩ lại không thế,
nữ-sĩ ngâm thơ thì hùng-hồn đống-
dã, êm-ái như ru, nghe tựa như những
tiếng bát-âm thiên-nhiên của tạo-hóa.
Cũng vì cái giọng ngâm thơ của Cồ-
Liên nên Ốc-văn tướng-công mới nảy
ra một cái cảm-giác tân-kỳ. Giọng nói
người Anh thì khuất-khúc nên cái vẻ
mĩ-lệ tự-nhiên nghe thật buồn-rầu.

Nhưng khi nào cái giọng người I-ta-
li rệu-riệp như ngày hội, đống-dã như
khúc-nhạc lúc khai-hoàn, lại khi nào
cái giọng này có vẻ vui mừng mà có
cái tiếng hùng-hồn cảm-động đọc lên
thì làm cho người ta nảy ra vô-hạn
cảm-tình. Đến cái ý-định của tạo-hóa
cũng hình như bị lằm, những ân-nghĩa
của tạo-hóa cũng hình như vô-ích,
những ân-tử của tạo-hóa ban cho
người đời cũng hình như không ai
muốn nhận. Sự dãi bày nổi khổ-tâm
của Cồ-Liên ở giữa nơi tung-bùng vui-
vẻ này làm cho người ta ngạc-nhiên
và cảm-động hơn sự đau đớn mà nàng
đã lấy cái giọng Bắc-phương đề ca-
tụng.

CHƯƠNG THỨ IV

Khi Cồ-Liên nữ-sĩ vừa nói rứt lời, thì
quan nguyên - lão cầm cái mũ triều-
thiên kết bằng hoa sim và hoa trúc-
đào, đề đặt lên đầu nữ-sĩ, thì nữ-sĩ

cất cái khăn trùm đầu rồi đi đến
nhanh-nhánh sỏ từng chũm chũm
vai. Nàng coi ra có vẻ vui vẻ
sen rón-rén đi đến gần Cồ-Liên
lão. Lần này Cồ-Liên nữ-sĩ
qui xuống để nhận lấy cái mũ triều-
thiên thì xem ra có chiều
hơn là lần trước. Nàng
có lẽ là nàng vừa chưa
biết bao là tư-tướng uyên
tấm lòng hăng-hái mới làm
chẳng biết bẽn-lẽn là chi. Bà
không phải là một người phụ-nữ
rồi, là một bà linh-mục hi-sinh thờ
thần thiên-tài vậy.

Khi quan nguyên-lão vừa đề
triều-thiên lên đầu Cồ-Liên nữ-sĩ
phương bát-âm nổi những khúc
hùng-hồn cảm-động làm cho người ta
lúc đó hăng-hái lạ thường. Tiếng
thanh-la, la-bạt lại làm cho Cồ-Liên nữ-
sĩ thêm phần cảm-động nên mắt nàng có
giọt lệ chạy quanh, nàng phải ngồi
xuống hồi lâu, lấy khăn tay che mặt, lau
nước mắt tuôn rơi. Ốc-văn tướng-công
lúc này xem ra cảm-động lạ thường.
Ngài ở đám đông người bước ra, định
đến gần Cồ-Liên nói mấy lời thì lại
ngừng lại có ý thẹn thùng. Cồ-Liên
nữ-sĩ cũng đã đề ý trông Ốc-văn tướng-
công, nhưng không lộ cho Ốc-văn được
biết. Đến khi hoàng-thần Cát-Tanh-
Pho đi lại dắt tay Cồ-Liên nữ-sĩ để đưa
nàng lên xe loan, thì nàng đi xem ra
vui mừng hơn hở, thỉnh-thoảng
cỏ lại đề trông Ốc-văn

Ốc-văn tướng-công
theo, đến lúc Cồ-Liên
xuống lại quay lại
cái mũ triều-thiên
xuống. Ốc-văn vội chạy
cái mũ triều-thiên lên đưa cho Cồ-Liên
nữ-sĩ, rồi nói mấy tiếng I-ta-li,
nói rằng tôi là kẻ chùng-sinh

đề cái mũ triều-thiên dưới chân đực
Thượng 20 vạn chữ không dám cả gan đề
tray lạy 90, q. Cồ-Liên nữ-sĩ nói mấy
hỏi 10-thôn an sát, tâm-tạ lại Ốc-văn tướng-
trị đã gọi mấy nữ-sĩ nói tiếng Anh
quả là đúng mẹo thì ngài lấy làm ngạc-
lạ vô-cùng, tấm lòng bối-rối, ngài
đi ra yên một chỗ, dựa vào tượng con
thần dưới chân thềm Ca-bi-tôn-tự.
Thần 10. Ngài để rông thấy vậy xem ra cũng
khỏi những người đi đây
đi lên xe. Đến lúc đoàn
đi này đi xa thì Ốc-văn mới tỉnh
thường.

Này Ốc-văn tướng-công mới
tôn-kính, miễn yêu Cồ-Liên
nàng như một vật kỳ - lạ trong
một xứ mà ngài muốn đi qua. Ngài
cảm-tình nhớ đến những kỷ - niệm ở
quê cha đất tổ cũng vì cái giọng nói
tiếng Anh kia. Vậy thì có phải nàng
là người nước Anh không? Hay là
nàng đã thâm-niên ở trong nước này?
Tướng-công không thể đoán ra được,
nhưng mà nói tiếng Anh được như
thế không phải chỉ nhờ riêng về sự
học, chắc là Cồ-Liên nữ-sĩ đã cùng ở
một nước với Ốc - văn tướng - công
chẳng sai. Biết đâu hai họ trước kia
lại không quen biết nhau? Mà có lẽ
Ốc-văn tướng-công đã được biết Cồ-
Liên nữ-sĩ khi còn thơ ấu. Trong tâm
trời ta thường có một cái hình-ảnh
ó làm cho người ta biết được cái vật
hà người ta mới trông lần thứ nhất.
Ốc-văn tướng-công là không yên trí rằng
đại hay mê-tin, hay
cùng ai thô-lộ
Nhà lúc Ốc-văn nghe
Cồ - Liên nữ-sĩ
thần-tự, thì ngài mới
thế là tướng làm.
ngài có thể thấy được những
khác của quê-hương và lấy
trọng biết được một cuộc
nữa mà vẫn có liên-lạc với

quá-khứ thì rồi sẽ ra thế nào. Ngài
nghĩ vợ nghĩ vẫn như thế, nên khi ngài
đi đến cái cầu Thánh-tăng lúc nào
không biết. Cầu này bắc trên con
sông Tiếp và cứ đi đến cuối cầu thì
có thể đến cái lăng-lâm A-diên-hoàng-
đế. Cảnh chiều tịch-mịch, làn sóng
xanh-xanh cùng những pho - tượng
trên cầu có ánh sáng mặt trăng chiếu
rọi làm cho ngài nhớ đến những ý-
tuông bình-nhật. Ngài bèn đề tay lên
ngực thấy bức dung-nhan thân-phụ
mình vẫn đeo ở ngực. Ngài cảm bức
ảnh ngắm-nghĩa thì lòng ngài lại rầu-
rầu vì ngài nhớ đến khi xưa ngài đã
trái lời nghiêm-huấn. Ngài cảm-súc
vô-cùng, nên mới cất tiếng mà rằng :

— Cha ôi ! Cha thật là một cái kỷ-
niệm rất tôn-kính suốt đời con ! Tuy
con đã trót đại trái lời cha dạy, nhưng
con vẫn biết lòng cha rất là nhân-tử
đại-lượng, không phải cha quở trách
con, chính là cha muốn cho con sung-
sướng đó. Chắc bây giờ cha cũng
muốn cho con được thế, dù con có
nhiều tội-lỗi cha cũng khoan-dung.
Nhưng cha đứng tít-mù trên tầng mây
bồng kia, thì biết rằng con có nghe
rõ tiếng cha dạy bảo con không, hay
là cũng như khi xưa con đã trái lời
cha dạy !

THIÊN THỨ III

CHƯƠNG THỨ I

En-phơi-bá-tước cũng có dự đại-lễ
ở Ca-bi-tôn-tự, nên hôm sau, lại nhà
Ốc-văn tướng-công trọ, bảo tướng-
công rằng :

— Bẩm đại-huynh, chiều hôm nay
đại-huynh có cho phép tiêu-đệ dẫn đại-
huynh đến nhà Cồ-Liên nữ-sĩ không?

Ố-văn tướng-công nghe vậy vội cất
tiếng mà rằng :

— Thế nào? Thế ra quý-chức cũng
quen biết Cồ-Liên nữ-sĩ à ?

— Tuy đệ không được cái hán-hạnh

quen biết, nhưng mà một người có danh-tiếng lừng-lẫy như thế thì thường muốn cho nhiều người biết đến mình. Vì vậy nên sáng hôm nay đệ đã viết thư xin vị nữ-sĩ ấy cho phép đại-huynh cùng đệ chiều hôm nay đến thăm hỏi chuyện.

Ốc-văn tướng-công nghe vậy đỏ mặt mà rằng :

— Giả-sử qui-huynh bàn với bi-nhân trước rồi hãy viết tên bi-nhân vào trong bức thư ấy thì hay hơn.

— Xin đại-huynh chớ ngại điều đó, khi đến nhà Cồ-Liên nữ-sĩ, đệ xin giới thiệu đại-huynh cùng Cồ-Liên trước, rồi đại-huynh lại giới - thiệu đệ cùng nàng. Như thế thì chắc anh em ta được trọng-đãi chứ chẳng sai.

— Bi-nhân chưa dám vội tin thế ; bi-nhân sợ rằng vội viết thư như qui-chức vừa bàn, thì e rằng nàng không bằng lòng chẳng.

— Không đời nào lại xảy ra thế được, đệ dám nói quyết với đại-huynh như vậy. Nàng là người tri-thức tri-tuệ khác thường, đệ gửi cái thư ấy, thì đệ nhận được thư nàng trả lời ngay, lời lẽ rất là lễ-phép.

— Thế nào ? Thế ra Cồ-Liên nữ-sĩ có trả lời qui-chức ? Thư nói thế nào, qui-chức cho bi-nhân biết với.

En-phơi bá-tước cười mà rằng :

— Vậy ra đại-huynh bây giờ lại ngọt-ngào lắm nhỉ ! Đại-huynh ngọt-ngào với đệ là từ lúc đại-huynh biết rằng Cồ-Liên đã trả lời cho đệ đấy thôi. Nói vậy thôi, chứ đệ vẫn qui mển đại-huynh thì việc gì cũng xi-xóa cho nhau cả. Đệ xin thú thật với đại-huynh rằng trong lá thư đệ gửi ấy thì đệ nói về đệ nhiều hơn nói đến đại-huynh, mà trong thư trả lời thì hình như Cồ-Liên nữ-sĩ nói đến đại-huynh trước. Nói vậy thôi, chứ không đời nào đệ lại có lòng ghea thân-hữu bao giờ.

Ốc-văn tướng-công nghe vậy cất tiếng mà rằng :

— Bi-nhân dám quyết vậy đây chẳng ai là có thể vừa bia... nữ-sĩ ; nay bi-nhân muốn... sĩ là bi-nhân muốn đàm-luận với người. kỳ tài như thế. Chiều hôm anh em ta thử lại xem sao.

— Vậy ra đại-huynh bằng lòng, hôm nay lại nhà Cồ-Liên nữ-sĩ với

Ốc-văn tướng-công có ý

— Bầm vâng.

En-phơi bá-tước lại nói :

— Vậy sao vừa rồi đại-huynh phàn-nàn về việc đệ làm. đại-huynh đến đó chắc là được hạnh hơn đệ nhiều. Nàng thật là người thông-minh trí-tuệ và khôn người lại có vẻ mỹ-miêu. Hôm qua nàng diễn-thuyết ở Ca-bi-tôn-tự bằng tiếng nước I-ta-li này đệ chẳng hiểu tí nào cả ; nhưng trông nàng thì đệ dám quyết rằng cũng biết cả tiếng nước Pháp nữa. Chiều hôm nay anh em mình thử xem có đúng không. Nàng giàu có, còn thanh-xuân lại được tự-do, không biết rằng nàng đã cùng ai gán bó chữ đồng chưa. Cứ hiện-kim thì chắc rằng chưa người nào vừa lòng nàng ; nói cho đúng thì ở xứ này chắc là nàng chưa gặp được người tri-ký nào thôi. Thế thì việc nàng chưa cùng ai gán bó chữ đồng, tướng cũng không lấy gì làm lạ.

En-phơi bá-tước nói vậy mà Ốc-văn tướng-công cứ không... chẳng hề làm đứt... phôi há-tước nó... nhưng trong nhời lại, chạnh-ý Ốc-văn. hoặc kinh-lịch... tránh được những... thường lỡ lời làm mất lòng.

Cả buổi sáng hôm ấy. Ốc-văn tướng-công nghĩ vì việc đi thăm này.

trí khôn ngoan. Ngài cũng cố không
 thấy những việc nó làm cho
 trong lòng và cố tự làm
 tin rằng trong sự nghi-
 cũng có một mối cảm-giác nó
 cho ngài được khoái-lạc, mà mối
 cảm-giác này không quyết-định được
 người đời. Như vậy thì huyền
 thay! vì linh-hồn người ta nếu biết sự
 khoái-lạc nào mà chỉ nhất-thời thì
 vốn biết đến.

Hôm ấy Ốc-văn tướng-công
 En-phoi bá-tước đi đến nhà Cồ-
 Liên nữ-sĩ. Nhà Cồ-Liên ở cách xa cái
 Thánh-tăng đôi chút, mặt quay
 sông Tiếp, nên vẻ nhà rất nên
 ngoạn-mục. Trong nhà bày-biện cũng
 rất là tráng-lệ. Ở phòng khách có bày
 nhiều pho tượng đất sứ, những vĩ-nhân
 nước I-ta-li. Trong thư-phòng của Cồ-
 Liên thì có bộ âm-nhạc cùng nhiều
 sách vở. Đồ-đặc trong nhà này rất tiện
 trong lúc nhiều người cùng nhau ngồi
 đàm-đạo. Khi Ốc-văn tướng-công đến
 không thấy Cồ-Liên ngồi ở thư-phòng
 nên ngài đi đi lại lại ở ngoài trong,
 phân-vấn nghĩ - ngợi. Ngài có ý xem
 xét, thì thấy trong nhà ấy chỗ nào
 cũng có cái vẻ êm-ái của ba dân-tộc
 hòa lẫn với nhau. Ba cái vẻ này là :
 lòng thị-hiếu về xã-hội của người
 nước Pháp, lòng yêu văn-học của
 người nước Anh và cái cảm-giác về
 mỹ-nghệ của người Y-ta-li.

Ngài một hồi lâu thì thấy
 thư-phòng, đồ y-phục
 rất là ngoạn-mục.
 giặt cái trâm bằng
 và cò có đeo
 Cừ-chỉ, ngôn-ngữ
 nhiên không có câu-
 cùng các thân-hữu
 trong câu-lạc-bộ, thì trông
 như một vị nữ-thần trong Ca-
 tự vậy.

Khi nàng trông thấy hai người thì
 nàng thi-lễ chào En-phoi bá-tước rồi
 đưa mắt nhìn Ốc-văn tướng - công.
 Nàng làm như vậy, có ý hối-hận, vội
 bước đến gần Ốc-văn làm-bầm đọc
 cái tên « Ốc-văn » hai ba lần có ý cảm-
 động, hình như cái tên này làm cho
 nàng nhớ đến những kỷ-niệm thương-
 tâm.

Rồi sau nàng nói mấy tiếng I-ta-li
 cùng Ốc-văn tướng-công tỏ ý cảm-tâm
 tấm lòng quân-tử đã hạ-cổ nhật cái
 mũ triều-thiên cho nàng. Ốc-văn tướng-
 công trả lời lại có ý nói rằng Cồ-Liên
 đã có lòng liên-tài như thế mà lại
 không đáp lại ngài bằng tiếng Anh, nên
 ngài lấy làm phân-nản đôi chút. Ngài
 lại nói thêm rằng :

— Vậy hôm nay qui-nương coi bị
 nhân lạ hơn hôm qua chăng ?

— Bầm ngài, tiện-nữ đây đâu có dám
 thế. ngài nên biết cho rằng khi người
 ta đã lâu năm nói hai ba thứ tiếng
 khác nhau, thì nói tiếng nước nào
 tinh-tinh cũng như nhau cả.

En-phoi bá-tước thấy Cồ-Liên nữ-sĩ
 nói thứ tiếng ngài không hiểu, nên
 trách mạt Cồ-Liên mà rằng ;

— Bầm mỹ-nương, mỹ-nương thật
 đáng là người nước Pháp chúng tôi, vậy
 xin mỹ-nương hãy nói tiếng tiện-quốc!

Cồ-Liên nữ-sĩ thấy lời khen như vậy
 mỉm cười rồi nói tiếng Pháp rất là
 nhanh nhẹ đúng mẹo, nhưng nói giọng
 người Anh. Ốc-văn tướng-công và En-
 phoi bá-tước thấy vậy đều ngạc-nhiên ;
 nhưng En-phoi bá-tước tưởng Cồ-Liên
 nói tiếng nước nào cũng được, nên
 mới hỏi ngay Cồ-Liên việc lạ-lùng như
 vậy. Cồ-Liên thấy lời hỏi đường-đột
 như thế, có ý bối-rối, sau nghiêm-nhiên
 mà đáp rằng :

— Thừa tiên-sinh, trước kia tiện-
 nữ có học tiếng Pháp ở một người

Anh.

En-phơi bá-tước càng căn vặn hỏi thêm thì Cờ-Liên nữ-sĩ càng có chiều bối-rối. Đến sau Cờ-Liên nói rằng :

— Bầm tiên-sinh, tiện-nữ ở chốn thành Rôm này đã được bốn thu nay, không có một người thân - hữu nào của tiện-nữ hay là một ngài nào có lòng mến tiện-nữ mà không hỏi đến cuộc đời của tiện-nữ ; tuy vậy nhưng đều hiểu rằng lúc đầu hỏi thế thì khi khó cho sự trả lời của tiện-nữ.

Những lời này làm cho En-phơi bá-tước không dám hỏi nữa ; Cờ-Liên thấy vậy, sợ làm mất lòng En-phơi. Mà En-phơi coi ra thân-mật Ốc-văn, thì nàng lại sợ En-phơi nói không hay nàng với Ốc-văn, nên nàng hết sức làm En-phơi vui lòng.

Lúc đó hoàng - thân Cát-tanh-pho cùng với nhiều thân-hữu ngài đều đến nhà Cờ-Liên. Những người này đều là những người thông-minh tri-tuệ, nói chuyện rất vui.

Cờ-Liên lúc đó trông dáng vui-vẻ vô-cùng.

Ốc-văn tướng-công trông Cờ-Liên, trong lòng tấm-tắc khen thăm lại tưởng tượng nhớ đến một người tình - nhân cũ của ngài ở nước Pháp khi xưa, thì lại càng đem lòng yêu giấu Cờ-Liên bội-phần. Tuy người tình-nhân cũ của ngài cũng tài-hoa đủ ngón, nhan-sắc tuyệt-vời, nhưng cũng không giống được Cờ-Liên về gì cả. Trong câu chuyện của Cờ-Liên thì thật gồm đủ những điều kiến-thức ở đời.

Vi vậy nên Ốc-văn vừa lạ, vừa yêu, vừa đem lòng tôn-kính.

Còn hoàng-thần Cát-tanh - pho và những người đến họp chuyện đầy đủ to ý kính-phục mến yêu Cờ-Liên vô-cùng. Cờ-Liên thấy vậy xem ra dáng cũng hớn-hở vui-mừng, nhưng vui-mừng như người ở nơi khí - hậu ôn-

hòa, được nghe những thanh âm véo-von êm-ái.

Cái tỉnh-tỉnh thăm-trà này, ái-tình, không bao giờ lộ bày. Ốc-văn chỉ ngồi yên ngắm-nghe Cờ-Liên, mà Cờ-Liên cũng hớn-hở Cờ-Liên được ngồi đối-diện, thế như mà có lúc câu chuyện đơng vui ngừng lại, vì thấy Ốc-văn lảng-lãng ngồi nghe, nàng không biết rằng Ốc-văn khen hay chê nàng.

Ốc-văn thấy Cờ-Liên như vậy làm thâm-phục vô-cùng và nhớ đến những ý-tưởng lầm của ngài phụ-nữ nước này. Ngài bụng rằng biết ngài có thể đề nàng to tình yêu không ?

Ngài nghĩ vậy rồi vừa khoái, vừa bối-rối vô-cùng. Khi ngài ra về thì nàng lại tỏ ý ân-cần mời ngài lần sau lại lại đàm-đạo cho vui, có một hôm ngài không lại nhà Cờ-Liên thì ngài thấy trong lòng băng-khuáng sợ hãi.

Có khi ngài so-sánh sự sợ hãi này với sự sợ hãi khi ngài còn niên-thiếu, rồi lại vội nghĩ ra chuyện khác không so-sánh nữa. Sự có duyên của nàng có phải thuật-quí hay hôn-thơ ? Có phải nàng là A-mịch hay là Sa-phô khi xưa chẳng tá ? Như vậy thì biết rằng ta người có thể cầu được cái thiên-tài này không ? Việc này thì khó lòng mà quyết-dịnh được, vì người ta cho là người tài-hoa như vậy, thì không phải là xã-hội chung-đức lộn-khôn, chính là tạo-hóa vậy, vì tri-tuệ dưới mắt người thì không tài nào có được.

Ốc-văn nghĩ-ngợi rằng : — Thân-phụ người biết Cờ-Liên thì thân người thế nào ?

(Còn nữa)

Vũ CÔNG-NHGI

VĂN-UYÊN

CH THƠ TÀU

(Cách thất-ngôn cổ-phong)

Vịnh cổ Ngu-mĩ-nhân (詠虞美人草)

Của ông Tăng Cung, tự là Tử-cố, đời

Tống 宋人曾鞏字子固

Hồng môn chén ngọc tan như tuyết,

Thiên quân hàng nữ đem giết.

鴻門玉斗紛如雪。

十萬降兵盡流血。

Nghiệp Sở theo tro cũng bay hết.

咸陽三月烽火紅。

霸業已隨烟燼滅。

Ấy ai dữ-độc ai hãn-hoi,

Trăm sáu lạc tối trách chi trời.

剛彊必死仁義昌。

陰陵失道非天亡。

Anh-hùng học cách vạn-nhân-địch

Vì chút hồng-nhan giọt lệ rơi.

英雄本學萬人敵。

何必屑屑悲紅粧。

Ngọn cờ trong quân bóng ngọc-ngác,

Người ngọc hên màn vẽ tan-tác.

三軍散盡旌旗倒。

玉人坐中老。

Chút bóng gươm bay,

Chim vàng cỏ biếc.

逐劍光飛。

爲原上草。

Ng-vẽ gửi cành xuân,

Mơ hương-tâm đầu sẵn gần.

心寂寞寄寒枝。

舊曲聞來似斂眉。

Lặng-lẽ thương cho người dưới suối,
Bồi-hồi như gào khúc trong quán.

哀怨徘徊愁不語。

恰如初聽楚歌時。

Nao-nao dòng nước reo kim-cổ,

Hai năm hưng-vong mờ Hán Sở.

滔滔逝水流今古。

漢楚興亡兩邱土。

Chuyện cũ muôn năm thôi kể chi,

Rượu nồng hăng-hái vì ai múa?

當年遺事久成空。

慷慨樽前爲誰舞。

Lời giải kiếm lời bình

Thơ này là thơ vịnh cái cỏ tên là Ngu-mĩ-nhân, mà tả ra lịch-sử nàng Ngu-cơ; lịch-sử nàng Ngu-cơ thì ở trong lịch-sử ông Hạng Vũ; cho nên thơ này thuộc về mỗi vịnh-vật, mà lại thuộc về mỗi vịnh-sử.

Nàng Ngu-cơ là vợ ông Tây-Sở bá-vương; (tức ông Hạng Vũ) khi ông Sở-vương ở đất Cai-hạ, bị quân Hán vây, bốn mặt nghe ra đều có giọng hát quân Sở, biết rằng quân Sở đã bỏ mình theo Hán cả rồi, mình không có thể thoát được; mới nửa đêm quây màn hăng-hái rót rượu, hát và múa, khóc xi-xút, làm lễ quyết-biệt với Ngu-cơ; Ngu-cơ cũng quyết-chi với Sở-vương, cầm gươm đâm cổ mình chết trước; rồi Sở-vương phá vòng vây ra, đi đến bãi Ô-giang, không chịu sang đò, lại cầm gươm đâm cổ chết sau. Nàng Ngu-cơ là gái chết theo chồng, thực là người đàn bà có giá-trị trong Bắc-sử; về sau trên má nàng Ngu-cơ có mọc ra một thứ cỏ, mềm-mại đẹp-đẽ, có hương có sắc hãn-hoi; có màu vàng-đỏ, có vẻ đậm-hồng, có ý thanh-cao, có trí tịch-mịch; đời truyền là máu nàng Ngu-cơ hóa ra đó, cho nên gọi tên cái cỏ ấy là cỏ Ngu-mĩ-nhân. Xem như cỏ-phú có câu rằng: "Máu nhuộm kể nghìn năm, gửi lòng xuân cùng tiêu-thảo. Hương bay trong mấy bước, đưa mùi hận với giai-nhân 血染千年。幻春心于小草。香聞

十步。寄幽恨于佳人。»,
thì cái cổ Ngu-mi-nhan cũng là một thứ cổ cổ
giá-trị trong hương-phả.

Đây tả ra ông Hạng-vương là người chỉ biết
cậy sức khỏe; khi hội-âm ở đất Hồng-môn,
trong cuộc vui-vầy, đập tan chén ngọc; khi dẫn
binh lên đất Hà-bắc, trái đường nhân-nghĩa,
đem giết quân hàng; đốt phá cung Tần, gây nên
nghiệp Sở; nhưng mà nghiệp Sở cũng theo
đồng tro Tần mà lại bay đi hết, có bền được
đâu! Người hân-hoi chắc là hưng-vượng, kẻ độc-
ác chắc là diệt-vong, là lẽ thường xưa nay vậy.
Khi thua chạy lạc lối vào chỗ trăm sâu, cho
quân Hán đuổi kịp; sự đó hình như tại trời;
nhưng xét ra cho kỹ, cũng không phải là tại
trời. Kể anh-hùng xưa kia, không thêm học
nghề *thư*, cũng không thêm học nghề *kiếm*,
học cách vạn-nhân-địch, đánh đâu được đấy;
lỡ ra mà thất-bại, sống chết có làm chi, sao
lại vì một chút hồng-nhan, mà đến nỗi hai hàng
lã-chã. Trong khi bị vây, bóng cờ thì ngỡ-ngác,
người ngọc thì ủ-ê; hồn thớm xột phụt, theo
bóng gươm bay; máu đỏ nghìn năm, in
vàng cổ biếc; đến bây giờ cành xuân vắng vẻ,
người đẹp nơi nao; quả tim dưới suối, đau-
đớn dường nào! Khúc hát trong quân, rập-
rình đầu đó; khách qua đây, xét đến màu kim-
cỏ, chỉ thấy một dòng nước chảy, hai nắm cỏ
xanh. Sở đại, Sở đã mất rồi, Hán khôn, Hán
cũng không còn nữa; chỉ dấu thớm của người
liệt-nữ, nghìn năm còn như tạc như in. Chao-
ôi! Chuyện muôn năm cũ, bây giờ kể nữa làm
chi, chỉ những lúc kể anh-hùng nửa đêm quyết-
biệt với khách thuyền-quyên, nào múa, nào
hát, nào khóc, nào chén rượu, nào lưỡi gươm,
thảm-thiết bao nhiêu, háng-hái bao nhiêu, đủ
khiến cho nghìn năm còn ghi nhớ vậy.

Dịch-giả giải-nghĩa đến đây, lại sức nghĩ đến
cổ Thúc-Kiên khi ra khóc ông Từ đại-vương,
chả biết có còn nhớ đến khúc Hán Sở chiến-
tràng hay không? Nếu còn nhớ được khúc ấy
thì chắc cái lương-tâm đối với nàng Ngu-cơ,
cũng hơi biết xấu hổ, mà không chịu thị-yến
ở dưới màn quan Hồ tông-đốc, dúi-dặt tay tiên,
dựng nên những tiếng ve ngâm phượng hát,
làm cho người mặt sắt đó, cũng phải ngáy vì
tinh; thì may ra nước sông Tiền-đường cũng
có người quý-báu đến, ca-vịnh đến, như cổ Ngu-
mi-nhan vậy.

Tùng-Vân đạo-nhan
NGUYỄN ĐÓN-PHỤC

THƠ LAI - CẢO

Chơi đèn Tứ-mặc

(Đèn thờ vua nhà Trần)
Hơn sáu trăm năm đến
Mà nền cổ-trạch vẫn như xưa.
Trong sân dấu cũ nay còn ngựa,
Ngoài cửa bia dấu chẳng thấy rùa.
Mưa gió trải bao dâu lại bề,
Khói hương bên mái tháp cùng chùa.
Đông-a di-tích trông càng nhớ,
Kìa tượng nhà vua nọ biền.

Nghĩa-viên Nguyễn

Hay nói

Nói thật xưa nay vẫn mắt lơ,
Sự đời nghĩ đến có buồn không?
Đã toan cầm miệng thấy phùng,
Lại muốn buông lời trách lữ công.
Khuyên kẻ gian-tham đừng bội-bạc,
Nhủ quân cường-bạo chớ hành-hung.
Ấy ta hay nói là vì thế,
Há phải như ai chỉ nói bông.

DƯƠNG ĐÌNH-TÂY

Chơi chùa hoài-cổ

Tạo-hóa bầy chi cuộc đời đời,
Bèo trôi sóng vỗ cánh hoa rơi.
Sông Mê vắng vẻ người đầu vắng,
Bến Giác mong chờ mấy khách chơi?
Hợp-hợp ly-ly đà mấy thừa,
Suy-suy thịnh-thịnh kiếp nào thôi?
Trăm năm giấc mộng phù-sinh hẳn?
Cảnh cũ người xưa vẫn nín hơi.

Nghĩ đời khôn

Đường đời mặc kẻ
Bán lợi cầu danh
Chợ sớm hàng thì
Chùa khuya mở
Râu ria lữ-lược
Áo mũ sông-sênh
Thế-sự sương mờ
Sân Trình vắng-vẻ khách
ĐẶNG TRẦN-K

Chúng tôi một tấm lòng thành,
Khấp cầu chư-vị thần-minh nước nhà.
Bắc Nam khấp hết gần xa,
Dù khi thấu đến họa là cảm-thông.

Những người giúp của giúp công,
Xin cho cho được như lòng ước-ao.
Học hành tấn-tối biết bao,
Khi ra bút sắt, khi vào bút lông.
Trong ngoài các tiếng lâu-thông.
Như ông Nhật-Duật cũng không kém gì(1).

Cấy cấy thịnh-vượng nhiều bề,
Chứa-chan thóc lúa trên hè dưới sân.
Ruộng nương khai-khẩn dần-dần,
Như quan Tán Trứ(2) có phần nào thua.

Các nghề kỹ-xảo tranh-đua,
Trăm nghìn nghìn khéo tha hồ tinh-thông.

Mở-mang mây mặt non sông,
So tài quan Trạng Kim-bồng(3) ngày xưa.
Bán buôn phát-đạt có thừa,

Qua sông vượt bể cũng như đất bằng,
Lợi-quyền thu sạch lân bang,
Xem quan Bình-chuẩn

Lại thêm cho được đội ơn,
Sống lâu trăm tuổi (5) đào tống.

Trăm trai đông đúc lắm n
Tiền rừng bạc bể đời đời giàu chủa
Mai sau tới chốn Thiên-gi
Phong-lưu sung-sướng l

Mấy lời cầu-nguyện vân-vân,
Có lòng nên được mọi phần

Thần-quyền linh-ứng ghê thay
Căn-nguyên cũng ở lòng này không xa.

Ngây ngô mấy tiếng nôm-na,
Ấy là tình nặng ấy là ân sâu.

Bài ca Âu-trĩ-viên (trẻ con đọc)

(Tục kỳ trước)

VI

Ở với bạn

« Gắn mực thì đen gắn đèn thì rạng ».
Anh em ơi ! Phải chọn bạn Bạn với
nhau phải như đá bèn, như sơn gắn.
Điều hay thì khuyên-nhủ, điều dở thì
can - gián. Chớ có kẻ bạc giàu, sang,
nghèo, hèn, phải cứu nhau lúc gian-nguy
hoạn-nạn. Chơi với nhau đời - đời mà
không quên không chán.

VII

Ở với thầy

Anh em nghe đây ! Anh em nghe đây !
Ở trong trường nhất là thầy. Thầy dạy
bảo nghĩa phải điều hay, việc đời xưa
đời nay. Chúng ta phải đền ơn nặng,
giả nghĩa dày. Bao nhiêu năm như m
ngày !

BÙI TRINH-KHIÊM

(1) Ông Trần Nhật-Duật triều Trần thông-hiểu cả tiếng nói các nước.

(2) Ông Nguyễn Công-Trứ là quan Tham-tán bản-triều lập thành ra hai huyện
bãi bể.

(3) Quan trạng Kim-bồng là ông Vũ Duy-Thanh chế ra được máy tàu.

(4) Quan Bình-chuẩn đi thông-thương ngoại quốc

(5) Tức là đời vua Hùng mười-tám đời làm vua được hơn hai-nghìn năm.

(6) Vua Lạc Long và bà Âu-ký đẻ trăm trai.

THỜI-ĐÀM

Hội 20 vạn Chính - phủ Đông -

tray lễ, quần giờ chiều ngày thứ hai
 hội đồng Chính-phủ
 1922 ở phủ Toàn-quyền,
 quan Toàn-quyền BAUDOIN làm tọa
 Dự-hội-đồng có các quan thủ-hiến và
 đại-viên như sau này: quan Đại-
 tống-binh-vụ BLONDLAT; quan Phó
 Toàn-quyền ROBIN; quan Thống-đốc Nam-
 kỳ COGNACQ; quan Khâm-sứ Trung-kỳ PAS-
 SIER; quan quyền Khâm-sứ Cao-miên
 P. ELIC; quan quyền Thống-sứ Ai-lao
 JOURNÉ; quan Học-chánh giám-đốc JOU-
 NÉ; quan phó Giám-đốc BLANGUERNON
 giúp việc; quan Thương-chánh Giám-đốc
 ARCHER, có quan phó SCALLA giúp việc; quan
 Giám-đốc POUYANNE, có quan
 PAVRE giúp việc (mấy quan Giám-
 có quan Phó giúp việc là mới ở
 bên Tây sang); quan Hình-chánh Giám-
 đốc HABERT; quan Tài-chánh Giám-đốc DÉ-
 TIEUX; quan Y-chánh Giám-đốc AUDIBERT;
 quan Kinh-tế-cục Tổng-lý LOCHARD; quan Tư
 coi Thủy-quân BLANC; — các ông đại-biêu
 các hội-nghị bầu-cử: ông FAYS, nghị-trưởng
 Hội-đồng Quân-hạt Nam-kỳ; ông DUCROI-
 ZET, hội-trưởng Hội Thương-mại Sài-gòn;
 ông SAUVAGE, Hội-trưởng hội Thương-
 mại Hà-nội; ông PAQUIN, quyền Hội-trưởng
 Hội Thương-mại Hải-phòng; ông LABASTE
 hội-trưởng Hội Canh-nông Nam-kỳ; ông
 BOREL, hội-trưởng Hội Canh-nông Bắc-kỳ;
 ông COUSIN, Phó hội-trưởng Hội Canh-
 nông Thương-mại Cao-miên; — Hoàng-
 thân SUPANUVONG, Nông-hộ Thượng-thư
 Cao-miên; quan NGUYỄN HỮU-BÀI, Lại-bộ
 Thượng-thư Trung-kỳ; quan HOÀNG TRỌNG
 THU, Tổng-đốc tỉnh Hà-đông; ông LÊ VĂN-
 TRUNG, nguyên nghị-viên Nam-kỳ; ông
 TIAO PHETSARATH RATSAPHANIKAY, đường-
 quan ở Lào là bang (Ai-lao). — Quan
 MONGUILLOT mắc bệnh
 NON, hội-trưởng Hội
 Trung-kỳ, vắng
 quan quyền Toàn-
 bài diễn-thuyết dài.
 của quan Toàn-
 Chính-phủ là lược-thuật
 bản-xứ trong năm vừa qua và kê
 trình các công việc định làm
 năm sắp tới. Song quan BAUDOIN là
 quyền Toàn - quyền, đáng lễ kỳ Hội-

đồng này là chính quan Toàn-quyền LONG
 chủ-trương, nhưng vì ngài mắc bệnh
 không sang kịp, nên chiều lệ thường phải
 họp hội-đồng để quyết-nghị sơ-dự-toán,
 còn các việc trừ-tính thì quan BAUDOIN
 không dám tự-quyết. Vậy bài diễn-thuyết
 của ngài chỉ là lược-thuật cái tình-hình cả
 toàn-nạt Đông-dương trong năm vừa qua
 mà thôi.

Tình-hình ấy thật là tốt lắm. Có thể gồm
 trong hai chữ: yên-đàn và thịnh-vượng.
 Yên-đàn vì trong nước không có xảy sự gì
 bất-thường cả; ở biên-thùy thời bình-
 tĩnh lắm, mặt Bắc giáp Tàu, mặt Nam giáp
 Xiêm, cùng với hai nước ấy giao-hiểu một
 cách thân-thiện. Thịnh-vượng vì tài-chính
 kinh-tế đều tốt cả. Năm 1921, số thu-nhập
 hơn số chi-xuất 16.748.907 đồng. Trước kia
 chưa có năm nào thừa được nhiều như thế;
 duy có năm 1916 thừa được 15.628.000 đồng
 là hơn nhất cả mà thôi. Nhờ tài-chính được
 dự-dự như thế, nên không những trả lại vào
 kho dự-bị được hết cả những món trước
 đã trích ra, mà lại tăng thêm cho kho ấy
 được 11 triệu đồng nữa. Năm 1922, tuy
 chưa kết-toán, mà xem ra cũng có thể
 dư được gần 6 triệu đồng.

Nói tóm lại thời trong năm mới qua, ở
 Đông-dương này, vạn-sự như-ý cả.

Quan BAUDOIN kết-luận bài diễn-thuyết
 một đoạn như sau này:

« Những việc xảy ra trong cõi Đông-Á
 này mấy năm nay, khiến cho ta phải chú-
 ý khuếch-trương cái thế-lực của Đông-
 dương ta trong các liệt-cường ở trên bờ
 Thái-bình-dương. Hội-nghị Hoa-thịnh-
 đốn đã bày ra nhiều cái vấn-đề quan-
 trọng, ta không thể không xét đến. Cả
 thế-giới ngày nay đều chú-ý về Thái-bình-
 dương, nay mai sẽ thành nơi trung-tâm-
 điềm của hoàn-cầu vừa về đường chính-
 trị, vừa về đường kinh-tế. Quanh bờ biển
 này biết mấy trăm triệu con người ở, thật
 là một cái kho nhân-công vô-cùng-tận;
 biết bao nhiêu là đất rộng, tài-sản không
 thiếu gì, chỉ đợi có người đứng lên khai-
 thác; lại chính cái biển Thái-bình này,
 có khác gì như một cái hồ lớn, làm nơi
 thâu-hợp cả các đường hàng-hải lớn.
 Trong các liệt-cường, nước nào mà chiếm
 được địa-vị tốt ở chốn thị-trường đó là
 nước ấy được thanh-thế mạnh ở cõi Á-
 đông này... »

Đông-dương ta vì địa-thế tốt, vì tài-sản nhiều, có thể hi-vọng được như thế. Nhưng muốn cho xứng-đáng cái địa-vị ấy, phải kinh-doanh tô-chức cho thập-phần hoàn-hảo, nên phải ước-ao rằng cái chương-trình kinh-lý các thuộc-địa của quan Thượng-thư SARRAUT sẽ mau được Nghị-viện duyệt-y, thời ở đây có thể lập-tức khởi-hành mọi việc được, v. v.

Chương-trình các việc của Hội-đồng định như sau này :

1. Xét sổ dự-toán chung của Đông-dương (năm 1923) ;
2. Xét sổ kết-toán chung của Đông-dương (năm 1921) ;
3. Xét sổ dự-toán về việc kinh-lý các đường xe-lửa (năm 1923) ;
4. Xét sổ kết-toán về việc kinh-lý các đường xe-lửa (năm 1921) ;
5. Xét sổ dự-toán khoản công-thải 90 triệu (năm 1923) ;
6. Xét sổ kết-toán khoản công-thải 90 triệu (năm 1921) ;
7. Xét sổ dự-toán riêng của Nam-kỳ (năm 1923) ;
8. Xét sổ kết-toán riêng của Nam-kỳ (năm 1921) ;
9. Xét sổ dự-toán riêng của Bắc-kỳ (năm 1923) ;
10. Xét sổ kết-toán riêng của Bắc-kỳ (năm 1921) ;
11. Xét sổ dự-toán riêng của Trung-kỳ (năm 1923) ;
12. Xét sổ kết-toán riêng của Trung-kỳ (năm 1921) ;
13. Xét sổ dự-toán riêng của Cao-miên (năm 1923) ;
14. Xét sổ kết-toán riêng của Cao-miên (năm 1921) ;
15. Xét sổ dự-toán riêng của Ai-lao (năm 1923) ;
16. Xét sổ kết-toán riêng của Ai-lao (năm 1921) ;
17. Xét sổ dự-toán của hạt Quảng-châu-loan (năm 1923) ;
18. Xét sổ kết-toán của hạt Quảng-châu-loan (năm 1921) ;
19. Xét sổ dự - toán về công - thải 6.180.000 đồng (năm 1922) ;
20. Xét sổ dự - toán về công - thải 6.180.000 đồng (năm 1923) ;
21. Xét sổ dự-toán về việc kinh-lý xưởng đóng tàu Sài-gòn ;
22. Đọc các lời thỉnh-cầu. — Trong các tờ thỉnh-cầu có một tờ của quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu về việc học, xin ba điều : 1. Xin lấy chữ quốc-ngữ làm chữ gốc

về bậc sơ-học (lời xin này cũng giống như lời xin của Hội Khai-tri tiến-đức) ; 2. Xin đặt trường Pháp-chánh làm trường Luật-học kiêm-bị ; 3. Xin đặt trường Luật-học Sur-phạm làm trường Văn-học.

Hội-đồng chia ra làm các ban như sau :
Ban thứ nhất xét về sổ dự-toán chung, sổ dự-toán phụ vào sổ dự toán chung, sổ kết-toán thuộc về các sổ dự-toán do quan đại-trưởng BLONDLAT làm trưởng ; — Ban thứ nhì, xét về các sổ dự toán riêng của Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Ai-lao cùng các sổ kết-toán của các xứ ấy, quan Thống-đốc Nam-kỳ COGNAC làm trưởng. — Ban thứ ba, xét về các sổ dự toán riêng của Nam-kỳ và Cao-miên cùng các sổ kết-toán của các xứ ấy ; quan Khâm-sứ Trung-kỳ PASQUIER làm ban-trưởng.

Hội-đồng Chính - phủ kỳ này họp ngày thứ hai 18 đến ngày thứ bảy 24 tháng 12 mới giải-tán.

Mấy bài diễn-thuyết của ông Bác-sĩ Sylvain Lévi. — Kỳ trước bản-chí đã nói về việc ông Giáo SYLVAIN LÉVI sang du-lich bên Đông-dương ta và lược-thuật về lịch-sử và sự-nghiệp của ngài. Trong mấy tuần ngài ở đây và sang chơi Vân-nam-phủ, ngài có diễn-thuyết mấy bài. Đông-dương ta về đường học-thuật có thể coi là một chốn cùng-tịch, ít được cái hân-bạn nghe những bậc danh-sư bác-sĩ giảng dạy về các điều hay. Vậy mấy bài diễn-thuyết của ngài thật được những người học-thức trong bản-xứ hoan-ngheh vô-cùng.

Ngài diễn-thuyết lần thứ nhất ở Hội Khai-tri-tiến-đức ngày thứ sáu mồng 8 tháng 12, nói về sự học tiếng ngoại-quốc ; — lần thứ nhì ở Hội Địa-dư-học Hà-nội, ngày thứ 7 mồng 9, nói về xứ *Népal* ; — lần thứ ba và thứ tư ở Vân-nam-phủ về « Sự giao-tế Ấn-độ với Tàu về phương-diện Phật-giáo », và về « Nhân-đạo-học ». Sau đây xin tóm lược đại-y các bài diễn-thuyết ấy, không

lạ dưới đây.

Diễn-thuyết 1

Hội Khai-tri mời ngài lại, ngài nói rằng muốn hỏi ngài về cái gì, ngài nói rằng ngài có thể lấy chữ quốc-ngữ để diễn-thuyết được không. Hiện nay ở Đông-dương ta, chữ quốc-ngữ có ý muốn truyền bá, nhưng các trường công, từ trường làng, trường tỉnh, đó có nên hay không? Qui-quốc cũng hóa cho dân Việt-Nam có nét văn minh, dân ấy quên tiếng nước mình, mất lòng tự trọng mình không? Hội Khai-tri hỏi ngài kiến

không cho người ngoại-quốc vào. Khách du-lịch muốn vào xem phải làm giấy xin phép quốc-vương đưa cho Chính-phủ Anh chuyên-đề. Người *Gourkas* có lòng kỳ người ngoại-quốc cho đến nỗi trong nước đường giao-thông nghiêu-kê lắm, và đường điện-báo cũng không muốn cho đặt.

Phía Nam nhiều núi, chân núi có miền *Térai* những rừng rậm đồng lầy, lam-chương lắm, nhưng nhờ ông quốc-vương (tiếng Ấn-độ gọi là *maharadja*) truyền khai kênh đào ngòi, nay đã thấy có nhiều ruộng-nương tốt. Miền này mầu-thú nhiều lắm; có khi trong một ngày mà quốc-vương giết được 29 con hổ; hoàng-tử cũng một ngày bắn được 42 con tê. Thái-tử Anh mới rời du-lịch ở Ấn-độ giết được cả thầy có 9 con hổ, kể còn kém nhiều. Miền *Térai* có một giống thỏ-dân còn dã-man lắm, là giống *Taout*, ở trần-trướng, chỉ có một thứ khí-giới là cái cung.

Cho được tới đất *Gourkas*, phải trèo những cái đèo cũng hơi cao, 1900 đến 2700 thước, đến đấy mà trông xuống thì thấy một cái lưu-vực dài 20 cây-lô-mét, rộng 12 cây, trong đó có ba cái tỉnh-thành lớn, mỗi cái đến 10 vạn người ở.

Thành *Katmandon* là nơi thủ-phủ, Chính-phủ ở đấy.

Phía bắc lưu-vực thì là dãy núi Hỉ-mã-lạp-sơn cao nhất thế-giới. Đấy có những đèo hiểm lắm, cao tới 3.000, 3.500 thước thông sang Tây-tàng (*Thibet*) được, chỉ có bọn lái buôn xách-bỏ thường đi tới mà thôi.

Tuy vậy, về thế-kỷ thứ 18 đã có mấy ông cố Pháp về dòng *Capucins* tự *Chandernagor* đi qua đấy về Tây-tàng, sự bị đuổi ở Tây-tàng bèn sang *Népal* trốn, các ông ấy là người đầu nhất làm sách bằng tiếng nước ấy: dịch sách *Thánh-thư*, sách *Vấn-đáp* về đạo, sách *Tự-điền*.

Hồi bấy giờ xứ *Népal* còn thuộc về giống *Névari*, chia làm ba nước đánh nhau luôn. Năm 1808, người *Gourkas*, nhờ câu tục-ngữ: « Trước cổ-đạo, sau Tây buôn, đến sau mất nước », bèn đuổi các ông cố-đạo đi.

Trước mấy ông cố về dòng *Capucins* đã có mấy ông về dòng *Jésuites* đến tự năm 1654. Rồi sau đến thế-kỷ thứ 19, Cố HUE đi tự Bắc kinh đến *Lhassa*, rồi qua *Agreh* về *Lamā*, trong sách du-ký có tả về con đường tự *Népal* sang Tây-tàng đó.

Về thế-kỷ thứ 18, có một ông vua hay thơ, hơi có tư-tướng huyền-bí; dựng một cái bia đá cho khắc hết cả các thứ chữ tìm được. Trong bia ấy có ba chữ Pháp. Theo tục truyền, ai đọc được chữ bia đó thời sẽ được một kho vàng. Hồi bác-sĩ LÉVI qua đấy, quốc-vương mời ngài ra xem cái bia ấy; khi ngài đứng đọc chữ bia thời nhân-dân xa gần đến xem đông quá, phải đặt một vòng lính giữ chung quanh.

Người *Gourkas* giữ quyền độc-lập của mình cần lắm, chỉ cho vào trong nước một viên công-sứ Anh và một viên thầy thuốc mà thôi. Tòa công-sứ có lính *Gourkas* canh gác đêm, mỗi lần ông công-sứ ra có tên lính chạy theo xe, trinh-thám không dờn thấy.

Vào khoảng năm 1800, có một bia đá đặt vào trong nước, dạy cho người *Gourkas* học súng, chế binh-khi. Ở đấy lấy vợ, sự được đưa con. Nhưng ở không được tự do khác gì giam lỏng, bèn tìm cách trốn và giết chết.

Về sau có một người Tây chủ phường tên là GORSENON, cũng đến đấy. Rồi đến ông Bác-sĩ GUSTAVE LE BON nước Pháp có ở đấy mấy ngày; nhà chủ ngân-hàng MAURICE DE ROTHSCHILD, có đến săn bắn; bà nữ sĩ ISABELLE MASSIEU khi đi du-lịch ở Ấn-độ cũng có qua đấy.

Bác-sĩ LÉVI đến đấy lần thứ nhất năm 1897. Tuy quốc-vương vẫn biết tiếng ngài là nhà bác-học chuyên-trị về Ấn-độ, nhưng còn ngấm là đến có cái mưu gì bí-mật. Quốc-vương tưởng rằng ngài có ý muốn tuyên-binh dụ-nhà và nói rõ cho ngài biết. Lại mời ngài duyệt binh, ngài là một nhà nho mà cũng phải theo nhíp súng tể trên ngựa. Nhưng ngài thuật rằng « Ông vua đa-nghi kia, trông thấy cách tôi đi ngựa vụng-về cũng phải hiểu rằng tôi không có cái mưu gì về việc binh, và thật nghề binh tôi không phải sở-trường vậy. »

Xứ *Népal* tuy xa-xôi như vậy, lại không có điện-báo, vậy mà những tin-tức trong thế-giới quốc-vương biết tường lắm. Năm 1897, quốc-vương hỏi LÉVI tiên-sinh rằng đến bao giờ người Pháp sẽ khôi-phục được hai châu *Alsace-Lorraine*, và cũng biết rằng nước Pháp là đồng-minh với nước Nga. Việc khai-chiến vừa rồi ngày mồng 6 tháng 8 năm 1914, quốc-vương đã biết.

Có điều lạ là quốc-vương (*maharadja*) ở đấy chẳng qua là một vị chúa mà thôi, như chúa Trịnh ở nước Nam, chúa Đức-xuyên (*Tokugawa*) ở nước Nhật. Chính vua gọi là *Diradj* thời bị giam-hãm trong cung, cho ăn no, rượu say, vợ nhiều, ai trông thấy mặt là điếm không lành.

Xứ *Népal* không phải là một thuộc-hang của Chính-phủ Anh ở Ấn-độ, chỉ có một mối liên hệ với nước Anh mà thôi. Anh-độ chỉ có một thư cho quốc-vương, lại, không tựa-hồ như coi là một quốc-vương, vậy thời cũng giống như một người được quyền tranh quyền nhau, và có một người Pháp là ông FOUCHER, trước làm *hi* ở Hà-nội, mới sang lập một trường học Pháp.

Người *Gourkas* làm lính giỏi nhất ở Ấn-độ. Những đội tinh-binh của Chính-phủ Anh đều

ayền ở đây. Năm 1914 quốc-vương cho phép Chính-phủ Anh muốn mộ bao nhiêu quân cũng được. Trai đinh trong nước có độ một triệu người, mà hồi chiến-tranh mộ được 20 vạn quân. Theo tục Ấn-độ, vượt bề Tây-tàng, quốc-vương phải hạ-lệnh bỏ lệ nộp thuế sang Âu-châu. Bọn lính ấy sang Tây-tàng được việc lắm, thật đã có công việc chiến-tranh ở trận-tuyến Pháp. Quốc-vương rút ở Pháp về thời sang đóng ở đất *Népal*.

Chính người thổ-dân xứ *Népal* là giống *Sevari* hồi xưa đem đạo Phật sang Tây-tàng; cái lối kiến-chức các chùa cũng khởi từ đây. Người *Gourkas* đến chiếm *Népal* cũng vẫn giữ giao-tiếp với Tây-tàng, và Tây-tàng vẫn phải nộp-cống, tuy người Anh phản-đối sự ấy thì không được; hiện ở Tây-tàng có ba viên quan đại-biểu của *Népal* trụ-trát đây. Muốn vào Tây-tàng không đường nào liên hẳn đường *Népal*, sau này xứ Tây-tàng sẽ mở-mang ra thời bao nhiêu những sản-vật ở đây sẽ do đường ấy mà vận-tống ra ngoài.

Đồng-dương ta không thể không biết đến các xứ ấy ở gần tiếp-cận với mình. Người Anh ở Ấn-độ tìm hết cách để khuếch-trương thế-lực của mình ở Tây-tàng; hiện ở đây có một đoàn giáo-sư về đạo Phật đương vận-động cho người Anh. Nhất-diện thời Chính-phủ Cách-mệnh nước Nga (tức là Chính-phủ *Soviet*) vẫn theo cái chính-sách tâm-thực về trung-bộ Á-châu của các Nga-hoàng cũ, hiện có 3 viên quan đại-biểu ở Tây-tàng. Những sự vận-động ấy ở *Népal* người ta biết cả.

Khi kết-luận, Bác-sĩ Lévy có xin hội Địa-dư cho phép ngài viết thư cho quốc-vương *Népal* biết rằng người Pháp ở Á-châu nghe ngài diễn-thuyết về xứ ấy lấy làm vui - về mà tỏ lòng cảm ơn quốc-vương đã cho quân lính sang giúp việc chiến-tranh bên Pháp vừa rồi. Cử-tọa đều biểu đồng-tình.

III

Diễn-thuyết ở Văn-Nam phủ

Trung-tuần tháng 12 tây, Bác-sĩ tự Bắc-kỳ lên chơi Văn-Nam. Ở Văn-Nam-phủ, ngài có diễn-thuyết hai lần: một lần ở tỉnh Đô-đốc, một lần ở Xã-hội-học-viện. Lần đầu có tới 600 học-sinh đến nghe. Lần sau nói về sự giao-thông Ấn-độ và phương-diện Phật-giáo; lần sau nói về Nhân-đạo-học. Sau đây sẽ thuật lại hai bài ấy theo báo *Courrier d'Haiphong*.

Ấn-độ và Tàu vì tôn-giáo mà giao-thông với nhau, đủ chứng rằng người ta dù khác giống khác nòi, dù núi khe cách-trở, dù tinh-thể khác nhau, vẫn có cái lòng-tự-nhiên muốn đi lại thân gần với nhau. Như Tàu với Ấn-độ thì thật là

cách-trở nhau đủ đường, không những chủng-tộc khác, mà lại còn cao-nguyên *Pamir*, dãy núi *Hindu-Kush*, những sa-mạc mênh-mông, những khí-hậu nguy-hiểm, mà đi đường bề cũng khó-khăn. Lòng tin đạo thẳng được cả những sự ngăn-trở đó. Cứ theo tục-truyền thời Ấn-độ và Tàu mới bắt đầu giao-thông với nhau tự thế-kỷ thứ 3 trước kỷ-nguyên tây-lịch, về đời vua Tần Thủy-Hoàng, bấy giờ đã có sư Thiên-trúc sang Tàu giảng-đạo, nhưng bị kháng phải trốn-tránh mới khoi chết.

Nhưng xét trong chính-sử thời tự đờ Hán Vũ-đế cơ-đỡ nước Tàu mới khuếch-trương về phía Tây, là nhờ có hai ông tướng giỏi là Hoắc Khứ-Bệnh 霍去病 (Ho Kiu-ping) và Lý Quảng-Lợi 李廣利 (Li Kouang-li). Bấy giờ lại có Trương Khiên 張騫 (Tchang K'ien) là một tay du-lịch thám-hiểm giỏi hơn Marco Polo của Âu-châu, mới thật làm cho Đông-tuổ với Tây-vực giao-thông với nhau. Về phía Bắc nước Tàu bấy giờ, tự Thái-bình-dương đến nước Nga bấy giờ, có rợ Hung-nô (*Huns*) thường xâm lấn vào nội-địa; gần rợ Hung-nô có rợ Đại-Nguyệt-thị 大月氏 (1) (*Taiyue-tche*) rợ này ở đất *Sibérie* (Tây-bá-lợi-á) và có một cái địa-vị to trong lịch-sử đạo Phật. Rợ ấy bị Huog-nô đánh phá, phải dời sang ở đất *Afghanistan*, trên sông *Oxus*. Đến đây thời có một nước di-dân Hi-lạp (*Grec*), tự Ấn-độ cho đến phía đông cao-nguyên *Pamir*, truyền-bá văn-minh Hi-lạp ở trung-bộ Á-châu Người Đại-Nguyệt đến ở cùng với di-dân Hi-lạp, thân-thái lấy văn-minh Hi-lạp, rồi dần dần đuổi bọn di-dân Hi-lạp đi. Vua Vũ-đế nhà Hán sai sứ là Trương Khiên sang giao-thông với dân Đại-Nguyệt. Trương Khiên đi qua đất Hung-nô, phải giam ở đây mười năm, lấy một người vợ Hung-nô, rồi mới được tha. Sau đến được đất Đại-Nguyệt ở đây đề bàn với người Đại-Nguyệt giao-hiệp với nước Tàu, nhưng không xong. Song cũng nhân đây khảo-cứu về đất nước phong-tục, và bấy giờ mới nghe thấy lần thứ nhất nói đến tên một nước Chấn-độ (*Chen-tou*), lại thấy nói có những lái buôn đem tre trúc ở đất Thục (Tứ-xuyên) sang tận đất *Kaboul*. Tên Chấn-độ đó tức là tên sông *Indus*, người Ấn-độ đọc là *Sindhu* và người Ba-tư (*Perse*) đọc là *Indu*. Sau đến khi đạo Phật thịnh-hành thời gọi Ấn-độ là Thiên-trúc (*T'ien-tchou*). Tiếng phạn (*sanscrit*), thời *Indus*

(1) Có sách nói nên đọc như 肉支 *Nhục-chi* Nhưng trong Tự-diễn chữ 月氏 xếp vào 月

nghĩa là mặt trăng và đất Ấn-độ là đất sáng-sua, vàng-vạc trong liệt-bang như mặt trăng trong đám sao. — Trương Khiên trở về Tàu, rồi sau nước Tàu mấy lần sai sứ sang thăm cái đất mới biết đó. Một lần vua sai ông tướng Lý Quảng-Lợi 李廣利 (Li Kouang-li) suất 10 vạn quân để sang bắt thú ngựa đất Ba-tư gọi là « ngựa máu ». (huyết-hãn-mã) 血汗馬) Quân ấy đánh được đất *Ferghana*, bây giờ thuộc Nga, và đem được ngựa về. Vua Vũ-đế lại mấy lần sai sứ sang miền gần Vân-nam để tìm đường sang Ấn-độ qua Diêm-diện; nhưng mấy bộ sứ đó bị người thổ-dân giết hết.

Năm thứ hai trước kỷ-nguyên là một năm đáng kỷ-niệm. Bấy giờ là đời vua Ai-đế (Ngai-ti) nhà Hán, có một người tên là Cảnh-Lục 景陸 (King-lou) sang đất Đại-Nguyệt được người ta đọc cho nghe một bộ kinh Phật, nhớ lấy, truyền về nước Tàu. Đó là sách Phật đem sang Tàu lần thứ nhất.

Hồi đầu, đạo Phật mới truyền-bá sang Tàu thì sử chép không rõ, chỉ biết rằng trong năm-mươi năm đạo thịnh lắm. Năm thứ 50 sau kỷ-nguyên tây-lịch có một ông vua nhà Chu theo đạo Phật. Người Tàu bấy giờ sang Tây-phương cũng đã nhiều, về thế-kỷ thứ nhất sau kỷ-nguyên có hẳn hai con đường đi từ cửa Ngọc-môn-quan (Yu-men-Koan) phía Bắc qua *Koutcha*, phía Nam qua *Khotan*. Hai đường ấy ngày nay vẫn còn người đi lại.

Vào khoảng năm 60 hay là 70 sau kỷ-nguyên, vua Minh-đế nằm mộng thấy một người vàng ở trên trời xuống. Hỏi các thầy đoán mộng thời mộng ấy là điềm trong nước nên theo đạo Phật. Vua Minh-đế bèn phái sang Ấn-độ một bộ sứ để tìm các sư Ấn-độ đem về Tàu. Bộ sứ đem về hai ông sư Ấn-độ, một thầy Già-diệp Ma-đăng 迦葉摩騰 (Kasyapa-Ma-tang); một thầy Trúc Pháp-Lan 竺法蘭 (Tchou-Ba-lan). Vua truyền dựng cái chùa cho hai thầy ở, gọi là Bách-mã-tự; hai thầy dịch bộ « Tứ-thập-nhị-chương kinh ».

Sau hai thầy, trong 10 thế-kỷ, người Tàu kế-tiếp nhau sang Ấn-độ và dịch không biết bao nhiêu kinh Phật. Có một ông Hoàng người Ba-tư ở bên Tàu, tên là An-Thế-Cao 安世高 (An Che-cao), nhất-danh là An-tây-hầu 安兜侯 (An-si-héou) dịch nhiều sách lắm. Nước Ba-tư có một địa-vị to trong lịch-sử tiến-hóa đạo Phật ở Tàu; luật Đại-thừa là từ Ba-tư đem sang Tàu. Thờ Phật A-di-đà (*Amida*) cũng do từ Ba-tư, và sự quan-niệm về cõi Cực-lạc (*Sukhavati*) cũng từ đó.

Những sư sang dịch kinh là người khắp các miền Ấn-độ, nhất là ở *Kaboul*, ở *Ca-chemire*, ở lưu-vực sông Hằng-hà là nơi Phật-to phát-tích. Ông dịch sách có tiếng nhất là ông Cưu-ma-la-thập (*Kumarajiva*) sinh ở trung-bộ Á-châu, người Tầu, cha, đây có một trường Cao-đẳng ở người Tàu chuyên về Ấn-độ-học.

Nhiều sư Tàu sang Ấn-độ về có viết di-ký và nhờ có những sách di-ký ấy mà ngày nay mới biết rõ được lịch-sử và địa-dư Ấn-độ đời xưa. Ông sư trú-danh nhất là ông Pháp-Hiền 法顯 (Fa-Hien), vào khoảng 400 năm sau kỷ-nguyên, đi đường bộ sang Ấn-độ, tới tận *Ceylan* (Tích-lan), rồi đi đường bề về Tàu. Năm 628 sau kỷ-nguyên, ông Huyền-Trang 玄奘 (Huien-tsang) ở 13 năm ở Ấn-độ, học chữ phạn rồi về lập trường dạy học-trò đông lắm. Bấy giờ là đời nhà Đường đương thịnh. Bốn-mươi năm sau, ông Nghĩa-Tĩnh 義淨 (Yi-tsing) ở 12 năm ở Ấn-độ và đem về nhiều sách quý lắm.

Trước còn giao-thông về đường tôn-giáo, sau đến giao-thiệp về đường chính-trị. Đời vua Dương-đế (Yang-ti) nhà Tùy (Soei) vua nhờ một ông sư Ấn-độ làm một bài bằng chữ phạn để tâu dương thanh-thể nhà Tùy. Về đời nhà Đường, vua Thái-tôn (T'ai-ts'ong), mấy lần sai sứ sang các vua Ấn-độ. Một người tên là Vương Huyền-Tử 王玄子 (Wong Hiuen-tze) thường đi lại nhiều lần, một lần đưa người sứ Ấn-độ ở Tàu về nước. Đến nơi thời vua nước ấy đã chết rồi, con nối ngôi có ý ngược-dãi, bèn trốn sang Tây-tàng, họp tập quân lính sang đánh ông vua thất-tin đó, bắt đem về Tàu. Hồi bấy giờ Tây-tàng mới mạnh, nhờ có ông vua giỏi tên là *Srong-Btsan-Sgam-Po*, có hai người vợ, một người Tàu và một người Ấn-độ ở *Népal*. Sự hôn-nhân với hai nước đó hỗn-hợp được hai cái văn-minh khác nhau. Ở Ấn-độ có vua đất *Assam* muốn nước Tàu dịch bộ *Đạo-đức-kinh* của Lão tử ra tiếng phạn; nhưng các sư và các thầy đạo-sĩ không đồng-ý nhau nên không dịch xong. Bấy giờ trong thiên-hạ đương náo-dộng về đường chính-trị, đường tôn-giáo. Đạo Hồi mới nhóm lên, người *Arabes* đến tận giáp-giới Ấn-độ. Tây-tàng đương muốn tràn sang nước Tàu, và vua Tây-tàng bắt giam được vua

Tàu. Tuy vậy mà người Tàu sang Ấn-độ học Phật vẫn đông. Ở *Bodhi-gaya* là nơi Phật-tổ đản-đạo, có bia chữ khắc từ đời nhà Tống, đủ biết rằng người Tàu sang trải lế-sùng lắm. Về đường bể cũng bắt đầu họ-ao-thông. Về đầu kỷ-nguyên, người Ấn-độ đã biết đảo *Java*, và về đời nhà Hán, người Tàu cũng có biết bờ bể Phi-châu. Ấn-độ và Tàu gặp nhau ở *Indochine*, tên ấy đặt thật đúng lắm. Tự thế-kỷ thứ 3 có một ông sư Ấn-độ tên là Tăng-llội (Seng-Houei), vốn người đất *Samarkande* sang ở Bắc-kỳ, rồi sang Tàu. Ở *Indochine* thời hai văn-minh dung-hòa làm một và lập thành ra nhiều nước mới, như Phù-nam (là nước Xiêm), Chân-lạp (là nước Cao-miên). Trung-kỷ khi xưa là một nước giòng Ấn-độ có nhiều ít nhiều văn-hóa Tàu, tức là Chiêm-thành. Ảnh-hưởng hai văn-minh ấy đến tận *Java* và quần-đảo *Sonde*. Ở đảo *Sumatra*, có trường *Srivajaya* là nơi chuyên-trị Phật-học cho người hai nước Ấn-độ và Tàu đi lại Sách *Nam-hải-kỳ-qui* chính là xuất tự đó.

Trong mười thế-kỷ, nước Tàu tiếp-thụ được một cái tôn-giáo lớn, một cái văn-chương lớn, gồm cái tinh-t túy của Ấn-độ. Lại thái-thái được một cái lý-tưởng rất cao-siêu, một cái triết-học rất thuần-túy. Tàu lại mượn của Ấn-độ những truyện ngụ-ngôn nữa. Về thế-kỷ thứ 6, có một ông sư Ấn-độ ở *Koutcha* lại, sửa cái âm-nhạc-học của Tàu. Về thiên-văn-học, Tàu cũng được của Ấn-độ nhiều. Nghề chạm, nghề vẽ cũng chịu ảnh-hưởng của các mĩ-thuật Ấn-độ. Mĩ-thuật cổ đời Ngụy có theo một cái kiểu Ấn-độ, chính Ấn-độ cũng tiếp-thụ được của người Hi-lạp, kiểu ấy là kiểu con ngựa chạy, Tàu mượn của Ấn-độ mà Ấn-độ mượn của Hi-lạp.

Xem như đó thì biết rằng không có một cái văn-minh nào là tự mình sáng-tạo ra được, và cái quốc-gia-chủ-nghĩa hẹp-hòi một sự không hay. Nước cũng như đời, đều có nợ lẫn nhau cả. Mấy thời-lớn trong lịch-sử nước Tàu như đời nhà Đường đều có chịu ảnh-hưởng của ngoài cả. Không phải là nhất-thiết phỏng ép của ngoài đâu, nhưng là kén chọn ngoài cái gì thích-hợp với mình mà dung-hòa lấy. Ngày nay hai văn-minh nước Pháp và nước Tàu gặp nhau ở Văn-nam này, cũng nên ước-ao rằng sẽ dung-hòa với nhau, thật là ích-lợi cho cả hai nước

và cho cả nhân-loại nữa.

II. — Bác-sĩ diễn-thuyết về nhân-đạo-học cho học-trò nghe, có thuật lại cái sự-nghiệp dạy học của ngài. Nhưng ngài nói rằng kỳ-thực ở đời này, không ai làm thầy ai cả, ai cũng là học-trò hết, vì người nào cũng phải nhờ vả có nợ người học giỏi hơn mình. Như ông CHEVREUL là nhà hóa-học trứ-danh nước Pháp, đã thọ đến 100 tuổi, danh-giá vô-cùng, mà thường nói rằng mình chẳng qua là người học-trò già nhất trong nước mà thôi, lấy thế làm vnh-ạnh. Sánh với sự học, người ta có là bao nhiêu, sánh với sự chưa học tới lại còn bé nhỏ hơn nữa. Không nói những tinh-lú trên bầu trời, quanh mình chẳng phải là những sự bí-hiêm cả du? Như những giống vật ở quanh ta, ta có biết cái tâm-lý nó thế nào không? Còn những kẻ đồng-loại ta hằng ngày giao-tiếp, chẳng qua cũng là trông mặt bắt hình-dong mà thôi, biết được bụng dạ thế nào?

Phàm vật gì, bất-cứ nhỏ lớn, phải xét qua cái trí-não người ta mới hiểu được. Vậy thời sự học thứ nhất là học về người. Có hai cách học về người: một cách như ở Ấn-độ là xét người ta là một cái hình-trạng của một đấng vô-cùng tuyệt-đích; một cách như ở Hi-lạp và ở Tàu là coi người ta là một bộ-phận trong cái cơ-quan lớn của nhân-loại. Nhà triết-học Hi-lạp ARISTOTE nói người ta là một giống hợp-quần (*un animal politique*); câu ấy ông Khổng-tử chắc cũng cho là phải. Nhưng kỳ-thực cái tư-tưởng của hai ông có khác nhau: ông ARISTOTE thời cho người ta là một kẻ công-dân (*citoyen*), một mình là đại-biêu của xã-hội, mà cả xã-hội là thu nhỏ ở mình. Xã-hội là gồm nhiều người, người nào cũng bằng-đẳng nhau mà người nào cũng có quyền được tham-dự việc công. Đó là cái lý-tưởng về dân-chủ, cho người công-dân được phép tự-do nghi-luận việc công. Lý-tưởng của đạo Khổng thời khác, không ở sự bình-đang mà ở sự trật-tự. Các xã-hội Tây-phương đều lấy lý-tưởng dân-chủ làm gốc. Lý-tưởng ấy mở rộng ra thời cho là loài người ta, dù chủng-tộc thời-đại khác nhau, cũng là đồng một nhân-loại. Đó chính là gốc sự học ở Thái-Tây. Sự học ấy không đâu rõ-rệt hằng ở nước Pháp. Tự đời Phục-hưng đến giờ, phái nhân-đạo-học (*humanisme*) thịnh lắm. Nhân-đạo-học là học làm người thế nào là hoàn-toàn tuyệt-đích. Trong triết-học Tàu cũng

có cái lý-tưởng phảng-phất như thế ; nhưng mà xét một chữ *nhân* 仁 là chỉ cái lòng nhân trong hai người với nhau mà thôi, người nọ đối với người kia mà thôi. Nhân-đạo-học của Tàu là thuộc về luân-lý, về chính-trị. Nhân-đạo-học của Pháp là lấy tình hoà-với lý mà cố suy cho được cái đạo làm người chung cho cả nhân-loại. Kết-quả cứu-cánh của sự học ấy là dạy cho người ta có tư-cách làm một người « công-dân của thế-giới » (*un citoyen du monde*). Nói thế không phải là người ta phải bỏ nước mình mà theo cái quốc-tế-chủ-nghĩa (*internationalisme*) đâu ; nhưng phải hiểu rằng thế-giới là một cái bộ máy

điều-hòa, các bộ-phận phải hòa-hợp nhau mà không thể phản-trái nhau vậy. Làm người ai cũng phải hết lòng yêu nước mình, nhưng không phải yêu mà đến nỗi mờ-mịt quên cả nước người. Nước nào cũng có cái đặc-sắc của nước ấy, ta phải biết cái đặc-sắc của ta ở đó mà phát-siễn nó ra. — Tỉnh Vân-nam nghe đâu sắp mở trường Đại-học, nên ước-ao rằng trường ấy sẽ dạy về nhân-đạo-học, điều-hòa cái tinh-thần của nước Pháp với cái tinh-thần của nước Tàu, và sẽ nghiên-cứu về nước Pháp một cách có cảm-tình cũng như người Pháp nghiên-cứu nước Tàu vậy.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIỀN-ĐỨC »

Tiệc trà đón ông Bác-sĩ Sylvain Lévi. — Nhân ông SYLVAIN LÉVI là một nhà bác-học có tiếng bên Đại-Pháp sang du-lich bên ta. Hội ta ngày thứ sáu mồng 8 tháng 12 năm 1922, hồi 9 giờ tối có đặt tiệc trà để đón ngài và quý-phu-nhân. Mấy bữa trước hôm ấy, Chánh Phó Hội-trưởng là quan Hoàng Trọng-Phu và Trần Văn-Thông, chánh phó Thư-ký là ông Phạm Quỳnh và Nguyễn Quý-Toán có thân-hành đến tận chỗ trọ mời ngài và nói mục-dịch Hội cho ngài biết ; nhân thế hỏi ý-kiến ngài về việc giáo-dục và sự học tiếng Pháp ở các trường ta ; lại xin ngài làm ơn diễn-thuyết cho các hội-viên nghe. Ngài vui lòng nhận lời ngay.

Bữa ấy Hội có mời quan Toàn-quyền BAUDOIN, quan Thống-sứ MONGUILLOF, quan Nguyễn-soái BLONDLAT và các văn-võ quý-quan đông lắm. Các hội-viên có mặt tại Hà-nội đến dự tiệc và nghe diễn-thuyết rất đông.

Khai này đồng đủ cả quan Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu đọc một bài diễn-văn chúc mừng bằng chữ Pháp, dịch ra quốc-âm như sau này :

- « Trình quan Toàn-quyền,
- « Trình quan Thống-sứ,
- « Thưa Tiên-sinh,
- « Thưa quý phu-nhân,
- « Thưa các Ngài,

« Ông danh-sĩ nước Anh RUDYARD KIPLING có nói một câu rằng : « Đông-phương là Đông-phương, Tây-phương là Tây-phương, không bao giờ gặp nhau được ». Lời nói quả-quyết ấy, không biết bởi cái lòng tự-cao tự-đại hay là cái chủ-nghĩa đế-quốc gì của người *Anglo-Saxons* mà phát-khởi ra, nói mạnh-bạo như thế, mới nghe tưởng là lời nói đích-đáng lắm, mà buổi họp hôm nay đây đủ chứng rõ là lời nói sai vậy. Người Tây, người Nam, cùng nhau một lòng yêu-mến, không có chút tr-ình tư-ý gì, cùng họp lại đây để tỏ lòng cảm-

phục và hoan-nghênh một nhà bác-học đã có công nghiên-cứu những sự huyền-bí của cả Đông-phương, không những thế, lại tìm tòi phát-minh được nhiều sự lạ, khác nào như khôi-phục lại cho đất Á-châu cũ này những cái văn-vẻ cao-thượng đời xưa mà chính người Á-châu đã kinh qua lắm cuộc tang-thương mà tự-mình quên nhãng đi vậy.

« Thưa Tiên-sinh, sự-nghiệp thanh-danh ngài đã vượt trùng-đương mà tới tận nước chúng tôi. Chúng tôi biết ngài đã có công to về Ấn-độ-học, ngài đã đem hết cái trí sáng-suốt, cái tài thông-hiểu mà khám-phá cho thế-giới biết những sự huyền-bí li-kỳ của văn-chương triết-học đất Thiên-trúc, các tổ-tiên chúng tôi ngày xưa cho đấy là chốn Tây-thiên Lạc-thổ vậy.

« Trong cái thế-giới náo-nhiệt ngày nay, ngài là một người lỗi-lạc đã đặt mình sinh-trưởng vào trong cái lịch-sử sâu-xa của các xã-hội cổ Đông-phương.

« Giữa cái phong-trào lớn nó lôi nó cuốn cả nhân-loại đến những nơi bờ bến đâu đâu, các xã-hội kia trước vẫn tưởng rằng y-nhiên không thay-đổi được nữa, ngày nay cũng biến-hóa rồi, và sự biến-hóa ấy mỗi ngày một mau, như mắt trông thấy vậy. Xã-hội Việt-Nam chúng tôi, tuy nhỏ hẹp, mà cũng phải theo phong-trào Trái với lời quả-quyết của nhà văn-sĩ nước Anh kia, Đông-phương với Tây-phương gặp nhau trên đất Việt-Nam cũ này, và gặp nhau ấy sẽ có nhiều cái kết-quả quan-trọng cho tương-lai giống nòi chúng tôi. Kết-quả ấy sẽ thế nào ? Nếu tương-lai là do ở hiện-tại, hiện-tại cũng là do ở quá-khứ mà ra, thì những người đã nghiên-cứu về sự tiến-hóa của các dân-tộc đời xưa, tất là có đủ tư-cách chỉ bảo cho ta biết các dân-tộc ấy hiện bây giờ và về sau này sẽ biến-hóa ra là sao.

« Như xã-hội chúng tôi bây giờ có một cái vấn-đề hệ-trọng nhất, là vấn-đề làm thế nào cho thích-hợp với sự sinh-hoạt đời nay. Mà thích-hợp về đường tinh-thần, thích-hợp với cái tinh-túy của văn-minh học-thuật còn cần hơn là thích-hợp về đường vật-chất, thích-hợp với cái hình-thức, cái kỹ-thuật đời nay. Thích-hợp về đường vật-chất thời dễ, vì chẳng qua là theo cái trình-thức thường của sự mô-phỏng mà thôi; thích-hợp về đường tinh-thần thời phải am-hiểu và phải biết tôn trọng những cái phép-tắc thuộc về lễ-tiến-hóa chung, phép-tắc ấy trong khi thực-hành người ta thường quên mà không nhớ đến. Nhưng mà nói làm cho thích-hợp tức là nói cần phải giáo-dục. Nếu cái mục-dịch cứu-cánh của sự giáo-dục là gây nên cái nhân-cách thuần-túy và khiến cho nó phát-siêng được hoàn-toàn không trái với cái hoàn-cảnh về xã-hội, về lịch-sử, vậy thời quý-quốc giáo-dục cho con em chúng tôi phải thế nào? Có nên làm cho người Việt-Nam mất giống đi, hay là nên để cho giữ được những cái cảm-tình tư-tưởng đã gây ra cái quốc-túy của giống Việt-Nam? Vấn-đề ấy, kẻ học-thức trong nước chúng tôi đương lấy làm khó nghĩ lắm. Nhân bây giờ có người đương nghị-luận về cách nên tổ-chức bậc sơ-dẳng-giáo-dục thế nào, và có nêu dùng chữ Pháp làm gốc sự giáo-dục ấy không, vấn-đề ấy lại càng thiết-thời lắm.

« Hội chúng tôi mục-dịch là giúp mở-mang trí-thức, tăng-tiên đạo-đức trong quốc-dân, lấy cái vấn-đề giáo-dục ấy làm yêu-cần và khẩn-thiết lắm. Vấn-đề ấy chẳng qua cũng là một phương-diện của cái vấn-đề to-tát kia, là vấn-đề Đông-phương với Tây-phương gặp nhau, ngày nay các bậc đại-trí ở Tân Cựu Thế-giới đương đề tâm nghiên-cứu, thật là trái với lời nói của ông KIPLING vậy.

« Tiên-sinh là một bậc danh-sư bên Đại-Pháp, lại là một tay bác-học ở Tây-phương chuyên-trị về Đông-phương, bửa nay chúng tôi được nghênh-tiếp Tiên-sinh ở nhà Hội-quán Việt-Nam này, tôi không thể đừng không thay lời các anh em trong hàng Hội mà xin ngài cho biết ý-kiến sáng-suốt của ngài về cái vấn-đề quan-trọng sự giáo-dục người Việt-Nam đó. »

Bác-sĩ trả lời rằng ngài không tường việc Đông-dương, chỉ biết việc Ấn-độ; ngài bèn diễn-thuyết về Ấn-độ trong hơn một giờ đồng-hồ, tuy không trực-tiếp trả lời về câu hỏi của Hội Khai-trí, mà cũng là trả lời một cách gián-tiếp vậy. Bài diễn-thuyết của ngài thế nào đã lược-thuật ở mục *Thời-dàm* trên kia.

Tiệc hoan-nghênh các hội - viên Hội « Tây-Nam ái-hữu » ở Sài-gòn và các thân-hào đại-biểu Trung Nam Kỳ ra Hội-chợ Hà-nội. — Nhân có ông Hội-trưởng Hội « Pháp-Việt Công-quán » (*Cercle Franco-Annamite*) ở Sài-

gòn và các thân - hào Trung-Nam-Kỳ ra xem Hội-Chợ Hà-nội, ngày chủ-nhật 24 tháng 12 năm 1922 hồi 6 giờ chiều, có đặt một tiệc « xam-banh » để hoan-nghênh. Hội lại mời cả các quan đại-hiến về dự Hội-đồng Chính-phủ. Khi các khách mời và các hội-viên đã đến đông đủ cả, quan Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu có đọc mấy lời chúc mừng bằng tiếng Pháp, đại-khái nói rằng:

« Ngày nay là Hội « Pháp-Việt công-quán » ở Hà-nội chúc mừng các ngài hội-trưởng và hội-viên hội « Pháp-Việt công-quán » ở Sài-gòn ra chơi Hà-nội.

« Hai nơi thu-phủ ở Bắc và ở Nam đồng-thời lập hai hội giống nhau, cùng một mục-dịch là làm cho cái tinh-ngĩa người Pháp người Việt ngày một thân-mật hơn lên, đó cũng là một cái triệu-trưng thời thế mới. Lại là cái biểu-hiệu sự tiến-hóa trong nước ta bây giờ. Ngày nay thật là xa cái hồi xưa kia người Pháp với người Việt, ngoại sự giao-tế về việc quan cần phải giữ-gìn không được thân-mật, không có dịp nào năng đi lại với nhau để biểu cái tình thân-ái của người hai giống, lại là hai giống rất dễ thương yêu nhau.

« Buoì họp mặt hôm nay lại còn có một cái ý-ngĩa khác nữa, là tỏ ra cái tình thân-ái của hết cả người Việt-Nam, bất-kỳ là người Nam-kỳ hay là người Bắc-kỳ. Theo một cái thiên-kiến không biết hồi đầu mà ra, người ta thường nói rằng người Bắc-kỳ với người Nam-kỳ tình-khi khác nhau, nên khó hòa-hợp với nhau. Cái thiên-kiến ấy cũng như các cái thiên-kiến khác, thật là sai lầm; ở nước ta đây cũng như ở bên Pháp kia, người Bắc-phương với người Nam-phương, cái tinh-chất có khác nhau một đôi chút, nhưng sự khác nhau ấy là bổ-trợ lẫn cho nhau, khác nào như hai cái phương-diện của một giống người. Xưa nay vì giao-thông cách-trở cho nên kẻ Nam người Bắc không năng đi lại gặp nhau. Nhưng sự cách-trở ấy rồi mỗi ngày một bớt dần đi, và những dịp như Hội-Chợ Hà-nội này tức là giúp cho kẻ Nam người Bắc năng được giao-tiếp với nhau vậy.

« Nay tôi chúc mừng các ngài trong Hội Pháp-Việt ở Sài-gòn, và xin cả các ngài đây nâng cốc rượu mừng cho nghĩa Pháp-Việt mỗi ngày một rõ-rệt, và tình đồng-bào kẻ Nam người Bắc mỗi ngày một thân-mật hơn lên vậy. »

Quan Hoàng nói xong thì ông FAYS là

ng nghị-tướng Hội-đồng Quản-hạt (*conseil colonial*) và là Hội-trưởng Hội Pháp-Việt Sài-gòn đứng lên cảm ơn Hội Khai-tri và cũng giảng-giải về nghĩa Pháp-Việt-tương-thân.

Dự tiệc « xâm-banh » có quan Thống-đốc Nam-kỳ Dr COGNACQ, quan Thống-sứ Bắc-kỳ MONGUILLON, nhiều các quý quan lớn, ông nghị-trưởng Fays, quan Đông-các Nguyễn Hữu-Bai, các thân-hào Nam Trung-kỳ, và các hội-viên Tây-Nam của Hội Khai-tri, ước hơn 200 người.

Đến 8 giờ tối, Hội đặt tiệc ăn, mời các thân-hào Trung-Nam-kỳ. Dự tiệc, về phần khách có những vị như sau này: quan Đông-các Nguyễn Hữu-Bai, ông Lê Văn-Trung có chân Hội-đồng Chính-phủ, ông Y-khoa Tiến-sĩ Lê Quang-Trinh và ông Trần Khắc-Nương, có chân Hội-đồng Quản-hạt ở Nam-kỳ, quan Đốc-phủ-sứ Đỗ Quang-Trứ ở Cần-thơ và các phái-viên Trung-Nam-kỳ ra Hội-Chợ chừng 20 ông; lại có mời cả mấy ông Chánh Phó Bang-trưởng Quảng-đông và Phúc-kiến ở Hà-nội để cho các ông biết cách-thức của nhà Hội-quán Việt-Nam; về phần trong Hội thì có các quan-viên trị-sự đông đủ cả và các hội-viên chủ-tri tán-trợ ở Hà-nội và ở các nơi có ký giấy xin dự tiệc. — Cả thấy tân-chủ tới ngót 90 ông. Tiệc vui-vẻ lắm, mãi đến 12 giờ đêm mới tan.

Một điều xin các ngài hội-viên chú-ý, là khi nào trong Hội có tiệc to như thế này, thời Hội đưa tờ đặt luân-chuyển cho các hội-viên ở Hà-nội biết, ông nào muốn dự tiệc thời ký tên vào giấy; lại đăng lên báo trước mấy ngày để các hội-viên ở các tỉnh đều biết, hoặc có ông nào tiện về Hà-nội muốn dự-tiệc thời viết giấy cho Hội hay. Đó không phải là Hội mời, ông nào dự-tiệc phải góp tiền, trước kia thời góp cả phần mình và cả phần các khách của Hội mời, nhưng từ nay định ông hội-viên nào dự tiệc chỉ phải góp một phần mình, còn phần khách Hội chịu.

— Ngày thứ bảy mồng 6 tháng giêng năm 1923, các quan-viên trị-sự Hội Khai-tri có đặt một tiệc thân-tình để mời quan cai-trị MARTY, và qui-phu-nhân mới ở bên Pháp sang. Quan MARTY là người rất có công với Hội, nhân vì qui-phu-nhân mới tới Hà-nội, tòa trị-sự Hội muốn tỏ lòng kính mến ngài. Tiệc vui lắm và lại có cái vẻ thân-mật khác thường. Bữa ấy các viên

trị-sự Hội đủ mặt hết, chỉ có quan Phó Hội-trưởng Từ Đạm ở Hải-dương không lên được mà thôi. Lại có mời mấy bà và mấy cô đề tiếp bà MARTY. Chủ tiệc là bà lớn Thiếu Hoàng Trọng-Phu; các bà hội-viên thời có bà Nguyễn Quý-Toản, bà Phạm Quỳnh, v. v. — Tiệc xong có mấy bà và mấy cô đánh đàn tày vui-vẻ lắm.

Quyên vào Hội. — Trong tháng 12 năm 1922, có hai vị ở Nam-kỳ đã quyên tiền vào Hội ta, xin kê tên như sau này và có lời cảm ơn hai ngài:

Ông Nguyễn Hữu-Tuất, kỳ-mục ở làng Mĩ-bình, tỉnh Tân-an 40 \$ 00

— Trương Minh-Lý, nghị-viên hàng tỉnh ở Chợ-lớn. 100 . 00

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng Décembre vừa rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng trong các Hội-viên ngài nào có điều gì đi-nghỉ xin viết thư về cho Hội biết:

Xin vào chân chủ-tri:

1. — Đỗ Vi-Dục, Giáo-sư trường Tư-thục, làng Sella, tổng Thượng-Thanh-oai Hà-đông.
2. — Đặng Văn-Lâm, Lý-trưởng xã Hoàng-Xá, tổng Vạn-diêm, phủ Thường-tin, Hà-đông.
3. — Đoàn Văn-Thịnh, làng Đò-quang, huyện Nam-trực, Nam-định.
4. — Đỗ Đức-Long, Secrétaire des Travaux publics (Bureau de l'ingénieur en chef), 97 Rue des Médicaments, Hà-nội. (do ông Nguyễn Huy-Cơ giới-thiệu.)
5. — Hoàng Đình-Cương, Marchand de bois, 12 Rue Pottier, Hà-nội (do ông Nguyễn Huy-Cơ giới-thiệu.)
6. — Nguyễn Hữu-Sử, Thư-ký làng Khê-tang, tổng Đại-định, huyện Thanh-oai, Hà-đông.
7. — Nguyễn Đức-Minh, buôn bán, 59 phố hàng Đường Hà-nội. (do ông Trần Quỳnh giới-thiệu.)
8. — Nguyễn Bá-Khoát, làng Thượng-thôn Viên-nội, tổng Viên-nội, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông.
9. — Nguyễn Như-Kiểu, làng Thượng-thôn, xã Viên-nội, tổng Viên-nội, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông. (do ông Nguyễn Như-Tùng giới-thiệu.)
10. — Nguyễn Chính, làm việc sở Thú-y, Hà-tĩnh (Trung kỳ.)
11. — Nguyễn T-Hiệp, Nguyễn Union Cycles, village de Phú-kiết, Thanh-quán, Mỹ-tho (Cochinchine.)
12. — Nguyễn Văn-Kỳ, Commis de la compagnie du Yunnan et Vice-Président de la société de Secours Mutuels des Tonkinois dite Quảng-thiện, 8 rue G. Lamblot, Hà-nội.
13. — Trương Như-Mai, làng Tiên-thôn, xã Viên-nội, tổng Viên-nội, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông.
14. — Vũ Văn-Giù, commercant, 61 Rue des Paniers Hà-nội. (do ông Trương Minh.Sanh giới-thiệu.)
15. — Tạ Công-Thế, làng La-phù, tổng Yên-lung, phủ Hoài-đức, Hà-đông.
16. — Nguyễn Văn-Kính, làm ruộng, làng La-phù, tổng Yên-lung, phủ Hoài-đức tỉnh Hà-đông.

Mới Xuất-bản

Cuộc lang-thương. — (Xã-hội tiểu-thuyết)

Tả một cảnh gia-đình tan-nát vì cái hại lấy bầu và mục-dịch sự học của bạn quần-thoa thể nào cùng cái tình bè bạn ngày nay diên-đảo ra làm sao.

Riêng hiến các bạn thiếu-niên.

Hơn 100 trang giấy rộng, giá bán . . . 0\$ 30.

Ai muốn mua xin viết thư cho M. Bùi Xuân-Học, 61, 63 Rue du Coton. — Hà-nội.